



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 10

Số 245 + 246 (01/10/2009)

MỤC LỤC

Ngày ban hành

Trích yếu nội dung

Trang

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

11-9-2009 - Quyết định số 4261/QĐ-UBND về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hồ Chí Minh.

2

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4261/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 9 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Đơn giản hóa thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước giai đoạn 2007 - 2010;

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-TTg ngày 04 tháng 01 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch thực hiện Đề án Đơn giản hóa thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước giai đoạn 2007 - 2010;

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh tại Công văn số 1071/TTg-TCCV ngày 30 tháng 6 năm 2009;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1078/SNN-VP ngày 28 tháng 8 năm 2009 và Tổ công tác thực hiện Đề án 30 của Ủy ban nhân dân thành phố tại Tờ trình số 37/TTr-ĐA30 ngày 07 tháng 9 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hồ Chí Minh.

1. Trường hợp thủ tục hành chính nêu tại Quyết định này được cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ sau ngày Quyết định này có hiệu lực và các thủ tục hành chính mới được ban hành thì áp dụng đúng quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và phải cập nhật để công bố.

2. Trường hợp thủ tục hành chính do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành nhưng chưa được công bố tại Quyết định này hoặc có sự khác biệt giữa nội dung thủ tục hành chính do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này thì được áp dụng theo đúng quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và phải cập nhật để công bố.

Điều 2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Tổ công tác thực hiện Đề án 30 của Ủy ban nhân dân thành phố thường xuyên cập nhật để trình Ủy ban nhân dân thành phố công bố những thủ tục hành chính nêu tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này. Thời hạn cập nhật hoặc loại bỏ bộ thủ tục hành chính này chậm nhất không quá 10 ngày, kể từ ngày văn bản quy định thủ tục hành chính có hiệu lực thi hành.

Đối với các thủ tục hành chính nêu tại khoản 2 Điều 1 Quyết định này, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Tổ công tác thực hiện Đề án 30 trình Ủy ban nhân dân thành phố công bố trong thời hạn không quá 10 ngày, kể từ ngày phát hiện có sự khác biệt giữa nội dung thủ tục hành chính do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này hoặc thủ tục hành chính chưa được công bố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4261/QĐ-UBND
ngày 11 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Phần I

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

| STT | Tên thủ tục hành chính |
|--------------------------------|---|
| I. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP | |
| 1 | Cấp chứng chỉ hành nghề tư vấn, dịch vụ kỹ thuật về thú y (055196) |
| 2 | Cấp chứng chỉ hành nghề kinh doanh thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y (065151) |
| 3 | Cấp chứng chỉ hành nghề xét nghiệm bệnh, phẫu thuật động vật (055176) |
| 4 | Cấp chứng chỉ hành nghề tiêm phòng, chẩn đoán bệnh, kê đơn, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe động vật (055089) |
| 5 | Gia hạn chứng chỉ hành nghề trong lĩnh vực thú y (Đối với các chứng chỉ hành nghề do Chi cục Thú y cấp) (055208) |
| 6 | Đăng ký xây dựng vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh (055501) |
| 7 | Kiểm dịch động vật tham gia hội chợ, triển lãm, biểu diễn nghệ thuật, thi đấu thể thao (động vật vận chuyên trong nước) |
| 8 | Kiểm dịch sản phẩm động vật tham gia hội chợ, triển lãm (sản phẩm động vật trong nước) |
| 9 | Kiểm dịch động vật vận chuyên ra ngoài tỉnh (055575) |
| 10 | Kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyên ra ngoài tỉnh (055602) |

| STT | Tên thủ tục hành chính |
|-----|---|
| 11 | Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật tại Trạm kiểm dịch động vật đầu mối giao thông. |
| 12 | Thẩm định điều kiện vệ sinh thú y đối với các cơ sở do địa phương quản lý |
| 13 | Cấp chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở chăn nuôi tập trung, cơ sở sản xuất con giống; cơ sở giết mổ động vật, cơ sở sơ chế, bảo quản sản phẩm động vật; khu cách ly kiểm dịch, nơi tập trung động vật, sản phẩm động vật; cửa hàng kinh doanh động vật, sản phẩm động vật do địa phương quản lý |
| 14 | Kiểm dịch động vật vận chuyển trong tỉnh (055621). |
| 15 | Kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển trong tỉnh (055643). |
| 16 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc thú y thủy sản (055650). |
| 17 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn (058191) |
| 18 | Cấp giấy chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc BVTV (057432) |
| 19 | Gia hạn chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc BVTV (057507) |
| 20 | Cấp giấy chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc BVTV (057617) |
| 21 | Gia hạn chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc BVTV (057639) |
| 22 | Thông qua nội dung quảng cáo thuốc BVTV tại địa phương (057669) |
| 23 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề xông hơi khử trùng vật thể bảo quản nội địa (057813) |
| 24 | Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề xông hơi khử trùng vật thể bảo quản nội địa (057814) |
| 25 | Cấp chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng vật thể bảo quản nội địa (057816) |
| 26 | Gia hạn chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng vật thể bảo quản nội địa (058173) |
| 27 | Cấp thẻ xông hơi khử trùng vật thể bảo quản nội địa (058176) |
| 28 | Đổi thẻ xông hơi khử trùng vật thể bảo quản nội địa (058182) |
| 29 | Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn |

| STT | Tên thủ tục hành chính |
|-----|--|
| 30 | Đăng ký công nhận nguồn giống đối với cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm (057851). |
| 31 | Đăng ký công nhận lại nguồn giống đối với cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm (057852). |
| 32 | Cấp chứng chỉ chất lượng giống đối với lợn đực sử dụng cho thụ tinh nhân tạo cho cơ sở chăn nuôi lợn đực giống trên địa bàn của tỉnh, thành phố (057853). |
| 33 | Cấp chứng chỉ chất lượng giống đối với bò đực để sản xuất tinh lỏng cho cơ sở chăn nuôi bò đực giống trên địa bàn của tỉnh, thành phố (057854). |
| 34 | Cấp chứng chỉ chất lượng giống đối với trâu đực để sản xuất tinh lỏng cho cơ sở chăn nuôi trâu đực giống trên địa bàn của tỉnh, thành phố (057855). |
| 35 | Cấp chứng chỉ chất lượng giống đối với dê đực để sản xuất tinh lỏng cho cơ sở chăn nuôi dê đực giống trên địa bàn của tỉnh, thành phố (060960). |
| 36 | Đăng ký chỉ định Tổ chức chứng nhận Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho rau, quả, chè an toàn (đối với Tổ chức đăng ký hoạt động trên địa bàn 01 tỉnh) (061196) |
| 37 | Tiếp nhận công bố sản phẩm rau, quả, chè an toàn (VietGAP) (Trường hợp công bố dựa trên kết quả đánh giá của Tổ chức chứng nhận)(061231) |
| 38 | Tiếp nhận công bố sản phẩm rau, quả, chè an toàn (VietGAP) (Trường hợp công bố dựa trên kết quả tự đánh giá và giám sát nội bộ) (061248) |
| 39 | Tiếp nhận công bố phân bón hợp quy của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phân bón (061263) |
| 40 | Thủ tục đăng ký công nhận tiên bộ kỹ thuật (nếu có tiên bộ kỹ thuật chỉ đăng ký áp dụng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh) (061275) |
| 41 | Thủ tục đăng ký để được đánh giá, chỉ định là Tổ chức chứng nhận Quy trình thực hành chăn nuôi tốt cho bò sữa, lợn, gia cầm và ong (061288) |
| 42 | Chỉ định Tổ chức chứng nhận sản phẩm cây trồng an toàn, giống cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm (đối với Tổ chức chứng nhận đăng ký hoạt động trên phạm vi 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) |
| 43 | Chỉ định lại, mở rộng phạm vi chỉ định Tổ chức chứng nhận sản phẩm cây trồng an toàn, giống cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm (đối với Tổ chức chứng nhận đăng ký hoạt động trên phạm vi 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) |

| STT | Tên thủ tục hành chính |
|--------------------------------|--|
| 44 | Miễn giảm thủ tục đánh giá Tổ chức chứng nhận sản phẩm cây trồng an toàn, giống cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm (đối với Tổ chức chứng nhận đăng ký hoạt động trên phạm vi 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) |
| 45 | Miễn giảm thủ tục giám sát hoạt động đối với Tổ chức chứng nhận sản phẩm cây trồng an toàn, giống cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm được chỉ định có chứng chỉ công nhận (đối với Tổ chức đăng ký hoạt động trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) |
| 46 | Thay đổi, bổ sung, gia hạn quyết định Chỉ định Tổ chức chứng nhận Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho rau, quả, chè an toàn (đối với Tổ chức đăng ký hoạt động trên địa bàn 01 tỉnh) |
| II. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP | |
| 1 | Cấp giấy phép vận chuyển đặc biệt (058502). |
| 2 | Đăng ký trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã quy định tại các phụ lục II và III của công ước Cites (058504). |
| 3 | Cấp giấy chứng nhận trại nuôi gấu (056483). |
| 4 | Cấp giấy phép vận chuyển gấu (057351). |
| 5 | Kiểm tra và đóng búa Kiểm lâm đối với gỗ nhập khẩu (057369). |
| 6 | Xác nhận nguồn gốc gỗ nhập khẩu hợp pháp (057407) |
| 7 | Đóng búa Kiểm lâm (057420). |
| 8 | Cấp sổ khai báo nhập xuất gỗ và lâm sản (057429). |
| 9 | Xác nhận nguồn gốc động vật rừng thông thường để vận chuyển, mua, bán (057445) |
| 10 | Cấp giấy chứng chỉ công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (057462) |
| 11 | Cấp giấy chứng nhận nguồn gốc giống của lô cây con (057488) |
| 12 | Cấp giấy chứng nhận nguồn gốc lô giống cây trồng lâm nghiệp (057512) |
| 13 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp chính (057530) |
| 14 | Xác nhận đơn xin xuất khẩu/nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp (057542) |

| STT | Tên thủ tục hành chính |
|-----|---|
| 15 | Cấp giấy phép khai thác gỗ rừng sản xuất là rừng trồng, vườn rừng, rừng tự nhiên khoanh nuôi tái sinh của các chủ rừng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao để quản lý, bảo vệ và sử dụng vào mục đích lâm nghiệp (057557) |
| 16 | Cấp giấy phép khai thác gỗ rừng trồng thuộc nguồn vốn ngân sách (057569) |
| 17 | Cấp giấy phép khai thác tận thu, tận dụng gỗ rừng tự nhiên, rừng trồng (057581) |
| 18 | Cấp giấy phép khai thác tre nứa và lâm sản ngoài gỗ, tre nứa thuộc rừng trồng tự nhiên (057556) |
| 19 | Cấp giấy phép tía thưa rừng trong trường hợp có tận thu lâm sản (057578) |
| 20 | Cấp giấy phép khai thác tận thu, tận dụng gỗ và lâm sản khác trên diện tích rừng chuyển đổi mục đích sử dụng (057605) |
| 21 | Mở cửa rừng khai thác gỗ rừng tự nhiên (057620) |
| 22 | Thẩm định và phê duyệt thiết kế khai thác gỗ, lâm sản khác ngoài gỗ (057638) |
| 23 | Thẩm định và phê duyệt thiết kế khai thác gỗ và lâm sản từ rừng tự nhiên và rừng trồng bằng vốn ngân sách (057662) |
| 24 | Thẩm định và phê duyệt thiết kế khai thác rừng tự nhiên chuyển đổi mục đích sử dụng rừng (057674) |
| 25 | Thẩm định và phê duyệt thiết kế tận thu gỗ nằm các loại trong rừng tự nhiên (057691) |
| 26 | Thẩm định và phê duyệt thiết kế khai thác nhựa thông, tía thưa rừng trồng (057746) |
| 27 | Thẩm định và phê duyệt phương án điều chế rừng (057752) |
| 28 | Thẩm định và phê duyệt thiết kế điều chế, cải tạo, tía thưa rừng (057755) |
| 29 | Thẩm định và phê duyệt thiết kế trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh, chăm sóc rừng, giao khoán bảo vệ rừng (057761) |
| 30 | Thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật, dự toán các công trình lâm sinh (057762) |
| 31 | Thẩm định và phê duyệt thiết kế, dự toán các công trình lâm sinh thuộc dự án 661 (057765) |
| 32 | Thẩm định và phê duyệt dự án thanh lý và chuyển đổi mục đích sử dụng đất lâm nghiệp (057846) |

| STT | Tên thủ tục hành chính |
|-------------------------------|---|
| 33 | Giao rừng cho tổ chức (057847) |
| 34 | Cho thuê rừng đối với các tổ chức (057848) |
| 35 | Thẩm định và phê duyệt phương án cải tạo rừng nghèo kiệt (057849) |
| 36 | Sên vét kênh mương kết hợp quản lý bảo vệ rừng (057850) |
| 37 | Công nhận giống cây trồng lâm nghiệp mới tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Đối với giống mới đăng ký công nhận áp dụng chỉ trên địa bàn của một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) |
| 38 | Thẩm định, phê duyệt dự án hỗ trợ trồng rừng sản xuất của tổ chức ngoài quốc doanh |
| 39 | Hỗ trợ trồng rừng sau đầu tư đối với Tổ chức ngoài quốc doanh |
| 40 | Hỗ trợ trước đầu tư trồng rừng đối với tổ chức ngoài quốc doanh |
| 41 | Cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng giữa 3 loại rừng đối với những khu rừng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác lập |
| 42 | Thủ tục đăng ký trại nuôi sinh sản, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã quy định tại Phụ lục I của Công ước CITES |
| 43 | Thủ tục đăng ký trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của pháp luật Việt Nam không quy định tại các phụ lục của công ước Cites |
| 44 | Thủ tục đăng ký trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng các loài động vật, thực vật hoang dã thông thường |
| 45 | Thủ tục giao nộp gấu cho nhà nước |
| III. LĨNH VỰC THỦY SẢN | |
| 1 | Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch đối với động vật thủy sản vận chuyển trong nước (056169) |
| 2 | Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch đối với sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển trong nước (056226) |
| 3 | Cấp giấy phép khai thác thủy sản (056280) |
| 4 | Gia hạn giấy phép khai thác thủy sản (056353) |
| 5 | Cấp đổi, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản (056401) |
| 6 | Công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm (056466) |

| STT | Tên thủ tục hành chính |
|-----|--|
| 7 | Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đối với tàu cá cải hoán (056537) |
| 8 | Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đối với tàu cá chuyển nhượng quyền sở hữu (056642) |
| 9 | Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đối với tàu cá đóng mới (056970) |
| 10 | Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đối với tàu cá nhập khẩu (057096) |
| 11 | Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đối với tàu cá thuộc diện thuê tàu trần, hoặc thuê - mua tàu (057114) |
| 12 | Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá tạm thời (057127) |
| 13 | Cấp giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu (057146) |
| 14 | Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (057168) |
| 15 | Cấp giấy chứng nhận đăng ký bè cá (057188) |
| 16 | Đăng ký thuyền viên và cấp sổ danh bạ thuyền viên tàu cá (057196) |
| 17 | Cấp giấy chứng nhận cơ sở, nhóm cơ sở/ vùng nuôi tôm, nuôi trồng thủy sản theo hướng bền vững (057212) |
| 18 | Cấp giấy chứng nhận xuất xứ cá cờ kiếm, cá ngừ đại dương (057237) |
| 19 | Cấp giấy chứng nhận xuất xứ nhuyễn thể hai mảnh vỏ (055689) |
| 20 | Đăng ký kiểm tra và chứng nhận chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, hàng hóa thủy sản (055696) |
| 21 | Cấp sổ thuyền viên tàu cá (055703) |
| 22 | Phê duyệt hồ sơ thiết kế tàu cá (055733) |
| 23 | Kiểm tra cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá (055735) |
| 24 | Cấp chứng chỉ hành nghề thú y thủy sản (056100) |
| 26 | Cấp giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa thủy sản (056721) |
| 27 | Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thủy sản và sản phẩm thủy sản nhập khẩu (056725) |
| 28 | Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật và sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu (056729) |
| 29 | Cấp giấy phép khai thác thủy sản cho tàu cá < 20 CV (056807) |
| 30 | Gia hạn giấy phép khai thác thủy sản cho tàu cá < 20CV (056808) |

| STT | Tên thủ tục hành chính |
|------------------------------|--|
| 31 | Cấp giấy chứng nhận đăng ký cho tàu cá < 20 CV (056089) |
| 32 | Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán tàu cá cho tàu cá < 20 CV (056810) |
| 33 | Cấp sổ danh bạ thuyền viên tàu cá cho tàu cá < 20 CV (056811) |
| 34 | Cấp giấy chứng nhận cơ sở nuôi an toàn dịch bệnh động vật đối với bệnh Spring Viraemia of Carp (SVC), Koi Herpes Virus (KHV) (056813) |
| 35 | Đình chỉ hiệu lực công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm (thuộc thẩm quyền của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) |
| 36 | Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm (thuộc thẩm quyền của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) |
| 37 | Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm (thuộc thẩm quyền của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) |
| 38 | Xin hoãn kiểm tra định kỳ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm (thuộc thẩm quyền của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) |
| 39 | Miễn kiểm tra và chứng nhận chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm (thuộc thẩm quyền của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) |
| 40 | Kiểm tra tăng cường và chứng nhận chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm (thuộc thẩm quyền của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) |
| IV. LĨNH VỰC THỦY LỢI | |
| 1 | Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi. (061002) |
| 2 | Điều chỉnh, gia hạn nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi. (061033) |
| 3 | Cấp giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi. (061062) |
| 4 | Điều chỉnh, gia hạn nội dung giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi. (061131) |
| 5 | Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi được quy định tại khoản 1, 2, 6, 7, 8, 10 Điều 1 Quyết định 55/2004/QĐ-BNN ngày 01 tháng 11 năm 2004 |
| 6 | Cấp giấy phép cho việc khai thác các hoạt động du lịch, thể thao có mục đích kinh doanh; hoạt động nghiên cứu khoa học làm ảnh hưởng đến vận hành, an toàn công trình và các hoạt động kinh doanh dịch vụ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi |

| STT | Tên thủ tục hành chính |
|---|--|
| 7 | <p>Cấp giấy phép cho các hoạt động giao thông vận tải của xe cơ giới trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; trừ các trường hợp sau:</p> <p>a) Các loại xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy, xe cơ giới dùng cho người tàn tật;</p> <p>b) Xe cơ giới đi trên đường giao thông công cộng trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;</p> <p>c) Xe cơ giới đi qua công trình thủy lợi kết hợp đường giao thông công cộng có tải trọng, kích thước phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế của công trình thủy lợi.</p> |
| 8 | Cấp giấy phép cho các hoạt động nổ mìn và các hoạt động gây nổ không gây tác hại khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi |
| 9 | Cấp giấy phép cho hoạt động trồng cây lâu năm thuộc loại rễ ăn sâu trên 1m trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi |
| V. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN | |
| 1 | Đăng ký, chứng nhận hàng nông lâm thủy sản Việt Nam chất lượng cao và uy tín thương mại |
| 2 | Công nhận làng nghề |
| 3 | Công nhận nghề truyền thống |
| 4 | Công nhận làng nghề truyền thống |
| 5 | Thu hồi giấy công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống. |

I. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP

1. Thủ tục Cấp chứng chỉ hành nghề tư vấn, dịch vụ kỹ thuật về thú y

– Trình tự thực hiện:

❖ Bước 1: Cá nhân có nhu cầu chuẩn bị hồ sơ đầy đủ thủ tục theo quy định.

❖ Bước 2: Liên hệ nộp hồ sơ tại Chi cục Thú y thành phố, số 151 Lý Thường Kiệt, phường 7, quận 11.

+ Thời gian nhận hồ sơ: Từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30 sáng và từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00 chiều, thứ hai đến thứ sáu hàng tuần.

+ Khi nhận hồ sơ, Bộ phận tiếp nhận kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì ra biên nhận hồ sơ và hẹn ngày nhận kết quả.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì chuyên viên nhận hồ sơ sẽ hướng dẫn người có nhu cầu hoàn thiện hồ sơ.

❖ Bước 3: Chi cục Thú y kiểm tra, thẩm định điều kiện vệ sinh thú y của cơ sở về bằng cấp chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, sức khỏe, điều kiện vệ sinh thú y cơ sở, trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ thú y.

+ Trường hợp cơ sở đạt yêu cầu thì lập biên bản kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y.

+ Trường hợp cơ sở không đạt yêu cầu thì lập biên bản làm việc ghi nhận các trường hợp không đạt.

❖ Bước 4: Căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận hồ sơ, cá nhân có nhu cầu hoặc người đại diện theo pháp luật đến Chi cục Thú y thành phố để nhận kết quả, thời gian từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30 sáng và từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00 chiều, thứ hai đến thứ sáu hàng tuần:

+ Trường hợp cơ sở đạt yêu cầu thì nhận chứng chỉ hành nghề thú y.

+ Trường hợp cơ sở không đạt yêu cầu thì nhận công văn trả lời của Chi cục và toàn bộ hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

– **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp nộp hồ sơ tại trụ sở cơ quan hành chính Nhà nước.

– Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- + Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề thú y;
- + Bản sao văn bằng chuyên môn (có sao y bản chính);
- + Sơ yếu lý lịch (có xác nhận chính quyền địa phương);
- + Giấy khám sức khỏe (có xác nhận của cơ quan y tế từ cấp huyện trở lên);
- + Hai ảnh màu 4 x 6;
- + Đối với người nước ngoài, ngoài những điều kiện nêu trên còn phải có lý lịch tư pháp được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

– **Thời hạn giải quyết:** 10 ngày, kể từ ngày Chi cục Thú y nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

– **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân.

– **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thú y thành phố Hồ Chí Minh.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Thú y thành phố Hồ Chí Minh.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): không có.

– **Kết quả thủ tục hành chính:** Chứng chỉ hành nghề.

– **Phí, lệ phí (nếu có):**

+ Cấp chứng chỉ hành nghề thú y lần: 50.000 đồng/lần;

+ Kiểm tra điều kiện cơ sở để cấp chứng chỉ hành nghề thú y: 250.000 đồng/lần.

– **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** không có

– **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Người hành nghề tư vấn, dịch vụ kỹ thuật về thú y tối thiểu phải có bằng trung cấp thú y, trung cấp chăn nuôi thú y.

+ Địa điểm hành nghề thú y tại địa chỉ không thuộc quyền sở hữu của cá nhân, tổ chức: bổ sung Hợp đồng thuê nhà.

+ Người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề thú y là cán bộ, công chức thì phải có thêm văn bản đồng ý của Thủ trưởng cơ quan nơi người đó công tác và chỉ được hành nghề trong phạm vi phù hợp với quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

– Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Pháp lệnh số 18/2004/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 4 năm 2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thú y. Có hiệu lực ngày 01 tháng 10 năm 2004

+ Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y. Có hiệu lực ngày 05 tháng 4 năm 2005.

+ Nghị định số 90/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở. Có hiệu lực ngày 26 tháng 9 năm 2006.

+ Quyết định số 08/2005/QĐ-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2005 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y. Có hiệu lực ngày 24 tháng 02 năm 2005.

+ Thông tư số 37/2006/TT-BNN ngày 16 tháng 5 năm 2006 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn điều kiện, trình tự, thủ tục cấp, thu hồi, cấp lại chứng chỉ hành nghề thú y; kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở hành nghề thú y. Có hiệu lực ngày 15 tháng 6 năm 2006.

2. Thủ tục Cấp chứng chỉ hành nghề kinh doanh thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y

– Trình tự thực hiện:

❖ Bước 1: Cá nhân có nhu cầu chuẩn bị hồ sơ đầy đủ thủ tục theo quy định.

❖ Bước 2: Liên hệ nộp hồ sơ tại Chi cục Thú y thành phố, số 151 Lý Thường Kiệt, phường 7, quận 11.

+ Thời gian nhận hồ sơ: Từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30 sáng và từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00 chiều, thứ hai đến thứ sáu hàng tuần.

+ Khi nhận hồ sơ, Bộ phận tiếp nhận kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì ra biên nhận hồ sơ và hẹn ngày nhận kết quả.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì chuyên viên nhận hồ sơ sẽ hướng dẫn người có nhu cầu hoàn thiện hồ sơ.

❖ Bước 3: Chi cục Thú y kiểm tra, thẩm định điều kiện vệ sinh thú y của cơ sở về bằng cấp chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, sức khỏe, điều kiện vệ sinh thú y cơ sở, trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ thú y.

+ Trường hợp cơ sở đạt yêu cầu thì lập biên bản kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y.

+ Trường hợp cơ sở không đạt yêu cầu thì lập biên bản làm việc ghi nhận các trường hợp không đạt.

❖ Bước 4: Căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận hồ sơ, cá nhân có nhu cầu hoặc người đại diện theo pháp luật đến Chi cục Thú y thành phố để nhận kết quả, thời gian từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30 sáng và từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00 chiều, thứ hai đến thứ sáu hàng tuần:

+ Trường hợp cơ sở đạt yêu cầu thì nhận chứng chỉ hành nghề thú y.

+ Trường hợp cơ sở không đạt yêu cầu thì nhận công văn trả lời của Chi cục và toàn bộ hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

– **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp nộp hồ sơ tại trụ sở cơ quan hành chính Nhà nước.

– Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- + Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề thú y;
- + Bản sao văn bằng chuyên môn (có sao y bản chính);
- + Sơ yếu lý lịch (có xác nhận chính quyền địa phương);
- + Giấy khám sức khỏe (có xác nhận của cơ quan y tế từ cấp huyện trở lên);
- + Hai ảnh màu 4 x 6;
- + Đối với người nước ngoài, ngoài những điều kiện nêu trên còn phải có lý lịch tư pháp được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

– **Thời hạn giải quyết:** 10 ngày, kể từ ngày Chi cục Thú y nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

– **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân.

– **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thú y thành phố Hồ Chí Minh.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Thú y thành phố Hồ Chí Minh.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): không có.

– **Kết quả thủ tục hành chính:** Chứng chỉ hành nghề.

– **Phí, lệ phí (nếu có):**

+ Cấp chứng chỉ hành nghề thú y lần: 50.000 đồng/lần;

+ Kiểm tra điều kiện cơ sở để cấp chứng chỉ hành nghề thú y: 250.000 đồng/lần.

– **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** không có

– **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Chủ cửa hàng kinh doanh thuốc thú y chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y tối thiểu phải có bằng kỹ sư chăn nuôi hoặc trung cấp thú y, chăn nuôi thú y do các cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp.

+ Người trực tiếp bán hàng tối thiểu phải có chứng chỉ tốt nghiệp lớp tập huấn về lĩnh vực đăng ký hành nghề do cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thú y cấp tỉnh cấp.

+ Người hành nghề thú y tại địa chỉ không thuộc quyền sở hữu của mình: bổ sung Hợp đồng thuê nhà.

+ Người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề thú y là cán bộ, công chức thì phải có thêm văn bản đồng ý của Thủ trưởng cơ quan nơi người đó công tác và chỉ được hành nghề trong phạm vi phù hợp với quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

– Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Pháp lệnh số 18/2004/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 4 năm 2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thú y. Có hiệu lực ngày 01 tháng 10 năm 2004

+ Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y. Có hiệu lực ngày 05 tháng 4 năm 2005.

+ Nghị định số 90/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở. Có hiệu lực ngày 26 tháng 9 năm 2006.

+ Quyết định số 08/2005/QĐ-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2005 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y. Có hiệu lực ngày 24 tháng 02 năm 2005.

+ Thông tư số 37/2006/TT-BNN ngày 16 tháng 5 năm 2006 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn điều kiện, trình tự, thủ tục cấp, thu hồi, cấp lại chứng chỉ hành nghề thú y; kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở hành nghề thú y. Có hiệu lực ngày 15 tháng 6 năm 2006.

3. Thủ tục Cấp chứng chỉ hành nghề xét nghiệm bệnh, phẫu thuật động vật

– Trình tự thực hiện:

❖ Bước 1: Cá nhân có nhu cầu chuẩn bị hồ sơ đầy đủ thủ tục theo quy định.

❖ Bước 2: Liên hệ nộp hồ sơ tại Chi cục Thú y thành phố, số 151 Lý Thường Kiệt, phường 7, quận 11.

+ Thời gian nhận hồ sơ: Từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30 sáng và từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00 chiều, thứ hai đến thứ sáu hàng tuần.

+ Khi nhận hồ sơ, Bộ phận tiếp nhận kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì ra biên nhận hồ sơ và hẹn ngày nhận kết quả.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì chuyên viên nhận hồ sơ sẽ hướng dẫn người có nhu cầu hoàn thiện hồ sơ.

❖ Bước 3: Chi cục Thú y kiểm tra, thẩm định điều kiện vệ sinh thú y của cơ sở về bằng cấp chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, sức khỏe, điều kiện vệ sinh thú y cơ sở, trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ thú y.

+ Trường hợp cơ sở đạt yêu cầu thì lập biên bản kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y.

+ Trường hợp cơ sở không đạt yêu cầu thì lập biên bản làm việc ghi nhận các trường hợp không đạt.

❖ Bước 4: Căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận hồ sơ, cá nhân có nhu cầu hoặc người đại diện theo pháp luật đến Chi cục Thú y thành phố để nhận kết quả, thời gian từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30 sáng và từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00 chiều, thứ hai đến thứ sáu hàng tuần:

+ Trường hợp cơ sở đạt yêu cầu thì nhận chứng chỉ hành nghề thú y.

+ Trường hợp cơ sở không đạt yêu cầu thì nhận công văn trả lời của Chi cục và toàn bộ hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

– **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp nộp hồ sơ tại trụ sở cơ quan hành chính Nhà nước.

– Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề thú y;

- + Bản sao văn bằng chuyên môn (có sao y bản chính);
- + Sơ yếu lý lịch (có xác nhận chính quyền địa phương);
- + Giấy khám sức khỏe (có xác nhận của cơ quan y tế từ cấp huyện trở lên);
- + Hai ảnh màu 4 x 6;
- + Đối với người nước ngoài, ngoài những điều kiện nêu trên còn phải có lý lịch tư pháp được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

– **Thời hạn giải quyết:** 10 ngày, kể từ ngày Chi cục Thú y nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

– **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân.

– **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thú y thành phố Hồ Chí Minh.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Thú y thành phố Hồ Chí Minh.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): không có.

– **Kết quả thủ tục hành chính:** Chứng chỉ hành nghề.

– **Phí, lệ phí (nếu có):**

+ Cấp chứng chỉ hành nghề thú y lần: 50.000 đồng/lần;

+ Kiểm tra điều kiện cơ sở để cấp chứng chỉ hành nghề thú y: 250.000 đồng/lần.

– **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** không có

– **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Chủ cửa hàng hoặc người phụ trách kỹ thuật của cơ sở hành nghề xét nghiệm bệnh, phẫu thuật động vật tối thiểu phải có bằng bác sĩ thú y, kỹ sư chăn nuôi thú y; có ít nhất 02 (hai) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đăng ký hành nghề;

+ Trường hợp cá nhân, tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề xét nghiệm, xét nghiệm chẩn đoán bệnh, phẫu thuật động vật nếu chưa xây dựng được cơ sở có đủ điều kiện vệ sinh thú y theo quy định nhưng lại cần có chứng chỉ hành nghề để hoàn tất thủ tục đăng ký kinh doanh thì cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề thú y khi có đủ điều kiện về bằng cấp chuyên môn, sức khỏe, đồng thời phải cam kết

bằng văn bản về việc báo cáo với cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề ít nhất 15 ngày trước khi cơ sở bắt đầu hoạt động để được kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở theo quy định.

+ Địa điểm hành nghề thú y tại địa chỉ không thuộc quyền sở hữu của cá nhân, tổ chức: bổ sung Hợp đồng thuê nhà.

+ Hành nghề lĩnh vực xét nghiệm bệnh, phẫu thuật động vật: Bổ sung hợp đồng xử lý chất thải rắn.

+ Người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề thú y xét nghiệm bệnh, phẫu thuật động vật phải có thêm giấy xác nhận của cơ sở xét nghiệm bệnh, phẫu thuật động vật về thời gian đã thực hành tại cơ sở.

– Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Pháp lệnh số 18/2004/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 4 năm 2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thú y. Có hiệu lực ngày 01 tháng 10 năm 2004

+ Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y. Có hiệu lực ngày 05 tháng 4 năm 2005.

+ Nghị định số 90/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở. Có hiệu lực ngày 26 tháng 9 năm 2006.

+ Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn. Có hiệu lực ngày 15 tháng 6 năm 2007.

+ Quyết định số 08/2005/QĐ-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2005 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y. Có hiệu lực ngày 24 tháng 02 năm 2005.

+ Thông tư số 37/2006/TT-BNN ngày 16 tháng 5 năm 2006 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn điều kiện, trình tự, thủ tục cấp, thu hồi, cấp lại chứng chỉ hành nghề thú y; kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở hành nghề thú y. Có hiệu lực ngày 15 tháng 6 năm 2006.

4. Thủ tục Cấp chứng chỉ hành nghề tiêm phòng, chẩn đoán bệnh, kê đơn, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe động vật

– Trình tự thực hiện:

❖ **Bước 1:** Cá nhân có nhu cầu chuẩn bị hồ sơ đầy đủ thủ tục theo quy định.

❖ **Bước 2:** Liên hệ nộp hồ sơ tại Chi cục Thú y thành phố, số 151 Lý Thường Kiệt, phường 7, quận 11:

+ Thời gian nhận hồ sơ: Từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30 sáng và từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00 chiều, thứ hai đến thứ sáu hàng tuần.

+ Khi nhận hồ sơ, Bộ phận tiếp nhận kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì ra biên nhận hồ sơ và hẹn ngày nhận kết quả.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì chuyên viên nhận hồ sơ sẽ hướng dẫn người có nhu cầu hoàn thiện hồ sơ.

❖ **Bước 3:** Chi cục Thú y kiểm tra, thẩm định điều kiện vệ sinh thú y của cơ sở về bằng cấp chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, sức khỏe, điều kiện vệ sinh thú y cơ sở, trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ thú y.

+ Trường hợp cơ sở đạt yêu cầu thì lập biên bản kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y.

+ Trường hợp cơ sở không đạt yêu cầu thì lập biên bản làm việc ghi nhận các trường hợp không đạt.

❖ **Bước 4:** Căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận hồ sơ, cá nhân có nhu cầu hoặc người đại diện theo pháp luật đến Chi cục Thú y thành phố để nhận kết quả, thời gian từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30 sáng và từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00 chiều, thứ hai đến thứ sáu hàng tuần:

+ Trường hợp cơ sở đạt yêu cầu thì nhận chứng chỉ hành nghề thú y.

+ Trường hợp cơ sở không đạt yêu cầu thì nhận công văn trả lời của Chi cục và toàn bộ hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

– Cách thức thực hiện: Trực tiếp nộp hồ sơ tại trụ sở cơ quan hành chính Nhà nước.

– Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- + Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề thú y;
- + Bản sao văn bằng chuyên môn (có sao y bản chính);
- + Sơ yếu lý lịch (có xác nhận chính quyền địa phương);
- + Giấy khám sức khỏe (có xác nhận của cơ quan y tế từ cấp huyện trở lên);
- + Hai ảnh màu 4 x 6;
- + Bảng kê các dụng cụ, nguyên vật liệu cần thiết để hành nghề (đối với cơ sở hành nghề không có địa chỉ cố định);
- + Đối với người nước ngoài, ngoài những điều kiện nêu trên còn phải có lý lịch tư pháp được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

- **Thời hạn giải quyết:** 10 ngày, kể từ ngày Chi cục Thú y nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân.
- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thú y thành phố Hồ Chí Minh.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Thú y thành phố Hồ Chí Minh.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): không có.

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Chứng chỉ hành nghề.

- **Lệ phí (nếu có):**

+ Cấp chứng chỉ hành nghề thú y lần: 50.000 đồng/lần;

+ Kiểm tra điều kiện cơ sở để cấp chứng chỉ hành nghề thú y: 250.000 đồng/lần.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** không có

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Người hành nghề chẩn đoán, kê đơn, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe động vật tối thiểu phải có bằng trung cấp chuyên ngành thú y, chăn nuôi thú y.

+ Đối với người hành nghề chẩn đoán lâm sàng, kê đơn, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe động vật ở vùng núi, vùng sâu, vùng xa được cấp chứng chỉ hành nghề nếu

có giấy chứng nhận đã tốt nghiệp lớp đào tạo về chuyên môn do Chi cục Thú y tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc do các Dự án nước ngoài cấp;

+ Người hành nghề tiêm phòng, thiên hoạn động vật phải có chứng chỉ tốt nghiệp lớp đào tạo về kỹ thuật do cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về thú y cấp tỉnh cấp;

+ Đối với cá nhân, tổ chức hành nghề tiêm phòng, thiên hoạn, chẩn đoán lâm sàng, kê đơn, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho động vật lưu động, không có cơ sở hành nghề cố định thì trong hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề phải có thêm bảng kê các dụng cụ, nguyên vật liệu cần thiết để hành nghề.

– Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Pháp lệnh số 18/2004/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 4 năm 2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thú y. Có hiệu lực ngày 01 tháng 10 năm 2004

+ Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y. Có hiệu lực ngày 05 tháng 4 năm 2005.

+ Nghị định số 90/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở. Có hiệu lực ngày 26 tháng 9 năm 2006.

+ Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn. Có hiệu lực ngày 15 tháng 6 năm 2007.

+ Quyết định số 08/2005/QĐ-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2005 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y. Có hiệu lực ngày 24 tháng 02 năm 2005.

+ Thông tư số 37/2006/TT-BNN ngày 16 tháng 5 năm 2006 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn điều kiện, trình tự, thủ tục cấp, thu hồi, cấp lại chứng chỉ hành nghề thú y; kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở hành nghề thú y. Có hiệu lực ngày 15 tháng 6 năm 2006.

5. Thủ tục Gia hạn chứng chỉ hành nghề trong lĩnh vực thú y (đối với các chứng chỉ do Chi cục Thú y cấp)

– Trình tự thực hiện:

❖ **Bước 1:** Cá nhân có nhu cầu chuẩn bị hồ sơ đầy đủ thủ tục theo quy định.

❖ **Bước 2:** Thời hạn chứng chỉ hành nghề thú y là 5 năm. Trước khi chứng chỉ hành nghề hết hạn một tháng, người được cấp chứng chỉ hành nghề thú y muốn tiếp tục hành nghề phải gửi hồ sơ đến Chi cục Thú y thành phố, số 151 Lý Thường Kiệt, phường 7, quận 11:

+ Thời gian nhận hồ sơ: Từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30 sáng và từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00 chiều, thứ hai đến thứ sáu hàng tuần.

+ Khi nhận hồ sơ, Bộ phận tiếp nhận kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì ra biên nhận hồ sơ và hẹn ngày nhận kết quả.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì chuyên viên nhận hồ sơ sẽ hướng dẫn người có nhu cầu hoàn thiện hồ sơ.

❖ **Bước 3:** Chi cục Thú y kiểm tra, thẩm định điều kiện vệ sinh thú y của cơ sở về bằng cấp chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, sức khỏe, điều kiện vệ sinh thú y cơ sở, trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ thú y.

+ Trường hợp cơ sở đạt yêu cầu thì lập biên bản kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y.

+ Trường hợp cơ sở không đạt yêu cầu thì lập biên bản làm việc ghi nhận các trường hợp không đạt.

❖ **Bước 4:** Căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận hồ sơ, cá nhân có nhu cầu hoặc người đại diện theo pháp luật đến Chi cục Thú y thành phố để nhận kết quả, thời gian từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30 sáng và từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00 chiều, thứ hai đến thứ sáu hàng tuần:

+ Trường hợp cơ sở đạt yêu cầu thì nhận chứng chỉ hành nghề thú y.

+ Trường hợp cơ sở không đạt yêu cầu thì nhận công văn trả lời của Chi cục và toàn bộ hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

– **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp nộp hồ sơ tại trụ sở cơ quan hành chính Nhà nước.

– **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- + Đơn đăng ký gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y;
- + Bản sao hợp pháp chứng chỉ hành nghề thú y đã cấp;
- + Bản sao văn bằng chuyên môn (có sao y bản chính);
- + Sơ yếu lý lịch (có xác nhận chính quyền địa phương);
- + Giấy khám sức khỏe xác nhận đủ sức khỏe để làm việc của cơ sở y tế từ cấp huyện trở lên cấp;
- + Giấy xác nhận không còn là đối tượng những người không được cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
- + Một ảnh màu 4 x 6;

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

– **Thời hạn giải quyết:** 10 ngày, kể từ ngày Chi cục Thú y nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

– **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân.

– **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thú y thành phố Hồ Chí Minh.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Thú y thành phố Hồ Chí Minh.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): không có.

– **Kết quả thủ tục hành chính:** Chứng chỉ hành nghề.

– **Lệ phí (nếu có):** Cấp lại chứng chỉ hành nghề thú y lần: 25.000 đồng/lần;

– **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** không có

– **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Người hành nghề thú y tại địa chỉ không thuộc quyền sở hữu của mình: bổ sung Hợp đồng thuê nhà;

+ Hành nghề lĩnh vực xét nghiệm bệnh, phẫu thuật động vật: Bổ sung giấy xác nhận có ít nhất 02 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đăng ký hành nghề;

+ Hành nghề lĩnh vực điều trị, chữa bệnh, phẫu thuật động vật: Bổ sung hợp đồng xử lý chất thải rắn.

– Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Pháp lệnh số 18/2004/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 4 năm 2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thú y. Có hiệu lực ngày 01 tháng 10 năm 2004

+ Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y. Có hiệu lực ngày 05 tháng 4 năm 2005.

+ Nghị định số 90/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở. Có hiệu lực ngày 26 tháng 9 năm 2006.

+ Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn. Có hiệu lực ngày 15 tháng 6 năm 2007.

+ Quyết định số 08/2005/QĐ-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2005 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y. Có hiệu lực ngày 24 tháng 02 năm 2005.

+ Thông tư số 37/2006/TT-BNN ngày 16 tháng 5 năm 2006 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn điều kiện, trình tự, thủ tục cấp, thu hồi, cấp lại chứng chỉ hành nghề thú y; kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở hành nghề thú y. Có hiệu lực ngày 15 tháng 6 năm 2006.

6. Thủ tục Đăng ký xây dựng vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh.

– Trình tự thực hiện:

❖ **Bước 1:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, chủ cơ sở chăn nuôi đăng ký xây dựng vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh phải lập hồ sơ đăng ký.

❖ **Bước 2:** Nộp hồ sơ đăng ký

+ Hồ sơ đăng ký xây dựng vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh nộp tại Trạm Thú y quận, huyện;

+ Thời gian nộp hồ sơ: Từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30 và từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00 trong ngày làm việc.

❖ **Bước 3:** Tiếp nhận hồ sơ

+ Trạm Thú y quận, huyện chuyển hồ sơ đăng ký về Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo Phòng, chống dịch và xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh - Chi cục Thú y (Trạm Phòng chống dịch và Kiểm dịch động vật) tại số 187 Lý Chính Thắng, phường 7, quận 3 tiếp nhận vào sổ;

+ Cấp giấy tiếp nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ;

+ Trường hợp hồ sơ không hợp lệ theo quy định: Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo Phòng, chống dịch và xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh hướng dẫn chủ cơ sở chăn nuôi chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ.

+ **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp nộp hồ sơ tại trụ sở cơ quan hành chính Nhà nước.

– Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ đăng ký xây dựng vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh bao gồm:

+ Đơn đăng ký vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh (theo mẫu quy định);

▪ Tờ trình về điều kiện vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh (theo mẫu quy định) đính kèm: bản vẽ sơ đồ hiện trạng cơ sở chăn nuôi; quy trình vệ sinh phòng dịch tại cơ sở chăn nuôi; kết quả kiểm tra vệ sinh thú y, huyết thanh học liên quan.

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

– Thời hạn giải quyết:

+ Trong phạm vi 03 ngày làm việc, kể từ khi Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo Phòng, chống dịch và xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh - Chi cục Thú y nhận hồ sơ hợp lệ.

– Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức và cá nhân.

– Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Thú y.

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không có.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Thú y thành phố Hồ Chí Minh.

+ Cơ quan phối hợp (nếu có): không có.

– Kết quả thủ tục hành chính: Giấy tiếp nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ.

– Phí, lệ phí (nếu có): Không có

– Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Đơn đăng ký xây dựng vùng an toàn dịch bệnh động vật (mẫu 1a);

+ Đơn đăng ký xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (mẫu 1b);

+ Tờ trình về điều kiện vùng an toàn dịch bệnh động vật (mẫu 4a);

+ Tờ trình về điều kiện cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (mẫu 4b).

– Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

+ Tờ trình về điều kiện vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh, bao gồm các nội dung sau:

▪ Lập báo cáo mô tả vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh về địa điểm, địa lý tự nhiên, đặc điểm sản xuất chăn nuôi;

▪ Hoạt động thú y trong vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh.

+ Mỗi vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh có một tờ trình riêng.

– Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Pháp lệnh số 18/2004/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 4 năm 2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thú y. Có hiệu lực ngày 01 tháng 10 năm 2004;

+ Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y. Có hiệu lực ngày 05 tháng 4 năm 2005;

+ Quyết định số 66/2008/QĐ-BNN, ngày 26 tháng 5 năm 2008, của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy định vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật. Có hiệu lực ngày 20 tháng 6 năm 2008.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu: 1A

Đơn đăng ký
Xây dựng vùng an toàn dịch bệnh động vật

Kính gửi¹:Tên tôi là²: Chức vụ:Đại diện³:

Địa chỉ: Điện thoại: Fax:

Xin đăng ký xây dựng vùng, cơ sở ATDB: .. *(tên vùng, cơ sở chăn nuôi)*Quy mô⁴:An toàn về bệnh⁵ đối với loài động vật là

.....

.....

....., ngày tháng năm 200

Người làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)⁶

¹ Theo điều 11,12 của Quy định này.

² Theo điều 11 của Quy định này.

³ Tên cơ quan của người làm đơn hoặc tên cơ sở chăn nuôi.

⁴ Theo điều 1 của Quy định này.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu: 1B

Đơn đăng ký
Xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh động vật

Kính gửi¹:Tên tôi là²: Chức vụ:Đại diện³:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Đề nghị đăng ký xây dựng cơ sở ATDB: ..(tên cơ sở chăn nuôi)

Quy mô⁴:An toàn về bệnh⁵ đối với loài động vật là

.....

.....

.....

....., ngày tháng năm 20

Người làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)⁶

¹ Theo điều 11,12 của Quy định này² Theo điều 11 của Quy định này³ Tên cơ quan của người làm đơn hoặc tên cơ sở chăn nuôi⁴ Theo điều 1 của Quy định này⁵ Theo điều 1 của Quy định này⁶ Ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với cơ sở có sử dụng con dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu: 4A

Tờ trình
Về điều kiện vùng an toàn dịch bệnh¹

Tên vùng ATDB:

Địa chỉ:

Điện thoại Fax

1. Mô tả vùng ATDB²

- 1.1. Địa điểm vùng ATDB
- 1.2. Địa lý tự nhiên - kinh tế - xã hội
- 1.3. Đặc điểm sản xuất chăn nuôi

2. Hoạt động thú y trong vùng ATDB

- 2.1. Thực trạng về tổ chức, quản lý, hoạt động thú y trong vùng ATDB
- 2.2. Kế hoạch về thú y để thực hiện việc xây dựng vùng ATDB

....., ngày tháng năm 20

Đại diện vùng ATDB
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Gửi kèm đơn xin đăng ký xây dựng vùng ATDB.

² Theo 2.2 Phần III Hướng dẫn thực hiện

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu: 4B

Tờ trình
Về điều kiện cơ sở an toàn dịch bệnh¹

Họ và tên chủ cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại Fax

3. Mô tả cơ sở ATDB²

- 3.1. Địa điểm cơ sở ATDB
- 3.2. Địa lý tự nhiên - kinh tế - xã hội
- 3.3. Đặc điểm sản xuất chăn nuôi

4. Hoạt động thú y trong cơ sở ATDB

- 2.1. Thực trạng về tổ chức, quản lý, hoạt động thú y trong cơ sở ATDB
- 2.2. Kế hoạch về thú y để thực hiện việc xây dựng cơ sở ATDB

....., ngày tháng năm 20

Đại diện cơ sở ATDB
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Gửi kèm đơn xin đăng ký xây dựng cơ sở ATDB

² Theo điều 10 Chương III của bản Quy định này

7. Thủ tục Kiểm dịch động vật tham gia hội chợ, triển lãm, biểu diễn nghệ thuật, thi đấu thể thao (động vật vận chuyển trong nước)

– Trình tự thực hiện:

a) Kiểm dịch động vật tham gia hội chợ, triển lãm, biểu diễn nghệ thuật, thi đấu thể thao:

❖ **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân khi vận chuyển động vật tham gia hội chợ, triển lãm, biểu diễn nghệ thuật, thi đấu thể thao trong nước không phụ thuộc vào số lượng phải đăng ký kiểm dịch theo quy định.

❖ **Bước 2:** Đăng ký kiểm dịch động vật vận chuyển với Trạm Thú y quận, huyện hoặc Trạm Phòng, chống dịch và Kiểm dịch động vật - Chi cục Thú y.

+ Thời gian nhận hồ sơ: Từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30 sáng và từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00 chiều, từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần.

+ Khi tiếp nhận hồ sơ, căn cứ tình hình dịch bệnh, kết quả tiêm phòng, kết quả xét nghiệm bệnh của động vật tại nơi xuất phát. Kiểm dịch viên động vật kiểm tra nội dung đăng ký và các giấy tờ có liên quan.

+ Trong thời gian một ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ kiểm dịch hợp lệ, Kiểm dịch viên động vật có trách nhiệm xác nhận đăng ký kiểm dịch và thông báo địa điểm, thời gian, nội dung tiến hành kiểm dịch.

+ Trường hợp hồ sơ kiểm dịch chưa hợp lệ theo quy định, cơ quan kiểm dịch động vật hướng dẫn chủ hàng hoàn thiện, bổ sung đầy đủ hồ sơ.

❖ **Bước 3:** Kiểm dịch viên động vật có thẩm quyền tiến hành kiểm tra, kiểm dịch động vật theo quy trình sau:

+ Kiểm tra trước khi đưa động vật đến khu cách ly kiểm dịch:

- Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với khu cách ly kiểm dịch;
- Hướng dẫn chủ hàng đưa động vật đến khu cách ly.

+ Kiểm tra sau khi đưa động vật đến khu cách ly:

▪ Tiến hành kiểm dịch ngay trong ngày kể từ khi động vật được tập trung tại khu cách ly;

- Kiểm tra số lượng, chủng loại động vật theo hồ sơ đăng ký kiểm dịch;
- Kiểm tra lâm sàng động vật;

▪ Trong trường hợp vận chuyển ra ngoài tỉnh: Lấy mẫu xét nghiệm các bệnh trước khi vận chuyển động vật nếu động vật chưa xét nghiệm bệnh theo quy định (động vật xuất phát từ vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh thì không phải làm xét nghiệm bệnh đối với những bệnh được công nhận an toàn dịch bệnh); các bệnh theo yêu cầu của chủ hàng (nếu có);

▪ Tiêm phòng hoặc áp dụng các biện pháp phòng bệnh khác đối với các bệnh phải tiêm phòng khi vận chuyển động vật nếu động vật chưa tiêm phòng hoặc giấy chứng nhận tiêm phòng không hợp lệ; các bệnh theo yêu cầu của chủ hàng (nếu có);

❖ **Bước 4:** Sau khi thực hiện kiểm tra

+ Trường hợp động vật đủ tiêu chuẩn vệ sinh thú y, đã được tiêm phòng hoặc áp dụng các biện pháp phòng bệnh khác và có miễn dịch, kiểm dịch viên động vật thực hiện:

▪ Diệt ký sinh trùng và đánh dấu động vật đủ tiêu chuẩn vệ sinh thú y theo quy định;

▪ Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật vận chuyển trong phạm vi 24 giờ trước khi vận chuyển và bảng kê mã số đánh dấu động vật theo quy định;

▪ Thực hiện hoặc giám sát việc vệ sinh, khử trùng tiêu độc đối với phương tiện vận chuyển, các vật dụng kèm theo ít nhất 06 giờ trước khi bốc xếp hàng để vận chuyển.

▪ Giám sát quá trình bốc xếp động vật lên phương tiện vận chuyển; niêm phong phương tiện vận chuyển, dụng cụ chứa đựng (đối với động vật không áp dụng biện pháp đánh dấu); hướng dẫn chủ hàng vệ sinh, khử trùng tiêu độc khu cách ly kiểm dịch, nơi bốc xếp động vật.

+ Trong trường hợp động vật không đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y, kiểm dịch viên động vật không cấp giấy chứng nhận kiểm dịch và tiến hành xử lý theo quy định.

b) Kiểm dịch động vật tại hội chợ, triển lãm, biểu diễn nghệ thuật, thi đấu thể thao:

❖ **Bước 1:** Chủ hàng phải đăng ký với Chi cục Thú y thành phố Hồ Chí Minh ít nhất mười ngày trước khi khai mạc.

❖ **Bước 2:** Tại nơi tập trung động vật, Chi cục Thú y thực hiện:

+ Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y và tiến hành khử trùng tiêu độc ít nhất 03 ngày trước khi tập trung động vật;

- + Kiểm tra giấy chứng nhận kiểm dịch và các giấy tờ khác có liên quan;
- + Kiểm tra số lượng, chủng loại và thực trạng động vật, đối chiếu với giấy chứng nhận kiểm dịch;
- + Hướng dẫn chủ hàng đưa động vật đến địa điểm tập trung;
- + Thực hiện hoặc giám sát việc vệ sinh, khử trùng tiêu độc phương tiện vận chuyển, các dụng cụ có liên quan, chất độn, chất thải trong quá trình vận chuyển;
- + Giám sát động vật trong thời gian tham gia hội chợ, triển lãm, biểu diễn nghệ thuật, thi đấu thể thao.

❖ **Bước 3:** Sau thời gian tập trung hội chợ, triển lãm, biểu diễn nghệ thuật, thi đấu thể thao Chi cục Thú y:

- + Thực hiện hoặc giám sát việc vệ sinh, khử trùng tiêu độc toàn bộ khu vực tập trung động vật;
- + Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch đối với động vật đủ tiêu chuẩn vệ sinh thú y để sử dụng trong nước;
- + Nếu động vật không đủ tiêu chuẩn vệ sinh thú y thì áp dụng các biện pháp xử lý theo quy định.

– **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp nộp hồ sơ tại trụ sở cơ quan hành chính Nhà nước.

– **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ đăng ký kiểm dịch động vật vận chuyển bao gồm:

- + Giấy đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi huyện (mẫu 1);
- + Bản sao giấy chứng nhận vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh nơi xuất phát của động vật (nếu có);
- + Bản sao giấy chứng nhận tiêm phòng, phiếu kết quả xét nghiệm bệnh động vật (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

– **Thời hạn giải quyết:** Kiểm dịch động vật vận chuyển

- + Trường hợp động vật đủ tiêu chuẩn vệ sinh thú y, đã được tiêm phòng hoặc áp dụng các biện pháp phòng bệnh khác và có miễn dịch: Thời gian thực hiện kiểm dịch là ba ngày.

+ Nếu động vật chưa được áp dụng các biện pháp phòng bệnh bắt buộc theo quy định hoặc không có miễn dịch: Thời gian thực hiện kiểm dịch ít nhất từ mười lăm đến ba mươi ngày.

– **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức và cá nhân.

– **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thú y thành phố Hồ Chí Minh.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Kiểm dịch viên động vật thuộc Chi cục Thú y thành phố Hồ Chí Minh.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Trạm Thú y quận, huyện hoặc Trạm Phòng chống dịch và Kiểm dịch động vật - Chi cục Thú y thành phố Hồ Chí Minh.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): không có.

– **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật vận chuyển trong tỉnh hoặc ra ngoài tỉnh.

– **Phí, lệ phí (nếu có):**

+ Lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật vận chuyển:

▪ Từ tỉnh này sang tỉnh khác: 20.000 đồng/lần.

▪ Nội tỉnh: 3.000 đồng/lần.

+ Phí Kiểm dịch động vật:

▪ Trâu, bò, ngựa, lừa: 4.000 đồng/con

▪ Dê: 2.000 đồng/con

▪ Lợn (trên 15 kg/con): 1.000 đồng/con

▪ Lợn sữa (bằng hoặc dưới 15 kg/con): 500 đồng/con

▪ Chó, mèo: 2.000 đồng/con

▪ Khỉ, vượn, cáo, nhím, chồn: 5.000 đồng/con

▪ Hổ, báo, voi, hươu, nai, sư tử, bò rừng: 30.000 đồng/con

▪ Rắn, tắc kè, thằn lằn, rùa, kỳ nhông: 500 đồng/con

▪ Trăn, cá sấu, kỳ đà: 5.000 đồng/con

▪ Chim cảnh các loại: 5.000 đồng/con

- Gia cầm các loại: 50 đồng/con
- Thỏ: 500 đồng/con
- Đà điều trưởng thành: 5.000 đồng/con
- + Phí tiêu độc trong công tác kiểm dịch:
 - Xe ô tô: 30.000 đồng/lần/cái
 - Các loại xe khác (đo theo diện tích bề mặt): 10.000 đồng/m²
- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Giấy đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi huyện (mẫu 1)
- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có
- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**
 - + Pháp lệnh số 18/2004/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 4 năm 2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thú y. Có hiệu lực ngày 01 tháng 10 năm 2004.
 - + Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y. Có hiệu lực ngày 05 tháng 4 năm 2005.
 - + Nghị định số 119/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y. Có hiệu lực ngày 23 tháng 12 năm 2008.
 - + Quyết định số 45/2005/QĐ-BNN ngày 25 tháng 7 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành Danh mục đối tượng kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; Danh mục động vật, sản phẩm động vật thuộc diện phải kiểm dịch. Có hiệu lực ngày 04 tháng 8 năm 2005.
 - + Quyết định số 47/2005/QĐ-BNN ngày 25 tháng 7 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc quy định số lượng động vật, khối lượng sản phẩm động vật phải kiểm dịch khi vận chuyển ra khỏi huyện và miễn kiểm dịch. Có hiệu lực ngày 21 tháng 8 năm 2005.
 - + Quyết định số 15/2006/QĐ-BNN ngày 08 tháng 3 năm 2006 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về quy trình, thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y. Có hiệu lực ngày 09 tháng 4 năm 2006.
 - + Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng

Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành quy định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y. Có hiệu lực ngày 25 tháng 01 năm 2006.

+ Quyết định số 126/2008/QĐ-BNN ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc sửa đổi, bổ sung Quy định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y ban hành kèm theo Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT. Có hiệu lực ngày 29 tháng 01 năm 2009.

+ Quyết định số 08/2005/QĐ-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2005 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y. Có hiệu lực ngày 24 tháng 02 năm 2005.

+ Thông tư số 11/2009/TT-BNN ngày 04 tháng 3 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều về quy trình thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BNN ngày 08 tháng 3 năm 2006 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về quy trình, thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y. Có hiệu lực ngày 19 tháng 4 năm 2009.

+ Quyết định số 50/QĐ-CCTY ngày 30 tháng 3 năm 2009 của Chi cục Thú y về việc ủy quyền thực hiện kiểm dịch và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra ngoài thành phố Hồ Chí Minh. Có hiệu lực từ ngày 30 tháng 3 năm 2009.

+ Quyết định số 51/QĐ-CCTY ngày 01 tháng 4 năm 2009 của Chi cục Thú y về việc bổ sung ủy quyền thực hiện kiểm dịch và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra ngoài thành phố Hồ Chí Minh. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 4 năm 2009.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu: 1

Dấu
của cơ quan
Kiểm dịch
động vật

**GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT,
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN RA KHỎI HUYỆN**

Số:...../ĐK-KDND

Kính gửi:

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Chứng minh nhân dân số: Cấp ngày...../...../..... tại.....

Điện thoại: Fax: Email:

Đề nghị được làm thủ tục kiểm dịch số hàng sau:

I/ ĐỘNG VẬT:

| Loại động vật | Giống | Tuổi | Tính biệt | | Mục đích sử dụng |
|----------------|-------|------|-----------|-----|------------------|
| | | | Đực | Cái | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| Tổng số | | | | | |

Tổng số (viết bằng chữ):

Nơi xuất phát:

Tình trạng sức khỏe động vật:

Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với bệnh:

..... theo Quyết định số .../..... ngày...../...../.....
của(1).....(nếu có).

Số động vật trên đã được xét nghiệm các bệnh sau (nếu có):

1/ Kết quả xét nghiệm số/..... ngày...../...../.....

2/ Kết quả xét nghiệm số/..... ngày...../...../.....

3/ Kết quả xét nghiệm số/..... ngày...../...../.....

4/ Kết quả xét nghiệm số/..... ngày...../...../.....

5/ Kết quả xét nghiệm số/..... ngày...../...../.....

Số động vật trên đã được tiêm phòng vắc xin với các bệnh sau (loại vắc xin, nơi sản xuất):

1/ tiêm phòng ngày...../...../.....

2/ tiêm phòng ngày...../...../.....

3/ tiêm phòng ngày...../...../.....

4/ tiêm phòng ngày...../...../.....

5/ tiêm phòng ngày...../...../.....

II/ SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT:

| Tên hàng | Quy cách đóng gói | Số lượng (2) | Khối lượng (kg) | Mục đích sử dụng |
|----------------|-------------------|--------------|-----------------|------------------|
| | | | | |
| | | | | |
| Tổng số | | | | |

Tổng số (viết bằng chữ):

Số sản phẩm động vật trên đã được xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y theo kết quả xét nghiệm số/..... ngày...../...../..... của(3) (nếu có).

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:

Điện thoại: Fax:

III/ CÁC THÔNG TIN KHÁC:

Tên tổ chức, cá nhân nhập hàng:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Nơi đến (cuối cùng):

Phương tiện vận chuyển:

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):

1/ Số lượng: Khối lượng:

2/ Số lượng: Khối lượng:

3/ Số lượng: Khối lượng:

Điều kiện bảo quản hàng trong quá trình vận chuyển:

Các vật dụng khác liên quan kèm theo:

Các giấy tờ liên quan kèm theo:

Địa điểm kiểm dịch:

Thời gian kiểm dịch:

Tôi xin cam đoan việc đăng ký trên hoàn toàn đúng sự thật và cam kết chấp hành đúng pháp luật thú y.

Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT

Đồng ý kiểm dịch tại địa điểm.....

..... vào hồi giờ..... ngày...../...../.....

Vào sổ đăng ký số ngày...../...../.....

Đăng ký tại

Ngày thángnăm

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT

(Ký, ghi rõ họ tên)

- Tờ khai được làm thành 02 bản: 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ, 01 bản do chủ hàng hoặc người đại diện giữ;
- Cá nhân đăng ký không có con dấu, chỉ ký và ghi rõ họ tên;
- (1) Tên cơ quan cấp giấy chứng nhận.
- (2) Số lượng kiện, thùng, hộp,
- (3) Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

8. Kiểm dịch sản phẩm động vật tham gia hội chợ, triển lãm (sản phẩm động vật vận chuyển trong nước)

– Trình tự thực hiện:

a) Kiểm dịch sản phẩm động vật tham gia hội chợ, triển lãm:

❖ **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân khi vận chuyển sản phẩm động vật tham gia hội chợ, triển lãm trong nước phải đăng ký kiểm dịch theo quy định.

❖ **Bước 2:** Khai báo trước ít nhất 2 ngày nếu sản phẩm động vật đã được xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y; bảy ngày nếu sản phẩm động vật chưa được xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y tại Trạm Thú y quận, huyện hoặc Trạm Phòng chống dịch và Kiểm dịch động vật - Chi cục Thú y, số 187 Lý Chính Thắng, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh hoặc gửi qua đường bưu điện.

+ Thời gian nhận hồ sơ: Từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30 sáng và từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00 chiều từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần.

+ Khi tiếp nhận hồ sơ, căn cứ tình hình dịch bệnh tại nơi xuất phát, Kiểm dịch viên động vật kiểm tra nội dung đăng ký và các giấy tờ có liên quan.

+ Trong thời gian một ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ kiểm dịch hợp lệ, Kiểm dịch viên động vật có trách nhiệm xác nhận đăng ký kiểm dịch và thông báo địa điểm, thời gian, nội dung tiến hành kiểm dịch.

+ Trường hợp hồ sơ kiểm dịch chưa hợp lệ theo quy định, Kiểm dịch viên động vật hướng dẫn chủ hàng hoàn thiện, bổ sung đầy đủ hồ sơ.

❖ **Bước 3:** Kiểm dịch viên động vật có thẩm quyền tiến hành kiểm tra, kiểm dịch sản phẩm động vật theo quy trình sau:

+ Kiểm tra việc thực hiện các quy định về điều kiện vệ sinh thú y khu cách ly kiểm dịch;

+ Kiểm tra sau khi đưa sản phẩm động vật đến khu cách ly:

▪ Tiến hành kiểm dịch ngay trong ngày kể từ khi sản phẩm động vật được tập trung tại địa điểm đã chỉ định;

▪ Kiểm tra số lượng, chủng loại sản phẩm động vật theo hồ sơ đăng ký kiểm dịch;

▪ Kiểm tra tình trạng bao gói, bảo quản sản phẩm và kiểm tra cảm quan đối với sản phẩm động vật; kiểm tra dấu kiểm soát giết mổ, tem kiểm tra vệ sinh thú y đối với sản phẩm tươi sống sau giết mổ;

▪ Lấy mẫu xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y đối với sản phẩm động vật chưa xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y theo quy định hoặc chưa có dấu kiểm soát giết mổ, tem kiểm tra vệ sinh thú y; theo yêu cầu của chủ hàng (nếu có);

▪ Khử trùng tiêu độc đối với lô hàng theo quy định;

▪ Đánh dấu, niêm phong bao bì chứa đựng đối với sản phẩm động vật đủ tiêu chuẩn vệ sinh thú y.

❖ **Bước 4:** Sau khi thực hiện kiểm tra

+ Trường hợp sản phẩm động vật đủ tiêu chuẩn vệ sinh thú y, kiểm dịch viên động vật thực hiện:

▪ Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển trong phạm vi 24 giờ trước khi vận chuyển;

▪ Thực hiện hoặc giám sát việc vệ sinh, khử trùng tiêu độc đối với phương tiện vận chuyển, các vật dụng kèm theo ít nhất 06 giờ trước khi bốc xếp hàng để vận chuyển, giám sát quá trình bốc xếp sản phẩm động vật lên phương tiện vận chuyển và niêm phong phương tiện vận chuyển;

▪ Thực hiện hoặc giám sát việc vệ sinh, khử trùng tiêu độc khu cách ly kiểm dịch, nơi bốc xếp hàng.

+ Trong trường hợp sản phẩm động vật không đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y, kiểm dịch viên động vật không cấp giấy chứng nhận kiểm dịch và tiến hành xử lý theo quy định.

b) Kiểm dịch sản phẩm động vật tại hội chợ, triển lãm:

❖ **Bước 1:** Chủ hàng phải đăng ký với Chi cục Thú y thành phố Hồ Chí Minh ít nhất mười ngày trước khi khai mạc.

❖ **Bước 2:** Tại nơi tập trung sản phẩm động vật, Chi cục Thú y thực hiện:

+ Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y và tiến hành khử trùng tiêu độc ít nhất 03 ngày trước khi tập trung sản phẩm động vật;

+ Kiểm tra giấy chứng nhận kiểm dịch và các giấy tờ khác có liên quan;

+ Kiểm tra số lượng, chủng loại và thực trạng sản phẩm động vật, đối chiếu với giấy chứng nhận kiểm dịch;

+ Hướng dẫn chủ hàng đưa sản phẩm động vật đến địa điểm tập trung;

+ Thực hiện hoặc giám sát việc vệ sinh, khử trùng tiêu độc phương tiện vận chuyển, các dụng cụ có liên quan, chất độn, chất thải trong quá trình vận chuyển;

+ Giám sát sản phẩm động vật trong thời gian tham gia hội chợ, triển lãm.

❖ **Bước 3:** Sau thời gian tập trung hội chợ, triển lãm Chi cục Thú y:

+ Thực hiện hoặc giám sát việc vệ sinh, khử trùng tiêu độc toàn bộ khu vực tập trung sản phẩm động vật;

+ Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch đối với sản phẩm động vật đủ tiêu chuẩn vệ sinh thú y để sử dụng trong nước;

+ Nếu sản phẩm động vật không đủ tiêu chuẩn vệ sinh thú y thì áp dụng các biện pháp xử lý theo quy định.

– **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp nộp hồ sơ tại trụ sở cơ quan hành chính Nhà nước hoặc gửi qua đường bưu điện

– **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ đăng ký kiểm dịch động vật vận chuyển bao gồm:

+ Giấy đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi huyện theo mẫu quy định;

+ Bản sao phiếu kết quả xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y sản phẩm động vật (nếu có);

+ Các giấy tờ khác có liên quan (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

– **Thời hạn giải quyết:**

+ Trường hợp sản phẩm động vật đã được xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y và đủ tiêu chuẩn vệ sinh thú y: Thời gian thực hiện kiểm dịch là ba ngày.

+ Nếu sản phẩm động vật chưa được xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y: Thời gian thực hiện kiểm dịch mười ngày.

– **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức và cá nhân.

– **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thú y thành phố Hồ Chí Minh.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Kiểm dịch viên động vật thuộc Chi cục Thú y thành phố Hồ Chí Minh.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Trạm Thú y quận, huyện hoặc Trạm Phòng, chống dịch và Kiểm dịch động vật - Chi cục Thú y thành phố Hồ Chí Minh.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): không có.

– **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển trong tỉnh hoặc ra ngoài tỉnh.

– **Phí, lệ phí (nếu có):**

+ Lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển:

▪ Từ tỉnh này sang tỉnh khác: 20.000 đồng/lần.

▪ Nội tỉnh: 3.000 đồng/lần.

+ Phí kiểm dịch sản phẩm động vật:

▪ Thịt động vật đông lạnh với số lượng lớn bằng Container, xe lạnh (từ 9 tấn trở lên): 450.000 đồng/lô hàng

▪ Thịt động vật đông lạnh với số lượng ít (dưới 9 tấn): 50.000 đồng/kg

▪ Ruột khô, bì, gân, da phòng: 100 đồng/kg

▪ Phủ tạng, phụ phẩm, huyết gia súc, lòng đỏ và lòng trắng trứng làm thực phẩm: 10 đồng/kg

▪ Đồ hộp các loại (thịt, gan,...): 25.000 đồng/tấn

▪ Kiểm tra các chỉ tiêu vệ sinh thú y đối với sữa và các sản phẩm sữa làm thực phẩm: 20.000 đồng/tấn (mức thu tối đa 10 triệu đồng/lô hàng)

▪ Yên: 1.250 đồng/kg

▪ Mật ong: 7.500 đồng/tấn

▪ Sữa ong chúa: 3.000 đồng/kg

▪ Sáp ong: 30.000 đồng/tấn

▪ Kén tằm: 15.000 đồng/tấn

▪ Lông vũ, lông mao, xương, móng, sừng: 10.000 đồng/tấn

▪ Da trần, rắn: 100 đồng/mét

▪ Da cá sấu: 5.000 đồng/tám

▪ Da tươi, da muối: 1.000 đồng/tám

▪ Da tươi, da muối (chứa trong container bằng hoặc trên 12 tấn): 250.000 đồng/lô hàng

▪ Da các loại khác: 5.000 đồng/tám

- Bột huyết, bột xương, bột phụ phẩm, bột thịt, bột lông vũ, bột cá, bột váng sữa và các loại khác làm thức ăn chăn nuôi: 7.500 đồng/tấn
- Thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc động vật: 2.000 đồng/tấn
- Sừng mỹ nghệ: 500 đồng/cái
- Phế liệu tơ tằm: 15.000 đồng/tấn
- + Phí tiêu độc trong công tác kiểm dịch:
 - Xe ô tô: 30.000 đồng/lần/cái
 - Các loại xe khác (đo theo diện tích bề mặt): 10.000 đồng/m²
- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Giấy đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi huyện (mẫu 1)
- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.
- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**
 - + Pháp lệnh số 18/2004/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 4 năm 2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thú y. Có hiệu lực ngày 01 tháng 10 năm 2004.
 - + Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y. Có hiệu lực ngày 05 tháng 4 năm 2005.
 - + Nghị định số 119/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y. Có hiệu lực ngày 23 tháng 12 năm 2008.
 - + Quyết định số 45/2005/QĐ-BNN ngày 25 tháng 7 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành Danh mục đối tượng kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; Danh mục động vật, sản phẩm động vật thuộc diện phải kiểm dịch. Có hiệu lực ngày 04 tháng 8 năm 2005.
 - + Quyết định số 47/2005/QĐ-BNN ngày 25 tháng 7 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc quy định số lượng động vật, khối lượng sản phẩm động vật phải kiểm dịch khi vận chuyển ra khỏi huyện và miễn kiểm dịch. Có hiệu lực ngày 21 tháng 8 năm 2005.
 - + Quyết định số 15/2006/QĐ-BNN ngày 08 tháng 3 năm 2006 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về quy trình, thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y. Có hiệu lực ngày 09 tháng 4 năm 2006.

+ Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành quy định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y. Có hiệu lực ngày 25 tháng 01 năm 2006;

+ Quyết định số 126/2008/QĐ-BNN ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc sửa đổi, bổ sung Quy định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y ban hành kèm theo Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT. Có hiệu lực ngày 29 tháng 01 năm 2009.

+ Quyết định số 08/2005/QĐ-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2005 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y. Có hiệu lực ngày 24 tháng 02 năm 2005.

+ Thông tư số 11/2009/TT-BNN ngày 04 tháng 3 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều về quy trình thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BNN ngày 08 tháng 3 năm 2006 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về quy trình, thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y. Có hiệu lực ngày 19 tháng 4 năm 2009.

+ Quyết định số 50/QĐ-CCTY ngày 30 tháng 3 năm 2009 của Chi cục Thú y về việc ủy quyền thực hiện kiểm dịch và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra ngoài thành phố Hồ Chí Minh. Có hiệu lực từ ngày 30 tháng 3 năm 2009.

+ Quyết định số 51/QĐ-CCTY ngày 01 tháng 4 năm 2009 của Chi cục Thú y về việc bổ sung ủy quyền thực hiện kiểm dịch và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra ngoài thành phố Hồ Chí Minh. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 4 năm 2009.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu: 1

Dấu
của cơ quan
Kiểm dịch
động vật

**GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT,
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN RA KHỎI HUYỆN**

Số:...../ĐK-KDND

Kính gửi:

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Chứng minh nhân dân số: Cấp ngày...../...../..... tại.....

Điện thoại: Fax: Email:

Đề nghị được làm thủ tục kiểm dịch số hàng sau:

I/ ĐỘNG VẬT:

| Loại động vật | Giống | Tuổi | Tính biệt | | Mục đích sử dụng |
|----------------|-------|------|-----------|-----|------------------|
| | | | Đực | Cái | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| Tổng số | | | | | |

Tổng số (viết bằng chữ):

Nơi xuất phát:

Tình trạng sức khỏe động vật:

Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với bệnh:

..... theo Quyết định số .../..... ngày...../...../.....
của(1).....(nếu có).

Số động vật trên đã được xét nghiệm các bệnh sau (nếu có):

1/ Kết quả xét nghiệm số/..... ngày...../...../.....

2/ Kết quả xét nghiệm số/..... ngày...../...../.....

3/ Kết quả xét nghiệm số/..... ngày...../...../.....

4/ Kết quả xét nghiệm số/..... ngày...../...../.....

5/ Kết quả xét nghiệm số/..... ngày...../...../.....

Số động vật trên đã được tiêm phòng vắc xin với các bệnh sau (loại vắc xin, nơi sản xuất):

1/ tiêm phòng ngày...../...../.....

2/ tiêm phòng ngày...../...../.....

3/ tiêm phòng ngày...../...../.....

4/ tiêm phòng ngày...../...../.....

5/ tiêm phòng ngày...../...../.....

II/ SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT:

| Tên hàng | Quy cách đóng gói | Số lượng (2) | Khối lượng (kg) | Mục đích sử dụng |
|----------------|-------------------|--------------|-----------------|------------------|
| | | | | |
| | | | | |
| Tổng số | | | | |

Tổng số (viết bằng chữ):

Số sản phẩm động vật trên đã được xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y theo kết quả xét nghiệm số/..... ngày...../...../..... của(3) (nếu có).

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:

Điện thoại: Fax:

III/ CÁC THÔNG TIN KHÁC:

Tên tổ chức, cá nhân nhập hàng:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Nơi đến (cuối cùng):

Phương tiện vận chuyển:

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):

1/ Số lượng: Khối lượng:

2/ Số lượng: Khối lượng:

3/ Số lượng: Khối lượng:

Điều kiện bảo quản hàng trong quá trình vận chuyển:

Các vật dụng khác liên quan kèm theo:

Các giấy tờ liên quan kèm theo:

Địa điểm kiểm dịch:

Thời gian kiểm dịch:

Tôi xin cam đoan việc đăng ký trên hoàn toàn đúng sự thật và cam kết chấp hành đúng pháp luật thú y.

Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT

Đồng ý kiểm dịch tại địa điểm.....

..... vào hồi giờ..... ngày...../...../.....

Vào sổ đăng ký số ngày...../...../.....

Đăng ký tại

Ngày thángnăm

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT

(Ký, ghi rõ họ tên)

- Tờ khai được làm thành 02 bản: 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ, 01 bản do chủ hàng hoặc người đại diện giữ;
- Cá nhân đăng ký không có con dấu, chỉ ký và ghi rõ họ tên;
- (1) Tên cơ quan cấp giấy chứng nhận.
- (2) Số lượng kiện, thùng, hộp,
- (3) Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

9. Thủ tục Kiểm dịch động vật vận chuyển ra ngoài tỉnh

– Trình tự thực hiện:

❖ Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu vận chuyển động vật ra ngoài tỉnh chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.

❖ Bước 2: Liên hệ nộp hồ sơ tại Trạm Thú y quận, huyện nơi cơ sở có chăn nuôi.

+ Thời gian nhận hồ sơ: Từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30 sáng và từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00 chiều, thứ hai đến thứ sáu hàng tuần.

+ Khi tiếp nhận hồ sơ, Kiểm dịch viên động vật kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định thì Kiểm dịch viên động vật ra biên nhận và thông báo thời gian, địa điểm, nội dung thực hiện kiểm dịch. Thời gian thực hiện trong phạm vi 01 ngày.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì Kiểm dịch viên động vật hướng dẫn chủ cơ sở hoàn thiện đầy đủ hồ sơ.

❖ Bước 3: Kiểm dịch viên động vật có thẩm quyền tiến hành kiểm tra, kiểm dịch động vật tại cơ sở chăn nuôi theo quy trình sau:

+ Kiểm tra trước khi đưa động vật đến khu cách ly kiểm dịch:

○ Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với khu cách ly kiểm dịch;

○ Hướng dẫn cơ sở đưa động vật đến khu cách ly.

○ Kiểm dịch viên động vật phải tiến hành kiểm dịch ngay trong ngày kể từ khi động vật được tập trung tại khu cách ly.

+ Kiểm tra sau khi đưa động vật đến khu cách ly:

○ Kiểm tra số lượng, chủng loại động vật theo hồ sơ đăng ký kiểm dịch;

○ Kiểm tra lâm sàng động vật;

○ Lấy mẫu xét nghiệm (nếu có)

○ Tiêm phòng hoặc áp dụng các biện pháp phòng bệnh khác đối với các bệnh phải tiêm phòng khi vận chuyển động vật nếu động vật chưa tiêm phòng hoặc giấy chứng nhận tiêm phòng không hợp lệ, các bệnh theo yêu cầu của chủ hàng (nếu có);

❖ Bước 4: Sau khi thực hiện kiểm tra:

+ Trường hợp động vật đủ tiêu chuẩn vệ sinh thú y: Kiểm dịch viên động vật thực hiện:

○ Diệt ký sinh trùng và đánh dấu động vật đủ tiêu chuẩn vệ sinh thú y theo quy định

○ Trong vòng 24 giờ trước khi vận chuyển, cấp giấy chứng nhận kiểm dịch. Hồ sơ kiểm dịch cấp cho chủ hàng gồm:

▪ Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật vận chuyển ra ngoài tỉnh;

▪ Bảng kê mã số đánh dấu động vật theo quy định.

○ Thực hiện hoặc giám sát kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với phương tiện vận chuyển và các vật dụng kèm theo ít nhất 06 giờ trước khi đưa động vật để vận chuyển, niêm phong phương tiện vận chuyển.

+ Trong trường hợp động vật không đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y, Kiểm dịch viên động vật không cấp giấy chứng nhận kiểm dịch và tiến hành xử lý theo quy định.

– **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp nộp hồ sơ tại trụ sở cơ quan hành chính Nhà nước.

– **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Giấy đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi huyện (mẫu 1);

+ Bản sao giấy chứng nhận vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh nơi xuất phát của động vật (nếu có);

+ Bản sao sổ quản lý dịch tễ, phiếu kết quả xét nghiệm bệnh động vật (nếu có);

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

– **Thời hạn giải quyết:**

+ Trường hợp động vật đủ tiêu chuẩn vệ sinh thú y: Thời gian thực hiện kiểm dịch là 03 ngày.

+ Nếu động vật chưa được áp dụng các biện pháp phòng bệnh bắt buộc theo quy định hoặc không có miễn dịch. Ít nhất từ 15 đến 30 ngày.

– **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức và cá nhân.

– **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thú y thành phố Hồ Chí Minh.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Kiểm dịch viên động vật thuộc Chi cục Thú y thành phố Hồ Chí Minh.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Trạm Thú y quận, huyện - Chi cục Thú y thành phố Hồ Chí Minh.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): không có.

– **Kết quả thủ tục hành chính:** giấy chứng nhận kiểm dịch động vật ngoại tỉnh.

– **Phí, lệ phí (nếu có):**

+ Lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật từ tỉnh này sang tỉnh khác: 20.000 đồng/lần.

+ Phí Kiểm dịch động vật:

○ Trâu, bò, ngựa, lừa: 4.000 đồng/con

○ Dê: 2.000 đồng/con

○ Lợn: 1.000 đồng/con (trên 15kg/con); Lợn sữa 500 đồng/con (bằng hoặc dưới 15kg/con)

○ Chó, mèo: 2.000 đồng/con

○ Chim cảnh các loại: 5.000 đồng/con

○ Chim làm thực phẩm: 30 đồng/con

○ Gia cầm các loại: 50 đồng/con

○ Thỏ : 500 đồng/con

○ Đà điểu: một ngày tuổi: 1000 đồng/con , trưởng thành: 5.000 đồng/con

+ Phí tiêu độc trong công tác kiểm dịch:

○ Xe ô tô: 30.000 đồng/lần/cái

○ Các loại xe khác (đo theo diện tích bề mặt): 10.000 đồng/m²

– **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Giấy đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi huyện (mẫu 1)

– **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** không có

– **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Pháp lệnh số 18/2004/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 4 năm 2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thú y. Có hiệu lực ngày 01 tháng 10 năm 2004

+ Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y. Có hiệu lực ngày 05 tháng 4 năm 2005.

+ Nghị định số 119/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y. Có hiệu lực ngày 23 tháng 12 năm 2008.

+ Quyết định số 15/2006/QĐ-BNN ngày 08 tháng 3 năm 2006 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về quy trình, thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y. Có hiệu lực ngày 09 tháng 4 năm 2006.

+ Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành quy định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y. Có hiệu lực ngày 25 tháng 01 năm 2006.

+ Quyết định số 126/2008/QĐ-BNN ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc sửa đổi, bổ sung Quy định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y ban hành kèm theo Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT. Có hiệu lực ngày 29 tháng 01 năm 2009.

+ Quyết định số 08/2005/QĐ-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2005 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y. Có hiệu lực ngày 24 tháng 02 năm 2005.

+ Thông tư số 11/2009/TT-BNN ngày 04 tháng 3 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều về quy trình thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BNN ngày 08 tháng 3 năm 2006 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về quy trình, thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y. có hiệu lực ngày 19 tháng 4 năm 2009.

+ Quyết định số 50/QĐ-CCTY ngày 30 tháng 3 năm 2009 của Chi cục Thú y về việc ủy quyền thực hiện kiểm dịch và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra ngoài thành phố Hồ Chí Minh.

+ Quyết định số 51/QĐ-CCTY ngày 01 tháng 4 năm 2009 của Chi cục Thú y về việc bổ sung ủy quyền thực hiện kiểm dịch và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra ngoài thành phố Hồ Chí Minh.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu: 1

Dấu
của cơ quan
Kiểm dịch
động vật

**GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT,
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN RA KHỎI HUYỆN**

Số:...../ĐK-KDND

Kính gửi:

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Chứng minh nhân dân số: Cấp ngày...../...../..... tại.....

Điện thoại: Fax: Email:

Đề nghị được làm thủ tục kiểm dịch số hàng sau:

I/ ĐỘNG VẬT:

| Loại động vật | Giống | Tuổi | Tính biệt | | Mục đích sử dụng |
|----------------|-------|------|-----------|-----|------------------|
| | | | Đực | Cái | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| Tổng số | | | | | |

Tổng số (viết bằng chữ):

Nơi xuất phát:

Tình trạng sức khỏe động vật:

Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với bệnh:

..... theo Quyết định số .../..... ngày...../...../.....

của(1).....(nếu có).

Số động vật trên đã được xét nghiệm các bệnh sau (nếu có):

1/ Kết quả xét nghiệm số/..... ngày...../...../.....

2/ Kết quả xét nghiệm số/..... ngày...../...../.....

3/ Kết quả xét nghiệm số/..... ngày...../...../.....

4/ Kết quả xét nghiệm số/..... ngày...../...../.....

5/ Kết quả xét nghiệm số/..... ngày...../...../.....

Số động vật trên đã được tiêm phòng vắc xin với các bệnh sau (loại vắc xin, nơi sản xuất):

1/ tiêm phòng ngày...../...../.....

2/ tiêm phòng ngày...../...../.....

3/ tiêm phòng ngày...../...../.....

4/ tiêm phòng ngày...../...../.....

5/ tiêm phòng ngày...../...../.....

II/ SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT:

| Tên hàng | Quy cách đóng gói | Số lượng (2) | Khối lượng (kg) | Mục đích sử dụng |
|----------------|-------------------|--------------|-----------------|------------------|
| | | | | |
| | | | | |
| Tổng số | | | | |

Tổng số (viết bằng chữ):

Số sản phẩm động vật trên đã được xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y theo kết quả xét nghiệm số/..... ngày...../...../..... của(3) (nếu có).

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:

Điện thoại: Fax:

III/ CÁC THÔNG TIN KHÁC:

Tên tổ chức, cá nhân nhập hàng:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Nơi đến (cuối cùng):

Phương tiện vận chuyển:

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):

1/ Số lượng: Khối lượng:

2/ Số lượng: Khối lượng:

3/ Số lượng: Khối lượng:

Điều kiện bảo quản hàng trong quá trình vận chuyển:

Các vật dụng khác liên quan kèm theo:

Các giấy tờ liên quan kèm theo:

Địa điểm kiểm dịch:

Thời gian kiểm dịch:

Tôi xin cam đoan việc đăng ký trên hoàn toàn đúng sự thật và cam kết chấp hành đúng pháp luật thú y.

Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT

Đồng ý kiểm dịch tại địa điểm.....

..... vào hồi giờ..... ngày...../...../.....

Vào sổ đăng ký số ngày...../...../.....

Đăng ký tại

Ngày tháng năm

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT

(Ký, ghi rõ họ tên)

- Tờ khai được làm thành 02 bản: 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ, 01 bản do chủ hàng hoặc người đại diện giữ;
- Cá nhân đăng ký không có con dấu, chỉ ký và ghi rõ họ tên;
- (1) Tên cơ quan cấp giấy chứng nhận.
- (2) Số lượng kiện, thùng, hộp,
- (3) Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

10. Thủ tục Kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển ra ngoài tỉnh

– Trình tự thực hiện:

❖ Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu vận chuyển sản phẩm động vật ra ngoài tỉnh chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.

❖ Bước 2: Khai báo trước ít nhất 02 ngày nếu sản phẩm động vật đã được xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y; 07 ngày nếu sản phẩm động vật chưa được xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y tại Trạm Thú y quận, huyện hoặc gửi qua đường bưu điện.

+ Thời gian nhận hồ sơ: Từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30 sáng và từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00 chiều, thứ hai đến thứ sáu hàng tuần.

+ Khi tiếp nhận hồ sơ, Kiểm dịch viên động vật kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định thì Kiểm dịch viên động vật ra biên nhận và thông báo thời gian, địa điểm, nội dung thực hiện kiểm dịch. Thời gian thực hiện trong phạm vi 01 ngày.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì Kiểm dịch viên động vật hướng dẫn chủ cơ sở hoàn thiện đầy đủ hồ sơ.

❖ Bước 3: Kiểm dịch viên động vật có thẩm quyền tiến hành kiểm tra, điều kiện vệ sinh thú y đối với khu cách ly kiểm dịch; Hướng dẫn cơ sở đưa sản phẩm động vật đến khu cách ly kiểm dịch và thực hiện kiểm dịch ngay trong ngày.

❖ Bước 4: Sau khi thực hiện kiểm tra:

+ Trường hợp sản phẩm động vật đủ tiêu chuẩn vệ sinh thú y: Kiểm dịch viên động vật thực hiện:

○ Đánh dấu, niêm phong bao bì chứa đựng đối với sản phẩm động vật đủ tiêu chuẩn vệ sinh thú y.

○ Trong vòng 24 giờ trước khi vận chuyển, cấp giấy chứng nhận kiểm dịch. Hồ sơ kiểm dịch cấp cho chủ hàng gồm:

- Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển ra ngoài tỉnh.
- Bảng kê mã số đánh dấu sản phẩm động vật theo quy định.

○ Thực hiện hoặc giám sát kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với phương tiện vận chuyển và các vật dụng kèm theo ít nhất 06 giờ trước khi bốc xếp hàng để vận chuyển, niêm phong phương tiện vận chuyển.

+ Trong trường hợp sản phẩm động vật không đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y, Kiểm dịch viên động vật không cấp giấy chứng nhận kiểm dịch và tiến hành xử lý theo quy định.

– **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp nộp hồ sơ tại trụ sở cơ quan hành chính Nhà nước hoặc gửi qua đường bưu điện.

– **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Giấy đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi huyện (mẫu 1);

+ Bản sao phiếu kết quả xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y sản phẩm động vật (nếu có);

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

– **Thời hạn giải quyết:**

+ Trường hợp sản phẩm động vật đủ tiêu chuẩn vệ sinh thú y, đã được xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y: Thời gian thực hiện kiểm dịch là 03 ngày.

+ Trường hợp sản phẩm động vật chưa được xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y: Thời gian thực hiện kiểm dịch là 10 ngày.

– **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức và cá nhân.

– **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thú y thành phố Hồ Chí Minh.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Kiểm dịch viên động vật thuộc Chi cục Thú y thành phố Hồ Chí Minh.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Trạm Thú y quận, huyện - Chi cục Thú y thành phố Hồ Chí Minh.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): không có.

– **Kết quả thủ tục hành chính:** giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật ngoài tỉnh.

– **Phí, lệ phí (nếu có):**

+ Lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật từ tỉnh này sang tỉnh khác: 20.000 đồng/lần.

- + Phí Kiểm dịch sản phẩm động vật:
 - Thịt động vật đông lạnh số lượng lớn bằng container, xe lạnh (9 tấn trở lên): 450.000 đồng/lô hàng; Vận chuyển số lượng ít (dưới 9 tấn): 50 đồng/kg.
 - Trứng gia cầm: 2 đồng/quả
 - Trứng đà điểu: 10 đồng/quả
 - Trứng chim cú: 50 đồng/kg
 - Trứng tằm: 30.000 đồng/hộp
 - Tinh dịch: 100 đồng/liều
 - Ruột khô, bì, gân, da phồng: 100 đồng/kg
 - Phủ tạng, phụ phẩm, huyết gia súc, lòng đỏ và lòng trắng trứng làm thực phẩm: 10 đồng/kg
 - Lông vũ, lông mao, xương, móng, sừng: 10.000 đồng/tấn
 - Da:
 - ✓ Da trăn, rắn: 100 đồng/mét
 - ✓ Da cá sấu: 5.000 đồng/tấm
 - ✓ Da tươi, da muối: 1.000 đồng/tấm
 - ✓ Da tươi, da muối (chứa trong container bằng hoặc trên 12 tấn) 250.000 đồng/lô hàng
 - ✓ Da các loại khác: 5.000 đồng/tấn
 - Bột huyết, bột xương, bột phụ phẩm, bột thịt, bột lông vũ, bột cá, bột váng sữa và các loại khác làm thức ăn chăn nuôi: 7 đồng/tấn
- + Phí tiêu độc trong công tác kiểm dịch:
 - Xe ô tô: 30.000 đồng/lần/cái
 - Các loại xe khác (đo theo diện tích bề mặt): 10.000 đồng/m²
- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Giấy đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi huyện (mẫu 1)
- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** không có
- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Pháp lệnh số 18/2004/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 4 năm 2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thú y. Có hiệu lực ngày 01 tháng 10 năm 2004.

+ Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y. Có hiệu lực ngày 05 tháng 4 năm 2005.

+ Nghị định số 119/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y. Có hiệu lực ngày 23 tháng 12 năm 2008.

+ Quyết định số 15/2006/QĐ-BNN ngày 08 tháng 3 năm 2006 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về quy trình, thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y. Có hiệu lực ngày 09 tháng 4 năm 2006.

+ Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành quy định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y. Có hiệu lực ngày 25 tháng 01 năm 2006.

+ Quyết định số 126/2008/QĐ-BNN ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc sửa đổi, bổ sung Quy định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y ban hành kèm theo Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT. Có hiệu lực ngày 29 tháng 01 năm 2009.

+ Quyết định số 08/2005/QĐ-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2005 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y. Có hiệu lực ngày 24 tháng 02 năm 2005.

+ Thông tư số 11/2009/TT-BNN ngày 04 tháng 3 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều về quy trình thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BNN ngày 08 tháng 3 năm 2006 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về quy trình, thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y. có hiệu lực ngày 19 tháng 4 năm 2009.

+ Quyết định số 50/QĐ-CCTY ngày 30 tháng 3 năm 2009 của Chi cục Thú y về việc ủy quyền thực hiện kiểm dịch và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra ngoài thành phố Hồ Chí Minh. Có hiệu lực từ ngày 30 tháng 3 năm 2009.

+ Quyết định số 51/QĐ-CCTY ngày 01 tháng 4 năm 2009 của Chi cục Thú y về việc bổ sung ủy quyền thực hiện kiểm dịch và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra ngoài thành phố Hồ Chí Minh. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 4 năm 2009.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu: 1

Dấu
của cơ quan
Kiểm dịch
động vật

**GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT,
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN RA KHỎI HUYỆN**

Số:...../ĐK-KDND

Kính gửi:

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Chứng minh nhân dân số: Cấp ngày...../...../..... tại.....

Điện thoại: Fax: Email:

Đề nghị được làm thủ tục kiểm dịch số hàng sau:

I/ ĐỘNG VẬT:

| Loại động vật | Giống | Tuổi | Tính biệt | | Mục đích sử dụng |
|----------------|-------|------|-----------|-----|------------------|
| | | | Đực | Cái | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| Tổng số | | | | | |

Tổng số (viết bằng chữ):

Nơi xuất phát:

Tình trạng sức khỏe động vật:

Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với bệnh:

..... theo Quyết định số .../..... ngày...../...../.....
của(1).....(nếu có).

Số động vật trên đã được xét nghiệm các bệnh sau (nếu có):

1/ Kết quả xét nghiệm số/..... ngày...../...../.....

2/ Kết quả xét nghiệm số/..... ngày...../...../.....

3/ Kết quả xét nghiệm số/..... ngày...../...../.....

4/ Kết quả xét nghiệm số/..... ngày...../...../.....

5/ Kết quả xét nghiệm số/..... ngày...../...../.....

Số động vật trên đã được tiêm phòng vắc xin với các bệnh sau (loại vắc xin, nơi sản xuất):

1/ tiêm phòng ngày...../...../.....

2/ tiêm phòng ngày...../...../.....

3/ tiêm phòng ngày...../...../.....

4/ tiêm phòng ngày...../...../.....

5/ tiêm phòng ngày...../...../.....

II/ SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT:

| Tên hàng | Quy cách đóng gói | Số lượng (2) | Khối lượng (kg) | Mục đích sử dụng |
|----------------|-------------------|--------------|-----------------|------------------|
| | | | | |
| | | | | |
| Tổng số | | | | |

Tổng số (viết bằng chữ):

Số sản phẩm động vật trên đã được xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y theo kết quả xét nghiệm số/..... ngày...../...../..... của(3) (nếu có).

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:

Điện thoại: Fax:

III/ CÁC THÔNG TIN KHÁC:

Tên tổ chức, cá nhân nhập hàng:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Nơi đến (cuối cùng):

Phương tiện vận chuyển:

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):

1/ Số lượng: Khối lượng:

2/ Số lượng: Khối lượng:

3/ Số lượng: Khối lượng:

Điều kiện bảo quản hàng trong quá trình vận chuyển:

Các vật dụng khác liên quan kèm theo:

Các giấy tờ liên quan kèm theo:

Địa điểm kiểm dịch:

Thời gian kiểm dịch:

Tôi xin cam đoan việc đăng ký trên hoàn toàn đúng sự thật và cam kết chấp hành đúng pháp luật thú y.

Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT

Đồng ý kiểm dịch tại địa điểm.....

..... vào hồi giờ..... ngày/...../.....

Vào sổ đăng ký số ngày...../...../.....

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đăng ký tại

Ngày thángnăm

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

- Tờ khai được làm thành 02 bản: 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ, 01 bản do chủ hàng hoặc người đại diện giữ;
- Cá nhân đăng ký không có con dấu, chỉ ký và ghi rõ họ tên;
- (1) Tên cơ quan cấp giấy chứng nhận.
- (2) Số lượng kiện, thùng, hộp,
- (3) Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

11. Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật tại Trạm kiểm dịch động vật đầu mối giao thông

– Trình tự thực hiện:

❖ **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu vận chuyển động vật, sản phẩm động vật vào, ra hoặc quá cảnh thành phố Hồ Chí Minh phải trình đầy đủ hồ sơ kiểm dịch theo quy định tại Trạm kiểm dịch đầu mối giao thông. Cơ sở chăn nuôi tập trung, cơ sở sản xuất con giống.

❖ **Bước 2:** Liên hệ trực tiếp kiểm dịch viên tại các Trạm kiểm dịch động vật đầu mối giao thông. Thời gian liên hệ 24/24 giờ từ thứ hai đến chủ nhật hàng tuần. Khi tiếp nhận hồ sơ, Kiểm dịch viên động vật tiến hành kiểm tra theo quy trình sau:

+ Kiểm tra hồ sơ kiểm dịch: gồm giấy Chứng nhận kiểm dịch và các giấy tờ khác có liên quan;

+ Kiểm tra số lượng, chủng loại động vật, sản phẩm động vật theo giấy chứng nhận kiểm dịch; mã số của động vật; dấu kiểm soát giết mổ, tem vệ sinh thú y; dấu niêm phong phương tiện vận chuyển và các dụng cụ, bao bì chứa đựng;

+ Kiểm tra tình trạng sức khỏe động vật, thực trạng vệ sinh thú y sản phẩm động vật;

+ Kiểm tra thực trạng vệ sinh thú y phương tiện vận chuyển và các vật dụng có liên quan trong quá trình vận chuyển.

❖ **Bước 3:** Sau khi thực hiện kiểm tra:

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; động vật, sản phẩm động vật, phương tiện vận chuyển và các vật dụng có liên quan đạt tiêu chuẩn vệ sinh thú y thì Kiểm dịch viên động vật đóng dấu xác nhận vào mặt sau giấy chứng nhận kiểm dịch đối với động vật, sản phẩm động vật có giấy chứng nhận kiểm dịch hợp lệ, phương tiện, các vật dụng khác có liên quan bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y;

+ Trong trường hợp hồ sơ không hợp lệ; động vật, sản phẩm động vật, phương tiện vận chuyển và các vật dụng có liên quan không đạt tiêu chuẩn vệ sinh thú y thì Kiểm dịch viên động vật không phúc kiểm và tiến hành xử lý theo quy định.

– **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp nộp hồ sơ tại trụ sở cơ quan hành chính Nhà nước.

– **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- + Giấy chứng nhận kiểm dịch (mẫu 12, 13, 14, 15 hoặc 12a, 13a, 14a, 15a);
- + Các giấy tờ khác có liên quan (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

– **Thời hạn giải quyết:**

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ, động vật, sản phẩm động vật, phương tiện vận chuyển và các vật dụng có liên quan đủ tiêu chuẩn vệ sinh thú y: Thời gian thực hiện kiểm dịch ngay trong ngày.

+ Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, động vật, sản phẩm động vật, phương tiện vận chuyển và các vật dụng có liên quan không đủ tiêu chuẩn vệ sinh thú y buộc phải xử lý: Thời gian thực hiện là 01 ngày.

– **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức và cá nhân.

– **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Trạm Kiểm dịch động vật đầu mối giao thông - Chi cục Thú y thành phố Hồ Chí Minh.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Trạm Kiểm dịch động vật đầu mối giao thông - Chi cục Thú y thành phố Hồ Chí Minh

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): không có.

– **Kết quả thủ tục hành chính:** Đóng dấu xác nhận vào mặt sau giấy chứng nhận kiểm dịch.

– **Lệ phí (nếu có):** không có

– **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** không có

– **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** không có.

– **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Pháp lệnh số 18/2004/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 4 năm 2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thú y. Có hiệu lực ngày 01 tháng 10 năm 2004

+ Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y. Có hiệu lực ngày 05 tháng 4 năm 2005.

+ Nghị định số 119/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y. Có hiệu lực ngày 23 tháng 12 năm 2008.

+ Quyết định số 15/2006/QĐ-BNN ngày 08 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về quy trình, thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y. Có hiệu lực ngày 09 tháng 4 năm 2006.

+ Thông tư số 11/2009/TT-BNN ngày 04 tháng 3 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều về quy trình thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BNN ngày 08 tháng 3 năm 2006 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về quy trình, thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y. Có hiệu lực ngày 19 tháng 4 năm 2009.

+ Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành quy định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y. Có hiệu lực ngày 25 tháng 01 năm 2006.

+ Quyết định số 126/2008/QĐ-BNN ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc sửa đổi, bổ sung Quy định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y ban hành kèm theo Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT, có hiệu lực ngày 29 tháng 01 năm 2009.

CHI CỤC THÚ Y
TRẠM THÚ Y

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu: 12

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN TRONG TỈNH**

Số:/CN-KĐĐVTT

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Chứng minh nhân dân số: Cấp ngày:/...../..... tại:

Điện thoại: Fax: Email:

Vận chuyển số động vật sau:

| Loại động vật | Tuổi (1) | Tính biệt | | Số lượng (con) | Mục đích sử dụng |
|---------------|-------------|-----------|-----|-------------------|------------------|
| | | Đực | Cái | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| Tổng số | | | | | |

Tổng số (viết bằng chữ):

Nơi xuất phát:

Nơi đến cuối cùng:

Phương tiện vận chuyển: Biện kiểm soát:

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):

1/ Số lượng:

2/ Số lượng:

3/ Số lượng:

Các vật dụng khác có liên quan:

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

1/ Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với các bệnh:

2/ Số động vật trên không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm khi xuất phát;

3/ Động vật đã được xét nghiệm và có kết quả âm tính với các bệnh:

..... tại kết quả xét nghiệm số: /

ngày...../...../..... của (2) (gửi kèm bản sao, nếu có).

4/ Động vật đã được tiêm phòng vắc xin với các bệnh:

- tiêm phòng ngày/...../.....

- tiêm phòng ngày/...../.....

- tiêm phòng ngày/...../.....

- tiêm phòng ngày/...../.....

5/ Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng nồng độ

Giấy có giá trị đến ngày/...../..... Cấp tại, ngày/...../.....

Kiểm dịch viên động vật
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRẠM TRƯỞNG
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

- (1): Đối với động vật làm giống.

- (2): Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

CHI CỤC THÚ Y
TRẠM THÚ Y

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu: 13

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN TRONG TỈNH**

Số:/CN-KDSPĐVTT

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Điện thoại: Fax: Email:

Vận chuyển số sản phẩm động vật sau:

| Loại hàng | Quy cách đóng gói | Số lượng (1) | Khối lượng (kg) | Mục đích sử dụng |
|----------------|-------------------|--------------|-----------------|------------------|
| | | | | |
| | | | | |
| Tổng số | | | | |

Tổng số (viết bằng chữ):

Tên cơ sở sản xuất, sơ chế, bảo quản:

Địa chỉ:

Tên tổ chức, cá nhân nhận hàng:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

Nơi đến cuối cùng:

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):

1/ Số lượng: Khối lượng:

2/ Số lượng: Khối lượng:

Phương tiện vận chuyển: Biển kiểm soát:

Điều kiện bảo quản hàng khi vận chuyển:

Các vật dụng khác có liên quan:

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

1/ Sản phẩm động vật trên được lấy từ động vật khỏe mạnh; xuất phát từ vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh và được giết mổ, sơ chế, bảo quản đảm bảo các yêu cầu vệ sinh thú y theo quy định;

2/ Sản phẩm động vật trên đã được kiểm tra các chỉ tiêu vệ sinh thú y tại kết quả xét nghiệm số:/..... ngày...../...../..... của (2)..... (gửi kèm bản sao, nếu có).

3/ Sản phẩm động vật trên đáp ứng các yêu cầu sau:

4/ Sản phẩm động vật đã được khử trùng tiêu độc bằng nồng độ (nếu có).

5/ Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng nồng độ

Giấy có giá trị đến ngày/...../..... Cấp tại, ngày/...../.....

Kiểm dịch viên động vật
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRẠM TRƯỞNG
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

- (1): Số lượng kiện, thùng, hộp, ...

- (2): Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

CHI CỤC THÚ Y

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu: 14

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN RA NGOÀI TỈNH**

Số:/CN-KDDVNT

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Chứng minh nhân dân số: Cấp ngày:/...../..... tại:

Điện thoại: Fax: Email:

Có vận chuyển số động vật sau:

| Loại động vật | Tuổi (1) | Tính biệt | | Số lượng (con) | Mục đích sử dụng |
|----------------|-------------|-----------|-----|-------------------|------------------|
| | | Đực | Cái | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| Tổng số | | | | | |

Tổng số (viết bằng chữ):

Nơi xuất phát:

Nơi đến cuối cùng:

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):

1/ Số lượng:

2/ Số lượng:

3/ Số lượng:

Phương tiện vận chuyển: Biện kiểm soát:

Các vật dụng khác có liên quan:

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

1/ Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với các bệnh:

2/ Số động vật trên không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm khi xuất phát;

3/ Động vật đã được xét nghiệm và có kết quả âm tính với các bệnh:

..... tại kết quả xét nghiệm số: /
ngày...../...../..... của(2)..... (gửi kèm bản sao, nếu có).

4/ Động vật đã được tiêm phòng vắc xin với các bệnh:

- tiêm phòng ngày/...../.....

- tiêm phòng ngày/...../.....

- tiêm phòng ngày/...../.....

- tiêm phòng ngày/...../.....

5/ Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng..... nồng độ

Giấy có giá trị đến ngày/...../..... Cấp tại, ngày/...../.....

Kiểm dịch viên động vật

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHI CỤC TRƯỞNG

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

- (1): Đối với động vật làm giống.

- (2): Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

CHI CỤC THÚ Y

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu: 15

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN RA NGOÀI TỈNH**

Số:/CN-KDSPĐVNT

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Chứng minh nhân dân số: Cấp ngày:/...../..... tại:

Điện thoại: Fax: Email:

Có vận chuyển số sản phẩm động vật sau:

| Loại hàng | Quy cách đóng gói | Số lượng (1) | Khối lượng (kg) | Mục đích sử dụng |
|----------------|-------------------|--------------|-----------------|------------------|
| | | | | |
| | | | | |
| Tổng số | | | | |

Tổng số: (viết bằng chữ)

Tên cơ sở sản xuất, sơ chế, bảo quản:

Địa chỉ:

Tên tổ chức, cá nhân nhận hàng:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

Nơi đến cuối cùng:

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):

1/ Số lượng: Khối lượng:

2/ Số lượng: Khối lượng:

3/ Số lượng: Khối lượng:

Phương tiện vận chuyển: Biên kiểm soát:

Điều kiện bảo quản hàng khi vận chuyển:

Các vật dụng khác có liên quan:

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

1/ Sản phẩm động vật trên được lấy từ động vật khỏe mạnh/xuất phát từ vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh và được giết mổ, sơ chế, bảo quản đảm bảo các yêu cầu vệ sinh thú y theo quy định;

2/ Sản phẩm động vật trên đã được kiểm tra các chỉ tiêu vệ sinh thú y tại kết quả xét nghiệm số:/..... ngày...../...../..... của (2) (gửi kèm bản sao, nếu có).

3/ Sản phẩm động vật trên đáp ứng các yêu cầu sau:

4/ Sản phẩm động vật đã được khử trùng tiêu độc bằng nồng độ (nếu có).

5/ Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng nồng độ

Giấy có giá trị đến ngày/...../..... Cấp tại, ngày/...../.....

Kiểm dịch viên động vật

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHI CỤC TRƯỞNG

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

- (1): Số lượng kiện, thùng, hộp, ...

- (2): Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

TRẠM THÚ Y

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu: 12 a

Dấu của
cơ quan
Kiểm dịch
động vật**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN TRONG TỈNH**

Số:/CN-KĐĐVTT

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Chứng minh nhân dân số: Cấp ngày:/...../..... tại:

Điện thoại: Fax: Email:

Vận chuyển số động vật sau:

| Loại động vật | Tuổi (1) | Tính biệt | | Số lượng (con) | Mục đích sử dụng |
|----------------|-------------|-----------|-----|-------------------|------------------|
| | | Đực | Cái | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| Tổng số | | | | | |

Tổng số (viết bằng chữ):

Nơi xuất phát:

Nơi đến cuối cùng:

Phương tiện vận chuyển: Biên kiểm soát:

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):

1/ Số lượng:

2/ Số lượng:

Các vật dụng khác có liên quan:

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

1/ Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với các bệnh:

2/ Số động vật trên không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm khi xuất phát;

3/ Động vật đã được xét nghiệm và có kết quả âm tính với các bệnh:

..... tại kết quả xét nghiệm số: /

ngày/...../..... của (2) (gửi kèm bản sao, nếu có).

4/ Động vật đã được tiêm phòng vắc xin với các bệnh:

- tiêm phòng ngày/...../.....

- tiêm phòng ngày/...../.....

- tiêm phòng ngày/...../.....

- tiêm phòng ngày/...../.....

5/ Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng nồng độ

Giấy có giá trị đến ngày/...../..... Cấp tại, ngày/...../.....

Kiểm dịch viên động vật
(Ký, ghi rõ họ tên)**KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT**
(Ký, ghi rõ họ tên)

- (1): Đối với động vật làm giống.

- (2): Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

TRẠM THÚ Y

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu: 13 a

Dấu của
cơ quan
Kiểm dịch
động vật**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN TRONG TỈNH**

Số:/CN-KDSPĐVTT

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Điện thoại: Fax: Email:

Vận chuyển số sản phẩm động vật sau:

| Loại hàng | Quy cách đóng gói | Số lượng (1) | Khối lượng (kg) | Mục đích sử dụng |
|----------------|----------------------|-----------------|--------------------|------------------|
| | | | | |
| | | | | |
| Tổng số | | | | |

Tổng số (viết bằng chữ):

Tên cơ sở sản xuất, sơ chế, bảo quản:

Địa chỉ:

Tên tổ chức, cá nhân nhận hàng:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

Nơi đến cuối cùng:

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):

1/ Số lượng: Khối lượng:

2/ Số lượng: Khối lượng:

Phương tiện vận chuyển: Biển kiểm soát:

Điều kiện bảo quản hàng khi vận chuyển:

Các vật dụng khác có liên quan:

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

1/ Sản phẩm động vật trên được lấy từ động vật khỏe mạnh; xuất phát từ vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh và được giết mổ, sơ chế, bảo quản đảm bảo các yêu cầu vệ sinh thú y theo quy định;

2/ Sản phẩm động vật trên đã được kiểm tra các chỉ tiêu vệ sinh thú y tại kết quả xét nghiệm số:/..... ngày...../...../..... của (2) (gửi kèm bản sao, nếu có).

3/ Sản phẩm động vật trên đáp ứng các yêu cầu sau:

4/ Sản phẩm động vật đã được khử trùng tiêu độc bằng nồng độ (nếu có).

5/ Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng nồng độ

Giấy có giá trị đến ngày/...../..... Cấp tại, ngày/...../.....

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT

(Ký, ghi rõ họ tên)

- (1): Số lượng kiện, thùng, hộp, ...

- (2): Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

CHI CỤC THÚ Y

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu: 14 a

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN RA NGOÀI TỈNH**

Số:/CN-KDDVN

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Chứng minh nhân dân số: Cấp ngày:/...../..... tại:

Điện thoại: Fax: Email:

Có vận chuyển số động vật sau:

| Loại động vật | Tuổi (1) | Tính biệt | | Số lượng (con) | Mục đích sử dụng |
|----------------|-------------|-----------|-----|-------------------|------------------|
| | | Đực | Cái | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| Tổng số | | | | | |

Tổng số (viết bằng chữ):

Nơi xuất phát:

Nơi đến cuối cùng:

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):

1/ Số lượng:

2/ Số lượng:

3/ Số lượng:

Phương tiện vận chuyển: Biên kiểm soát:

Các vật dụng khác có liên quan:

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

1/ Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với các bệnh:

2/ Số động vật trên không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm khi xuất phát;

3/ Động vật đã được xét nghiệm và có kết quả âm tính với các bệnh:

..... tại kết quả xét nghiệm số: /

ngày...../...../..... của(2)..... (gửi kèm bản sao, nếu có).

4/ Động vật đã được tiêm phòng vắc xin với các bệnh:

- tiêm phòng ngày/...../.....

- tiêm phòng ngày/...../.....

- tiêm phòng ngày/...../.....

5/ Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng..... nồng độ

Giấy có giá trị đến ngày/...../..... Cấp tại, ngày/...../.....

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT

(Ký, ghi rõ họ tên)

- (1): Đối với động vật làm giống.

- (2): Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

CHI CỤC THÚ Y

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu: 15 a

Dấu của
cơ quan
Kiểm dịch
động vật**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN RA NGOÀI TỈNH**

Số:/CN-KDSPĐVNT

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Chứng minh nhân dân số: Cấp ngày:/...../..... tại:

Điện thoại: Fax: Email:

Có vận chuyển số sản phẩm động vật sau:

| Loại hàng | Quy cách đóng gói | Số lượng (1) | Khối lượng (kg) | Mục đích sử dụng |
|----------------|-------------------|--------------|-----------------|------------------|
| | | | | |
| | | | | |
| Tổng số | | | | |

Tổng số: (viết bằng chữ)

Tên cơ sở sản xuất, sơ chế, bảo quản:

Địa chỉ:

Tên tổ chức, cá nhân nhận hàng:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

Nơi đến cuối cùng:

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):

1/ Số lượng: Khối lượng:

2/ Số lượng: Khối lượng:

Phương tiện vận chuyển: Biển kiểm soát:

Điều kiện bảo quản hàng khi vận chuyển:

Các vật dụng khác có liên quan:

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

1/ Sản phẩm động vật trên được lấy từ động vật khỏe mạnh/xuất phát từ vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh và được giết mổ, sơ chế, bảo quản đảm bảo các yêu cầu vệ sinh thú y theo quy định;

2/ Sản phẩm động vật trên đã được kiểm tra các chỉ tiêu vệ sinh thú y tại kết quả xét nghiệm số:/..... ngày...../...../..... của(2)..... (gửi kèm bản sao, nếu có).

3/ Sản phẩm động vật trên đáp ứng các yêu cầu sau:

4/ Sản phẩm động vật đã được khử trùng tiêu độc bằng nồng độ (nếu có).

5/ Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng nồng độ

Giấy có giá trị đến ngày/...../..... Cấp tại ngày...../...../.....

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT

(Ký, ghi rõ họ tên)

- (1): Số lượng kiện, thùng, hộp,....

- (2): Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

12. Thẩm định điều kiện vệ sinh thú y đối với các cơ sở do địa phương quản lý**– Trình tự thực hiện:**

❖ **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu chuẩn bị hồ sơ đầy đủ thủ tục theo quy định. Đối tượng thẩm định điều kiện vệ sinh thú y gồm:

- + Cơ sở chăn nuôi tập trung, cơ sở sản xuất con giống;
- + Cơ sở giết mổ động vật, cơ sở sơ chế, bảo quản sản phẩm động vật;
- + Khu cách ly kiểm dịch, nơi tập trung động vật, sản phẩm động vật;
- + Cửa hàng kinh doanh động vật, sản phẩm động vật.

❖ **Bước 2:** Liên hệ nộp hồ sơ tại Chi cục Thú y thành phố, số 151 Lý Thường Kiệt, phường 7, quận 11:

+ Thời gian nhận hồ sơ: Từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30 sáng và từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00 chiều, thứ hai đến thứ sáu hàng tuần.

+ Khi nhận hồ sơ, Bộ phận tiếp nhận kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì ra biên nhận hồ sơ và hẹn ngày thẩm định điều kiện địa điểm dự kiến thành lập cơ sở.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì chuyên viên nhận hồ sơ sẽ hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ.

❖ **Bước 3:** Trong phạm vi 07 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Chi cục Thú y tiến hành thẩm định điều kiện vệ sinh thú y đối với địa điểm lập cơ sở, đánh giá các chỉ tiêu kỹ thuật liên quan và trả lời bằng văn bản, cụ thể:

+ Trường hợp cơ sở đạt yêu cầu về vệ sinh thú y, Chi cục Thú y có văn bản chấp thuận địa điểm dự kiến thành lập cơ sở.

+ Trường hợp cơ sở không đạt yêu cầu, Chi cục thú y có văn bản đề nghị chủ cơ sở thực hiện sửa chữa, khắc phục những nội dung chưa đạt yêu cầu. Sau khi cơ sở đã thực hiện khắc phục xong phải có văn bản đề nghị tái kiểm tra.

– **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp nộp hồ sơ tại trụ sở cơ quan hành chính Nhà nước.

– Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

- + Công văn đề nghị khảo sát địa điểm lập cơ sở;
- + Dự án hoặc kế hoạch đầu tư xây dựng cơ sở, thiết kế kỹ thuật;
- + Các giấy tờ liên quan đến thành lập cơ sở.

a) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

– **Thời hạn giải quyết:** 07 ngày, kể từ ngày Chi cục Thú y nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

– **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức và cá nhân.

– **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

○ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thú y thành phố Hồ Chí Minh.

○ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không có.

○ Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Thú y thành phố Hồ Chí Minh.

○ Cơ quan phối hợp (nếu có): nếu xét thấy cần thiết.

– **Kết quả thủ tục hành chính:** văn bản chấp thuận.

– **Lệ phí (nếu có):** không.

– **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** không.

– **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Địa điểm dự kiến thành lập cơ sở tại địa chỉ không thuộc quyền sở hữu của tổ chức, cá nhân: bổ sung Hợp đồng thuê nhà.

+ Cơ sở giết mổ, sơ chế động vật, sản phẩm động vật; bảo quản, vận chuyển sản phẩm động vật sau giết mổ, sơ chế: Không cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

– **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Pháp lệnh số 18/2004/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 4 năm 2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thú y. Có hiệu lực ngày 01 tháng 10 năm 2004

+ Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y. Có hiệu lực ngày 05 tháng 4 năm 2005.

+ Nghị định số 90/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở. Có hiệu lực ngày 26 tháng 9 năm 2006.

+ Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn. Có hiệu lực ngày 15 tháng 6 năm 2007.

+ Quyết định số 08/2005/QĐ-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2005 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y. Có hiệu lực ngày 24 tháng 02 năm 2005.

+ Quyết định số 15/2006/QĐ-BNN ngày 08 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về quy trình, thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y. Có hiệu lực ngày 09 tháng 4 năm 2006.

13. Cấp giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở chăn nuôi tập trung, cơ sở sản xuất con giống; cơ sở giết mổ động vật, cơ sở sơ chế, bảo quản sản phẩm động vật; khu cách ly kiểm dịch, nơi tập trung động vật, sản phẩm động vật; cửa hàng kinh doanh động vật, sản phẩm động vật do địa phương quản lý

– Trình tự thực hiện:

❖ **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu chuẩn bị hồ sơ đầy đủ thủ tục theo quy định. Đối tượng kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y gồm:

- + Cơ sở chăn nuôi tập trung, cơ sở sản xuất con giống;
- + Cơ sở giết mổ động vật, cơ sở sơ chế, bảo quản sản phẩm động vật;
- + Khu cách ly kiểm dịch, nơi tập trung động vật, sản phẩm động vật;
- + Cửa hàng kinh doanh động vật, sản phẩm động vật.

❖ **Bước 2:** Liên hệ nộp hồ sơ tại Chi cục Thú y thành phố, số 151 Lý Thường Kiệt, phường 7, quận 11:

+ Thời gian nhận hồ sơ: Từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30 sáng và từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00 chiều, thứ hai đến thứ sáu hàng tuần.

+ Khi nhận hồ sơ, Bộ phận tiếp nhận kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì ra biên nhận hồ sơ và hẹn ngày nhận kết quả.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì chuyên viên nhận hồ sơ sẽ hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ.

❖ **Bước 3:** Chi cục Thú y kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn vệ sinh thú y đối với cơ sở (thời gian 5 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ):

- + Trường hợp cơ sở đạt yêu cầu thì lập biên bản kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y.
- + Trường hợp cơ sở không đạt yêu cầu thì lập biên bản làm việc ghi nhận các trường hợp không đạt.

❖ **Bước 4:** Căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận hồ sơ, người đại diện theo pháp luật của tổ chức đến Chi cục Thú y thành phố để nhận kết quả, thời gian từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30 sáng và từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00 chiều, thứ hai đến thứ sáu hàng tuần:

+ Trường hợp cơ sở đạt yêu cầu thì nhận giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y.

+ Trường hợp cơ sở không đạt yêu cầu thì nhận công văn trả lời của Chi cục và toàn bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y.

– **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp nộp hồ sơ tại trụ sở cơ quan hành chính Nhà nước.

– **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Giấy đăng ký kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y;

+ Bản sao giấy đăng ký kinh doanh của cơ sở;

+ Các giấy tờ liên quan đến thành lập cơ sở.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

– **Thời hạn giải quyết:** 15 ngày, kể từ ngày Chi cục Thú y nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

– **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức và cá nhân.

– **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thú y thành phố Hồ Chí Minh

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Thú y thành phố Hồ Chí Minh

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): không .

– **Kết quả thủ tục hành chính:** giấy chứng nhận

– **Lệ phí (nếu có):** có

a) Lệ phí cấp giấy chứng nhận vệ sinh thú y đối với nơi tập trung động vật, sản phẩm động vật để bốc xếp: 20.000 đồng/lần.

b) Phí kiểm tra vệ sinh thú y đối với cơ sở chăn nuôi, cơ sở kinh doanh thuốc thú y, cơ sở giết mổ động vật, sơ chế, bảo quản sản phẩm động vật, bãi chăn, thả động vật; cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi:

+ Môi trường không khí:

- Độ bụi không khí: 20.000 đ/chỉ tiêu;
- Ánh sáng: 10.000 đ/chỉ tiêu;
- Tiếng ồn: 20.000 đ/chỉ tiêu;
- Độ ẩm không khí: 10.000 đ/chỉ tiêu;
- Nhiệt độ không khí: 10.000 đ/chỉ tiêu;
- Độ chuyển động không khí: 10.000 đ/chỉ;
- Độ nhiễm khuẩn không khí: 10.000 đ/chỉ tiêu;
- Nồng độ CO₂: 50.000 đ/chỉ tiêu.
- Nồng độ H₂S: 50.000 đ/chỉ tiêu;
- Nồng độ NH₃: 50.000 đ/chỉ tiêu;
- + Xét nghiệm nước:
 - Độ PH: 15.000 đ/chỉ tiêu;
 - Nhiệt độ: 3.000 đ/chỉ tiêu;
 - Độ dẫn điện: 15.000 đ/chỉ tiêu
 - Độ cứng tổng số (tính theo CaCO₃): 20.000 đ/chỉ tiêu;
 - Clorua: 20.000 đ/chỉ tiêu;
 - Clo dư: 20.000 đ/chỉ tiêu;
 - Sunfat: 20.000 đ/chỉ tiêu;
 - Đồng: 30.000 đ/chỉ tiêu;
 - Sắt tổng số: 30.000 đ/chỉ tiêu;
 - Natri: 40.000 đ/chỉ tiêu;
 - Mangan: 40.000 đ/chỉ tiêu;
 - Nitrat (tính theo N): 30.000 đ/chỉ tiêu;
 - Nitrit (tính hteo N): 20.000 đ/chỉ tiêu;
 - Hóa chất bảo vệ thực vật trong nước (sắc ký khí): 250.000 đ/chỉ tiêu;
 - Tổng số vi khuẩn hiếu khí: 20.000 đ/chỉ tiêu;
 - Coliform: 20.000 đ/chỉ tiêu;

- Faecal coliform: 20.000 đ/chỉ tiêu;
- E.coli: 20.000 đ/chỉ tiêu;
- Cl.Perfringeps: 20.000 đ/chỉ tiêu;
- Các vi khuẩn gây bệnh khác: 40.000 đ/chỉ tiêu;
- Xét nghiệm vi sinh vật nước theo phương pháp màng lọc: 100.000 đ/chỉ tiêu;
- BOD520C (Biochemical Oxygen Demand): 50.000 đ/chỉ tiêu;
- COD (Chemical Oxygen Demand): 50.000 đ/chỉ tiêu;
- Sunphua (H₂S): 30.000 đ/chỉ tiêu;
- Amoniac (NH₃): 20.000 đ/chỉ tiêu;

– **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** có

+ Giấy đăng ký kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y (mẫu 5)

– **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Địa điểm hành nghề tại địa chỉ không thuộc quyền sở hữu của tổ chức, cá nhân: bổ sung Hợp đồng thuê nhà.

+ Cơ sở giết mổ, sơ chế động vật, sản phẩm động vật; bảo quản, vận chuyển sản phẩm động vật sau giết mổ, sơ chế: Không cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh. Cơ quan thú y có thẩm quyền tiến hành lấy mẫu để kiểm tra tiêu chuẩn vệ sinh thú y đối với sản phẩm của cơ sở.

+ Cơ sở giết mổ, sơ chế, bảo quản sản phẩm động vật trong quá trình kiểm tra định kỳ, cơ quan thú y có thẩm quyền tiến hành lấy mẫu để kiểm tra tiêu chuẩn vệ sinh thú y đối với sản phẩm của cơ sở

– **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Pháp lệnh số 18/2004/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 4 năm 2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thú y. Có hiệu lực ngày 01 tháng 10 năm 2004.

+ Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y. Có hiệu lực ngày 05 tháng 4 năm 2005.

+ Nghị định số 119/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y. Có hiệu lực ngày 23 tháng 12 năm 2008.

+ Nghị định số 90/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở. Có hiệu lực ngày 26 tháng 9 năm 2006.

+ Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 của chính phủ về quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện. Có hiệu lực ngày 09 tháng 7 năm 2006.

+ Quyết định số 15/2006/QĐ-BNN ngày 08 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về quy trình, thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y. Có hiệu lực ngày 09 tháng 4 năm 2006.

+ Thông tư số 11/2009/TT-BNN ngày 04 tháng 3 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều về quy trình thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BNN ngày 08 tháng 3 năm 2006 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về quy trình, thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y. Có hiệu lực ngày 19 tháng 4 năm 2009.

+ Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành quy định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y. Có hiệu lực ngày 25 tháng 01 năm 2006.

+ Quyết định số 126/2008/QĐ-BNN ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc sửa đổi, bổ sung Quy định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y ban hành kèm theo Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT, có hiệu lực ngày 29 tháng 01 năm 2009.

+ Quyết định số 08/2005/QĐ-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2005 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y. Có hiệu lực ngày 24 tháng 02 năm 2005.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Dấu của
cơ quan
Thú y

Mẫu 5

GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM TRA ĐIỀU KIỆN VỆ SINH THÚ Y

Số:...../ĐK-KTVSTY

Kính gửi:

Họ tên chủ cơ sở (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Chứng minh nhân dân số: Cấp ngày:...../...../..... tại.....

Điện thoại: Fax: Email:

Đề nghị quý cơ quan kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở (1):

1. Cơ sở chăn nuôi động vật.

Loại động vật: Số lượng:

2. Cơ sở sản xuất, kinh doanh con giống.

Loại động vật: Số lượng:

3. Cơ sở cách ly kiểm dịch động vật.

Loại động vật: Số lượng:

4. Cơ sở cách ly kiểm dịch sản phẩm động vật.

Loại sản phẩm động vật: Khối lượng:

5. Nơi tập trung, bóc xếp động vật/sản phẩm động vật.

6. Cơ sở giết mổ động vật.

Loại động vật: Công suất giết mổ: con/ngày

7. Cơ sở sơ chế sản phẩm động vật.

Loại sản phẩm động vật: Công suất: tấn/ngày

8. Cơ sở bảo quản sản phẩm động vật.

Loại sản phẩm động vật: Công suất: tấn

9. Cơ sở kinh doanh động vật/ sản phẩm động vật.

Loại động vật/sản phẩm động vật:

10. Cơ sở sản xuất thuốc thú y/chế phẩm sinh học/hóa chất dùng trong thú y:

11. Cơ sở kinh doanh thuốc thú y/chế phẩm sinh học/hóa chất dùng trong thú y:

12. Vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật:

Loại động vật:

An toàn với bệnh:

13. Cơ sở xét nghiệm, cơ sở xét nghiệm chẩn đoán bệnh động vật:

Địa điểm cơ sở:

Địa điểm và thiết kế xây dựng đã được cơ quan thú y có thẩm quyền thẩm định vào ngày
...../...../.....

Đăng ký kinh doanh /Giấy phép đầu tư số: Cấp tại

Mục đích sử dụng:

Tiêu thụ nội địa

Phục vụ xuất khẩu

Các giấy tờ liên quan:

.....

Dự kiến thời gian cơ sở bắt đầu hoạt động: ngày...../...../.....

Tôi xin cam đoan việc khai báo trên hoàn toàn đúng sự thật.

Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH

Đăng ký tại

Đồng ý kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y cơ sở
.....(2)

Ngày tháng năm

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Thời gian kiểm tra: giờ, ngày...../...../.....

Vào sổ đăng ký số ngày...../...../.....

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT

(Ký, ghi rõ họ tên)

- Tờ khai được làm thành 02 bản: 01 bản do cơ quan tiếp nhận tờ khai giữ, 01 bản do chủ cơ sở hoặc người đại diện giữ;
- Cá nhân đăng ký không có con dấu, chỉ ký và ghi rõ họ tên;
- (1) Chỉ ghi hoặc đánh dấu x vào ô vuông đối với loại hình cơ sở đề nghị được kiểm tra;
- (2) Tên cơ sở đề nghị được kiểm tra vệ sinh thú y.

14. Thủ tục Kiểm dịch động vật vận chuyển trong tỉnh

– Trình tự thực hiện:

❖ Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu vận chuyển động vật trong tỉnh chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.

❖ Bước 2: Liên hệ nộp hồ sơ tại Trạm Thú y quận, huyện nơi cơ sở có chăn nuôi.

+ Thời gian nhận hồ sơ: Từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30 sáng và từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00 chiều, thứ hai đến thứ sáu hàng tuần.

+ Khi tiếp nhận hồ sơ, Kiểm dịch viên động vật kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định thì Kiểm dịch viên động vật ra biên nhận và thông báo thời gian, địa điểm, nội dung thực hiện kiểm dịch. Thời gian thực hiện trong phạm vi 01 ngày.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì Kiểm dịch viên động vật hướng dẫn chủ cơ sở hoàn thiện đầy đủ hồ sơ.

❖ Bước 3: Kiểm dịch viên động vật có thẩm quyền tiến hành kiểm tra, kiểm dịch động vật tại cơ sở chăn nuôi theo quy trình sau:

+ Kiểm tra trước khi đưa động vật đến khu cách ly kiểm dịch:

○ Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với khu cách ly kiểm dịch;

○ Hướng dẫn cơ sở đưa động vật đến khu cách ly.

○ Kiểm dịch viên động vật phải tiến hành kiểm dịch ngay trong ngày kể từ khi động vật được tập trung tại khu cách ly.

+ Kiểm tra sau khi đưa động vật đến khu cách ly:

○ Kiểm tra số lượng, chủng loại động vật theo hồ sơ đăng ký kiểm dịch;

○ Kiểm tra lâm sàng động vật;

○ Lấy mẫu xét nghiệm (nếu có)

○ Tiêm phòng hoặc áp dụng các biện pháp phòng bệnh khác đối với các bệnh phải tiêm phòng khi vận chuyển động vật nếu động vật chưa tiêm phòng hoặc giấy chứng nhận tiêm phòng không hợp lệ, các bệnh theo yêu cầu của chủ hàng (nếu có);

❖ Bước 4: Sau khi thực hiện kiểm tra:

+ Trường hợp động vật đủ tiêu chuẩn vệ sinh thú y: Kiểm dịch viên động vật thực hiện:

○ Diệt ký sinh trùng và đánh dấu động vật đủ tiêu chuẩn vệ sinh thú y theo quy định

○ Trong vòng 24 giờ trước khi vận chuyển, cấp giấy chứng nhận kiểm dịch. Hồ sơ kiểm dịch cấp cho chủ hàng gồm:

▪ Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật vận chuyển trong tỉnh;

▪ Bảng kê mã số đánh dấu động vật theo quy định.

○ Thực hiện hoặc giám sát kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với phương tiện vận chuyển và các vật dụng kèm theo ít nhất 06 giờ trước khi đưa động vật để vận chuyển, niêm phong phương tiện vận chuyển.

+ Trong trường hợp động vật không đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y, Kiểm dịch viên động vật không cấp giấy chứng nhận kiểm dịch và tiến hành xử lý theo quy định.

– **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp nộp hồ sơ tại trụ sở cơ quan hành chính Nhà nước.

– **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Giấy đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi huyện (mẫu 1);

+ Bản sao giấy chứng nhận vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh nơi xuất phát của động vật (nếu có);

+ Bản sao sổ quản lý dịch tễ, phiếu kết quả xét nghiệm bệnh động vật (nếu có);

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

– **Thời hạn giải quyết:**

+ Trường hợp động vật đủ tiêu chuẩn vệ sinh thú y: Thời gian thực hiện kiểm dịch là 02 ngày.

+ Nếu động vật chưa được áp dụng các biện pháp phòng bệnh bắt buộc theo quy định hoặc không có miễn dịch. Ít nhất từ 15 đến 30 ngày.

– **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

– **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Trạm Thú y quận (huyện) - Chi cục Thú y thành phố Hồ Chí Minh.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Trạm Thú y quận, huyện - Chi cục Thú y thành phố Hồ Chí Minh.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): không có.

– **Kết quả thủ tục hành chính:** giấy chứng nhận.

– **Phí, lệ phí (nếu có):**

+ Lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật từ quận (huyện) này sang quận (huyện) khác: 3.000 đồng/lần.

+ Phí Kiểm dịch động vật:

○ Trâu, bò, ngựa, lừa: 4.000 đồng/con

○ Dê: 2.000 đồng/con

○ Lợn: 1.000 đồng/con (trên 15 kg/con); Lợn sữa 500 đồng/con (bằng hoặc dưới 15 kg/con)

○ Chó, mèo: 2.000 đồng/con

○ Chim cảnh các loại: 5.000 đồng/con

○ Chim làm thực phẩm: 30 đồng/con

○ Gia cầm các loại: 50 đồng/con

○ Thỏ : 500 đồng/con

○ Đà điểu: một ngày tuổi: 1000 đồng/con, trưởng thành: 5.000 đồng/con

+ Phí tiêu độc trong công tác kiểm dịch:

○ Xe ô tô: 30.000 đồng/lần/cái

○ Các loại xe khác (đo theo diện tích bề mặt): 10.000 đồng/m²

– **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Giấy đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi huyện (mẫu 1)

– **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** không có

– **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Pháp lệnh số 18/2004/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 4 năm 2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thú y. Có hiệu lực ngày 01 tháng 10 năm 2004

+ Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y. Có hiệu lực ngày 05 tháng 4 năm 2005.

+ Nghị định số 119/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y. Có hiệu lực ngày 23 tháng 12 năm 2008.

+ Quyết định số 15/2006/QĐ-BNN ngày 08 tháng 3 năm 2006 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về quy trình, thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y. Có hiệu lực ngày 09 tháng 4 năm 2006.

+ Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành quy định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y. Có hiệu lực ngày 25 tháng 01 năm 2006.

+ Quyết định số 126/2008/QĐ-BNN ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc sửa đổi, bổ sung Quy định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y ban hành kèm theo Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT. Có hiệu lực ngày 29 tháng 01 năm 2009.

+ Quyết định số 08/2005/QĐ-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2005 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y. Có hiệu lực ngày 24 tháng 02 năm 2005.

+ Thông tư số 11/2009/TT-BNN ngày 04 tháng 3 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều về quy trình thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BNN ngày 08 tháng 3 năm 2006 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về quy trình, thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y. có hiệu lực ngày 19 tháng 4 năm 2009.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu: 1

Dấu
của cơ quan
Kiểm dịch
động vật

**GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT,
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN RA KHỎI HUYỆN**

Số:...../ĐK-KDND

Kính gửi:

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Chứng minh nhân dân số: Cấp ngày...../...../..... tại.....

Điện thoại: Fax: Email:

Đề nghị được làm thủ tục kiểm dịch số hàng sau:

I/ ĐỘNG VẬT:

| Loại động vật | Giống | Tuổi | Tính biệt | | Mục đích sử dụng |
|----------------|-------|------|-----------|-----|------------------|
| | | | Đực | Cái | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| Tổng số | | | | | |

Tổng số (viết bằng chữ):

Nơi xuất phát:

Tình trạng sức khỏe động vật:

Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với bệnh:

..... theo Quyết định số .../..... ngày...../...../.....
của(1).....(nếu có).

Số động vật trên đã được xét nghiệm các bệnh sau (nếu có):

1/ Kết quả xét nghiệm số/..... ngày...../...../.....

2/ Kết quả xét nghiệm số/..... ngày...../...../.....

3/ Kết quả xét nghiệm số/..... ngày...../...../.....

4/ Kết quả xét nghiệm số/..... ngày...../...../.....

5/ Kết quả xét nghiệm số/..... ngày...../...../.....

Số động vật trên đã được tiêm phòng vắc xin với các bệnh sau (loại vắc xin, nơi sản xuất):

1/ tiêm phòng ngày...../...../.....

2/ tiêm phòng ngày...../...../.....

3/ tiêm phòng ngày...../...../.....

4/ tiêm phòng ngày...../...../.....

5/ tiêm phòng ngày...../...../.....

II/ SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT:

| Tên hàng | Quy cách đóng gói | Số lượng (2) | Khối lượng (kg) | Mục đích sử dụng |
|----------------|-------------------|--------------|-----------------|------------------|
| | | | | |
| | | | | |
| Tổng số | | | | |

Tổng số (viết bằng chữ):

Số sản phẩm động vật trên đã được xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y theo kết quả xét nghiệm số/..... ngày...../...../..... của(3) (nếu có).

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:

Điện thoại: Fax:

III/ CÁC THÔNG TIN KHÁC:

Tên tổ chức, cá nhân nhập hàng:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Nơi đến (cuối cùng):

Phương tiện vận chuyển:

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):

1/ Số lượng: Khối lượng:

2/ Số lượng: Khối lượng:

3/ Số lượng: Khối lượng:

Điều kiện bảo quản hàng trong quá trình vận chuyển:

Các vật dụng khác liên quan kèm theo:

Các giấy tờ liên quan kèm theo:

Địa điểm kiểm dịch:

Thời gian kiểm dịch:

Tôi xin cam đoan việc đăng ký trên hoàn toàn đúng sự thật và cam kết chấp hành đúng pháp luật thú y.

Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT

Đồng ý kiểm dịch tại địa điểm.....

..... vào hồi giờ..... ngày/...../.....

Vào sổ đăng ký số ngày...../...../.....

Đăng ký tại

Ngày thángnăm

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT

(Ký, ghi rõ họ tên)

- Tờ khai được làm thành 02 bản: 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ, 01 bản do chủ hàng hoặc người đại diện giữ;
- Cá nhân đăng ký không có con dấu, chỉ ký và ghi rõ họ tên;
- (1) Tên cơ quan cấp giấy chứng nhận.
- (2) Số lượng kiện, thùng, hộp,
- (3) Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

15. Thủ tục Kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển trong tỉnh

– Trình tự thực hiện:

❖ Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu vận chuyển sản phẩm động vật trong tỉnh chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.

❖ Bước 2: Khai báo trước ít nhất 02 ngày nếu sản phẩm động vật đã được xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y; 07 ngày nếu sản phẩm động vật chưa được xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ các Trạm Thú y quận, huyện hoặc gửi qua đường bưu điện.

+ Thời gian nhận hồ sơ: Từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30 sáng và từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00 chiều, thứ hai đến thứ sáu hàng tuần.

+ Khi tiếp nhận hồ sơ, Kiểm dịch viên động vật kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định thì Kiểm dịch viên động vật ra biên nhận và thông báo thời gian, địa điểm, nội dung thực hiện kiểm dịch. Thời gian thực hiện trong phạm vi 01 ngày.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì Kiểm dịch viên động vật hướng dẫn chủ cơ sở hoàn thiện đầy đủ hồ sơ.

❖ Bước 3: Kiểm dịch viên động vật có thẩm quyền tiến hành kiểm tra, điều kiện vệ sinh thú y đối với khu cách ly kiểm dịch; Hướng dẫn cơ sở đưa sản phẩm động vật đến khu cách ly kiểm dịch và thực hiện kiểm dịch ngay trong ngày.

❖ Bước 4: Sau khi thực hiện kiểm tra:

+ Trường hợp sản phẩm động vật đủ tiêu chuẩn vệ sinh thú y: Kiểm dịch viên động vật thực hiện:

○ Đánh dấu, niêm phong bao bì chứa đựng đối với sản phẩm động vật đủ tiêu chuẩn vệ sinh thú y.

○ Trong vòng 24 giờ trước khi vận chuyển, cấp giấy chứng nhận kiểm dịch. Hồ sơ kiểm dịch cấp cho chủ hàng gồm:

- Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển trong tỉnh.
- Bảng kê mã số đánh dấu sản phẩm động vật theo quy định.

○ Thực hiện hoặc giám sát kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với phương tiện vận chuyển và các vật dụng kèm theo ít nhất 06 giờ trước khi bốc xếp hàng để vận chuyển, niêm phong phương tiện vận chuyển.

+ Trong trường hợp sản phẩm động vật không đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y, Kiểm dịch viên động vật không cấp giấy chứng nhận kiểm dịch và tiến hành xử lý theo quy định.

– **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp nộp hồ sơ tại trụ sở cơ quan hành chính Nhà nước hoặc gửi qua đường bưu điện.

– **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Giấy đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi huyện (mẫu 1);

+ Bản sao phiếu kết quả xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y sản phẩm động vật (nếu có);

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

– **Thời hạn giải quyết:**

+ Trường hợp sản phẩm động vật đủ tiêu chuẩn vệ sinh thú y, đã được xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y: Thời gian thực hiện kiểm dịch là 03 ngày.

+ Trường hợp sản phẩm động vật chưa được xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y: Thời gian thực hiện kiểm dịch là 10 ngày.

– **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức và cá nhân.

– **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Trạm Thú y quận (huyện) - Chi cục Thú y thành phố Hồ Chí Minh.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Trạm Thú y quận, huyện - Chi cục Thú y thành phố Hồ Chí Minh.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): không có.

– **Kết quả thủ tục hành chính:** giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật trong tỉnh.

– **Phí, lệ phí (nếu có):**

+ Lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật từ tỉnh này sang tỉnh khác: 3.000 đồng/lần.

- + Phí tiêu độc trong công tác kiểm dịch:
 - o Xe ô tô: 30.000 đồng/lần/cái
 - o Các loại xe khác (đo theo diện tích bề mặt): 10.000 đồng/m²
- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Giấy đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi huyện (mẫu 1)
- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** không có
- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**
 - + Pháp lệnh số 18/2004/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 4 năm 2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thú y. Có hiệu lực ngày 01 tháng 10 năm 2004.
 - + Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y. Có hiệu lực ngày 05 tháng 4 năm 2005.
 - + Nghị định số 119/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y. Có hiệu lực ngày 23 tháng 12 năm 2008.
 - + Quyết định số 15/2006/QĐ-BNN ngày 08 tháng 3 năm 2006 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về quy trình, thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y. Có hiệu lực ngày 09 tháng 4 năm 2006.
 - + Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành quy định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y. Có hiệu lực ngày 25 tháng 01 năm 2006.
 - + Quyết định số 08/2005/QĐ-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2005 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y. Có hiệu lực ngày 24 tháng 02 năm 2005.
 - + Thông tư số 11/2009/TT-BNN ngày 04 tháng 3 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều về quy trình thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BNN ngày 08 tháng 3 năm 2006 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về quy trình, thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y. Có hiệu lực ngày 19 tháng 4 năm 2009.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu: 1



GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT,
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN RA KHỎI HUYỆN

Số:...../ĐK-KDND

Kính gửi:

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Chứng minh nhân dân số: Cấp ngày...../...../..... tại.....

Điện thoại: Fax: Email:

Đề nghị được làm thủ tục kiểm dịch số hàng sau:

I/ ĐỘNG VẬT:

| Loại động vật | Giống | Tuổi | Tính biệt | | Mục đích sử dụng |
|----------------|-------|------|-----------|-----|------------------|
| | | | Đực | Cái | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| Tổng số | | | | | |

Tổng số (viết bằng chữ):

Nơi xuất phát:

Tình trạng sức khỏe động vật:

Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với bệnh:

..... theo Quyết định số .../..... ngày...../...../.....
của(1).....(nếu có).

Số động vật trên đã được xét nghiệm các bệnh sau (nếu có):

1/ Kết quả xét nghiệm số/..... ngày...../...../.....

2/ Kết quả xét nghiệm số/..... ngày...../...../.....

3/ Kết quả xét nghiệm số/..... ngày...../...../.....

4/ Kết quả xét nghiệm số/..... ngày...../...../.....

5/ Kết quả xét nghiệm số/..... ngày...../...../.....

Số động vật trên đã được tiêm phòng vắc xin với các bệnh sau (loại vắc xin, nơi sản xuất):

1/ tiêm phòng ngày...../...../.....

2/ tiêm phòng ngày...../...../.....

3/ tiêm phòng ngày...../...../.....

4/ tiêm phòng ngày...../...../.....

5/ tiêm phòng ngày...../...../.....

II/ SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT:

| Tên hàng | Quy cách đóng gói | Số lượng (2) | Khối lượng (kg) | Mục đích sử dụng |
|----------------|-------------------|--------------|-----------------|------------------|
| | | | | |
| | | | | |
| Tổng số | | | | |

Tổng số (viết bằng chữ):

Số sản phẩm động vật trên đã được xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y theo kết quả xét nghiệm số/..... ngày...../...../..... của(3) (nếu có).

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:

Điện thoại: Fax:

III/ CÁC THÔNG TIN KHÁC:

Tên tổ chức, cá nhân nhập hàng:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Nơi đến (cuối cùng):

Phương tiện vận chuyển:

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):

1/ Số lượng: Khối lượng:

2/ Số lượng: Khối lượng:

3/ Số lượng: Khối lượng:

Điều kiện bảo quản hàng trong quá trình vận chuyển:

Các vật dụng khác liên quan kèm theo:

Các giấy tờ liên quan kèm theo:

Địa điểm kiểm dịch:

Thời gian kiểm dịch:

Tôi xin cam đoan việc đăng ký trên hoàn toàn đúng sự thật và cam kết chấp hành đúng pháp luật thú y.

Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT

Đồng ý kiểm dịch tại địa điểm.....

.....

..... vào hồi giờ..... ngày/...../.....

Vào sổ đăng ký số ngày...../...../.....

Đăng ký tại

Ngày thángnăm

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT

(Ký, ghi rõ họ tên)

- Tờ khai được làm thành 02 bản: 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ, 01 bản do chủ hàng hoặc người đại diện giữ;
- Cá nhân đăng ký không có con dấu, chỉ ký và ghi rõ họ tên;
- (1) Tên cơ quan cấp giấy chứng nhận.
- (2) Số lượng kiện, thùng, hộp,
- (3) Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

16. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc thú y thủy sản

– Trình tự thực hiện:

❖ Bước 1: Cá nhân có nhu cầu chuẩn bị hồ sơ đầy đủ thủ tục theo quy định.

❖ Bước 2: Liên hệ nộp hồ sơ tại Chi cục Thú y thành phố, số 151 Lý Thường Kiệt, phường 7, quận 11:

+ Thời gian nhận hồ sơ: Từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30 sáng và từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00 chiều, thứ hai đến thứ sáu hàng tuần.

+ Khi nhận hồ sơ, Bộ phận tiếp nhận kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì ra biên nhận hồ sơ và hẹn ngày nhận kết quả.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì chuyên viên nhận hồ sơ sẽ hướng dẫn người có nhu cầu hoàn thiện hồ sơ.

❖ Bước 3: Chi cục Thú y kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn vệ sinh thú y đối với cơ sở (thời gian 5 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ):

+ Trường hợp cơ sở đạt yêu cầu thì lập biên bản kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y.

+ Trường hợp cơ sở không đạt yêu cầu thì lập biên bản làm việc ghi nhận các trường hợp không đạt.

❖ Bước 4: Căn cứ vào ngày hẹn trên biên nhận hồ sơ, người có nhu cầu hoặc người đại diện theo pháp luật của cơ sở đến Chi cục Thú y thành phố để nhận kết quả, thời gian từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30 sáng và từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00 chiều, thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trong phạm vi 10 ngày kể từ ngày được kiểm tra):

+ Trường hợp cơ sở đạt yêu cầu thì nhận giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y.

+ Trường hợp cơ sở không đạt yêu cầu thì nhận công văn trả lời của Chi cục và toàn bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y.

– **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp nộp hồ sơ tại trụ sở cơ quan hành chính Nhà nước.

– Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Giấy đăng ký kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y;

+ Bản sao giấy đăng ký kinh doanh của cơ sở;

+ Các giấy tờ liên quan đến thành lập cơ sở;

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

– **Thời hạn giải quyết:** 15 ngày, kể từ ngày Chi cục Thú y nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

– **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức và cá nhân.

– **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thú y thành phố Hồ Chí Minh.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Thú y thành phố Hồ Chí Minh.

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): không có.

– **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

– **Phí, lệ phí (nếu có):**

+ Phí kiểm tra vệ sinh thú y đối với cơ sở kinh doanh thuốc thú y:

▪ Môi trường không khí:

✓ Độ bụi không khí: 20.000 đ/chỉ tiêu;

✓ Ánh sáng: 10.000 đ/chỉ tiêu;

✓ Tiếng ồn: 20.000 đ/chỉ tiêu;

✓ Độ ẩm không khí: 10.000 đ/chỉ tiêu;

✓ Nhiệt độ không khí: 10.000 đ/chỉ tiêu;

✓ Độ chuyển động không khí: 10.000 đ/chỉ;

✓ Độ nhiễm khuẩn không khí: 10.000 đ/chỉ tiêu;

✓ Nồng độ CO₂: 50.000 đ/chỉ tiêu;

✓ Nồng độ H₂S: 50.000 đ/chỉ tiêu;

✓ Nồng độ NH₃: 50.000 đ/chỉ tiêu;

▪ Xét nghiệm nước:

- ✓ Độ PH: 15.000 đ/chỉ tiêu;
- ✓ Nhiệt độ: 3.000 đ/chỉ tiêu;
- ✓ Độ dẫn điện: 15.000 đ/chỉ tiêu;
- ✓ Độ cứng tổng số (tính theo CaCO₃): 20.000 đ/chỉ tiêu;
- ✓ Clorua: 20.000 đ/chỉ tiêu;
- ✓ Clo dư: 20.000 đ/chỉ tiêu;
- ✓ Sunfat: 20.000 đ/chỉ tiêu;
- ✓ Đồng: 30.000 đ/chỉ tiêu;
- ✓ Sắt tổng số: 30.000 đ/chỉ tiêu;
- ✓ Natri: 40.000 đ/chỉ tiêu;
- ✓ Mangan: 40.000 đ/chỉ tiêu;
- ✓ Nitrat (tính theo N): 30.000 đ/chỉ tiêu;
- ✓ Nitrit (tính hteo N): 20.000 đ/chỉ tiêu;
- ✓ Hóa chất bảo vệ thực vật trong nước (sắc ký khí): 250.000 đ/chỉ tiêu;
- ✓ Tổng số vi khuẩn hiếu khí: 20.000 đ/chỉ tiêu;
- ✓ Coliform: 20.000 đ/chỉ tiêu;
- ✓ Feacal coliform: 20.000 đ/chỉ tiêu;
- ✓ E.coli: 20.000 đ/chỉ tiêu;
- ✓ Cl.Perfringeips: 20.000 đ/chỉ tiêu;
- ✓ Các vi khuẩn gây bệnh khác: 40.000 đ/chỉ tiêu;
- ✓ Xét nghiệm vi sinh vật nước theo phương pháp màng lọc: 10.0000 đ/chỉ tiêu;
- ✓ BOD520C (Biochemical Oxygen Demand): 50.000 đ/chỉ tiêu;
- ✓ COD (Chemical Oxygen Demand): 50.000 đ/chỉ tiêu;
- ✓ Sunphua (H₂S): 30.000 đ/chỉ tiêu;
- ✓ Amoniac (NH₃): 20.000 đ/chỉ tiêu;
- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Giấy đăng ký kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y (mẫu 5).
- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Tổ chức, cá nhân kinh doanh thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y thủy sản phải có đủ các điều kiện sau đây:

✓ Có đăng ký kinh doanh thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y thủy sản;

✓ Có địa điểm kinh doanh cố định, cửa hàng, nơi bày bán, kho chứa có đủ diện tích cần thiết và có kết cấu phù hợp để không làm ảnh hưởng tới chất lượng của thuốc;

✓ Cửa hàng phải có khu vực riêng biệt bày bán các loại hàng khác nhau được phép kinh doanh, có đủ phương tiện để bày bán, bảo quản;

✓ Có đủ các thiết bị kỹ thuật để bảo quản hàng hóa như quạt thông gió, tủ lạnh hoặc kho lạnh để bảo quản vắc xin, chế phẩm sinh học; ẩm kế, nhiệt kế để kiểm tra điều kiện bảo quản;

✓ Hoạt động kinh doanh không làm ảnh hưởng xấu tới môi trường;

✓ Đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh vắc xin, vi sinh vật phải trang bị các thiết bị chuyên dùng phù hợp với công suất kho chứa và yêu cầu bảo quản;

✓ Người quản lý, người trực tiếp bán thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y thủy sản phải có chứng chỉ hành nghề thú y thủy sản.

+ Địa điểm cơ sở kinh doanh không thuộc quyền sở hữu của tổ chức, cá nhân: bổ sung Hợp đồng thuê nhà;

– Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Pháp lệnh số 18/2004/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 4 năm 2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thú y. Có hiệu lực ngày 01 tháng 10 năm 2004

+ Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y. Có hiệu lực ngày 05 tháng 4 năm 2005.

+ Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản. Có hiệu lực ngày 24 tháng 5 năm 2005.

+ Nghị định số 90/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở. Có hiệu lực ngày 26 tháng 9 năm 2006.

+ Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành quy định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y. Có hiệu lực ngày 25 tháng 01 năm 2006.

+ Quyết định số 08/2005/QĐ-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2005 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y. Có hiệu lực ngày 24 tháng 02 năm 2005.

+ Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản về hướng dẫn thực hiện Nghị định của Chính phủ số 59/2005/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2005 về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản. Ngày có hiệu lực 18 tháng 5 năm 2006.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Dấu của
cơ quan
Thú y

Mẫu 5

GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM TRA ĐIỀU KIỆN VỆ SINH THÚ Y

Số:...../ĐK-KTVSTY

Kính gửi:

Họ tên chủ cơ sở (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Chứng minh nhân dân số: Cấp ngày:...../...../..... tại.....

Điện thoại: Fax: Email:

Đề nghị quý cơ quan kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở (1):

1. Cơ sở chăn nuôi động vật.

Loại động vật: Số lượng:

2. Cơ sở sản xuất, kinh doanh con giống.

Loại động vật: Số lượng:

3. Cơ sở cách ly kiểm dịch động vật.

Loại động vật: Số lượng:

4. Cơ sở cách ly kiểm dịch sản phẩm động vật.

Loại sản phẩm động vật: Khối lượng:

5. Nơi tập trung, bóc xếp động vật/sản phẩm động vật.

6. Cơ sở giết mổ động vật.

Loại động vật: Công suất giết mổ:con/ngày

7. Cơ sở sơ chế sản phẩm động vật.

Loại sản phẩm động vật: Công suất:tấn/ngày

8. Cơ sở bảo quản sản phẩm động vật.

Loại sản phẩm động vật: Công suất:tấn

9. Cơ sở kinh doanh động vật/ sản phẩm động vật.

Loại động vật/sản phẩm động vật:

10. Cơ sở sản xuất thuốc thú y/chế phẩm sinh học/hóa chất dùng trong thú y:

11. Cơ sở kinh doanh thuốc thú y/chế phẩm sinh học/hóa chất dùng trong thú y:

12. Vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật:

Loại động vật:

An toàn với bệnh:

13. Cơ sở xét nghiệm, cơ sở xét nghiệm chẩn đoán bệnh động vật:

Địa điểm cơ sở:

Địa điểm và thiết kế xây dựng đã được cơ quan thú y có thẩm quyền thẩm định vào ngày
...../...../.....

Đăng ký kinh doanh /Giấy phép đầu tư số: Cấp tại

Mục đích sử dụng:

Tiêu thụ nội địa

Phục vụ xuất khẩu

Các giấy tờ liên quan:

.....

Dự kiến thời gian cơ sở bắt đầu hoạt động: ngày...../...../.....

Tôi xin cam đoan việc khai báo trên hoàn toàn đúng sự thật.

Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH

Đăng ký tại

Đồng ý kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y cơ sở
.....(2)

Ngày tháng năm

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Thời gian kiểm tra: giờ, ngày...../...../.....

Vào sổ đăng ký số ngày...../...../.....

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT

(Ký, ghi rõ họ tên)

- Tờ khai được làm thành 02 bản: 01 bản do cơ quan tiếp nhận tờ khai giữ, 01 bản do chủ cơ sở hoặc người đại diện giữ;
- Cá nhân đăng ký không có con dấu, chỉ ký và ghi rõ họ tên;
- (1) Chỉ ghi hoặc đánh dấu x vào ô vuông đối với loại hình cơ sở đề nghị được kiểm tra;
- (2) Tên cơ sở đề nghị được kiểm tra vệ sinh thú y.

17. Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn

- Trình tự thực hiện:

* Bước 1: Nhà sản xuất chuẩn bị đủ hồ sơ đăng ký theo quy định của pháp luật

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Phòng Kỹ thuật của Chi cục Bảo vệ thực vật thành phố Hồ Chí Minh (số 10, Nguyễn Huy Tưởng, phường 6, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh) sáng từ 7g30 - 11g30, chiều từ 13g - 17g, từ thứ hai đến thứ sáu.

* Bước 3: Hồ sơ đăng ký đầy đủ, hợp lệ thì Phòng Kỹ thuật viết biên bản nhận hồ sơ cho người nộp đơn và chuyển cho Đoàn Thẩm định kiểm tra hồ sơ và thực địa.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì Phòng Kỹ thuật hướng dẫn để người nộp đơn hoàn thiện hồ sơ.

* Bước 4: Đoàn Thẩm định tiến hành kiểm tra hồ sơ và thực địa, khi cần thiết sẽ lấy mẫu đất, nước để phân tích. Đồng thời lập biên bản thẩm định với sự xác nhận của đại diện Đoàn Thẩm định và nhà sản xuất.

* Bước 5: Chi cục Bảo vệ thực vật thành phố Hồ Chí Minh sẽ trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hồ Chí Minh để ra quyết định chứng nhận.

Quyết định chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn sẽ được gửi 01 bản về Chi cục Bảo vệ thực vật thành phố Hồ Chí Minh và 01 bản về địa chỉ người nộp đơn.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Mẫu đơn đề nghị chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và sơ chế rau

+ Bản kê khai điều kiện sản xuất và sơ chế rau an toàn

+ Quyết định công nhận vùng đủ điều kiện sản xuất rau an toàn hoặc phiếu kết quả phân tích đất (giá thể, dung dịch) và phiếu kết quả phân tích nguồn nước tưới, rửa rau

+ Giấy chứng nhận chuyên môn

+ Sơ đồ vị trí canh tác rau

+ Quy trình sản xuất rau an toàn

+ Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện hoặc tương đương trở lên cấp theo quy định của pháp luật (nếu chứng nhận là cơ sở có sơ chế rau)

b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ)

- Thời hạn giải quyết:

+ 15 ngày làm việc, nếu vùng sản xuất đã được kiểm tra và công nhận là vùng đủ điều kiện sản xuất rau an toàn.

+ Không quá 45 ngày làm việc, nếu vùng sản xuất chưa được kiểm tra hoặc công nhận là vùng đủ điều kiện sản xuất rau an toàn (cần thiết lấy mẫu đất, nước phân tích thêm).

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân và tổ chức

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hồ Chí Minh

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: không có

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Chi cục Bảo vệ thực vật thành phố Hồ Chí Minh

d) Cơ quan phối hợp: không có

- Kết quả thủ tục hành chính: Quyết định hành chính

- Lệ phí: Không có

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

* Đơn đăng ký chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn (Phụ lục 4 ban hành kèm theo Quyết định số 99/2008/QĐ-BNN ngày 15 tháng 10 năm 2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

* Bản kê khai điều kiện sản xuất, sơ chế, chế biến rau, quả, chè an toàn (Phụ lục 5 ban hành kèm theo Quyết định số 99/2008/QĐ-BNN ngày 15 tháng 10 năm 2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

* Sơ đồ vị trí vùng sản xuất rau (mẫu sơ đồ vị trí vùng sản xuất rau)

- Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

* Quyết định số 99/2008/QĐ-BNN ngày 15 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về “Quy định quản lý sản xuất, kinh doanh rau, quả và chè an toàn”.

* Hướng dẫn số 352/HD-TT-CLT, ngày 25 tháng 3 năm 2009 của Cục Trồng trọt về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 99/2008/QĐ-BNN ngày 15 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

* Công văn số 147/SNN-NN ngày 01 tháng 02 năm 2008 của Sở Nông nghiệp và PTNT Tp.HCM về “Hướng dẫn trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất rau an toàn”. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2008.

* Công văn số 320/SNN-NN ngày 30 tháng 3 năm 2009 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hồ Chí Minh về việc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất rau an toàn. Có hiệu lực từ ngày 30 tháng 3 năm 2009.

Phụ lục 4**Mẫu đơn đăng ký chứng nhận
đủ điều kiện sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 99/2008/QĐ-BNN ngày 15 tháng 10 năm 2008
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm

**ĐƠN ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, SƠ CHẾ RAU, QUẢ AN TOÀN**

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh/TP.....

1. Tên nhà sản xuất:.....

2. Địa chỉ :.....

ĐTFaxEmail.....

3. Quyết định thành lập hoặc giấy phép kinh doanh (nếu có):

4. Đăng ký được cấp giấy chứng nhận

Sau khi nghiên cứu Quy định về quản lý sản xuất, kinh doanh rau, quả, chè an toàn, đặc biệt về điều kiện sản xuất, sơ chế rau, quả, chè an toàn, liên hệ với điều kiện cụ thể, chúng tôi xin đăng ký được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn:

- Diện tích sản xuất rau, quả an toàn đăng ký:ha (hoặc quy mô sản xuất:.....kg/đơn vị thời gian);

- Chung loại rau, quả an toàn đăng ký:.....(quy mô diện tích hoặc quy mô sản xuất:.....kg/đơn vị thời gian của từng chủng loại);

- Địa điểm: thôn....xã, (phường).....huyện (quận).....

- Bản kê điều kiện sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn (kèm theo);

5. Chúng tôi cam kết thực hiện đúng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho rau, quả an toàn.

Đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh/TP.....thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn./.

Đại diện của nhà sản xuất
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 5

Mẫu bản kê khai điều kiện sản xuất, sơ chế, chế biến rau, quả, chè an toàn
(Ban hành kèm theo Quyết định số 99/2008/QĐ-BNN ngày 15 tháng 10 năm 2008
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm

BẢN KÊ KHAI**ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, SƠ CHẾ, CHẾ BIẾN RAU, QUẢ, CHÈ AN TOÀN**

1. Tên nhà sản xuất:
2. Địa chỉ :.....ĐT FaxEmail.....
3. Điều kiện sản xuất, sơ chế, chế biến rau, quả, chè an toàn
- 3.1. Nhân lực:
Danh sách cán bộ kỹ thuật

| TT | Họ và tên | Trình độ chuyên môn | Thời gian công tác | Ghi chú |
|----|-----------|---------------------|--------------------|---------|
| | | | | |

Danh sách hộ gia đình sản xuất, sơ chế, chế biến rau, quả, chè an toàn

| TT | Họ tên chủ hộ | DT đất trồng (ha) | Chứng chỉ tập huấn | Ghi chú |
|----|---------------|-------------------|--------------------|---------|
| | | | | |

3.2. Đất trồng:

- Diện tích sản xuất rau, quả, chè an toàn đăng ký:ha (hoặc quy mô sản xuấtkg/đơn vị thời gian);
- Địa điểm: thôn....xã, (phường).....huyện (quận).....
- Bản đồ giải thửa, hoặc sơ đồ khu vực sản xuất;
- Kết quả phân tích đất theo Phụ lục 1 của Quy định này (nếu có);
- Khu vực sản xuất, sơ chế, chế biến cách ly các nguồn gây ô nhiễmm.

3.3. Nguồn nước tưới:

- Nguồn nước tưới cho cây rau, quả, chè (sông, ao hồ, nước ngầm...):.....
- Kết quả phân tích nước tưới theo Phụ lục 2 của Quy định này (nếu có).

3.4. Quy trình sản xuất, sơ chế, chế biến rau, quả, chè an toàn:

- Các loại rau, quả, chè đăng ký sản xuất:
- Các quy trình sản xuất sơ chế rau, quả, chè an toàn theo GAP (VietGAP...) và chế biến chè theo quy trình chế biến an toàn ...

3.5. Điều kiện sơ chế, chế biến rau, quả, chè an toàn:

- Diện tích khu sơ chếm², loại nhà:.....
- Diện tích kho bảo quản :.....m², tình trạng kỹ thuật:.....
- Điều kiện bao gói sản phẩm:.....
- Quy trình sơ chế rau, quả an toàn theo GAP (VietGAP...) và Quy trình chế biến chè an toàn...cho loại rau, quả, chè đăng ký sản xuất

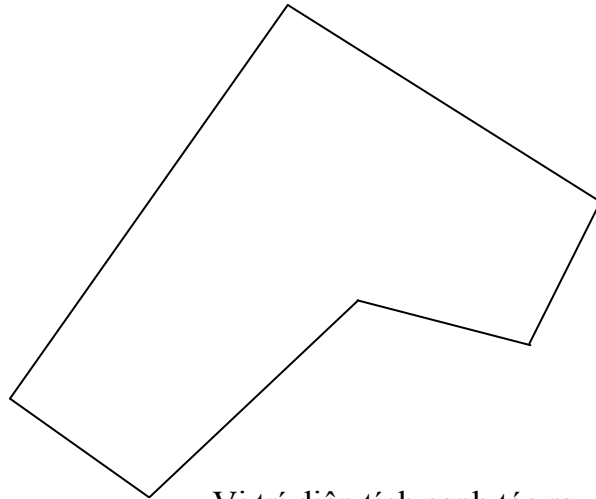
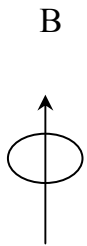
Chúng tôi cam kết các thông tin trong bản kê khai là đúng sự thật.

....., ngày..... tháng năm...

Đại diện của nhà sản xuất
(Ký tên, đóng dấu)

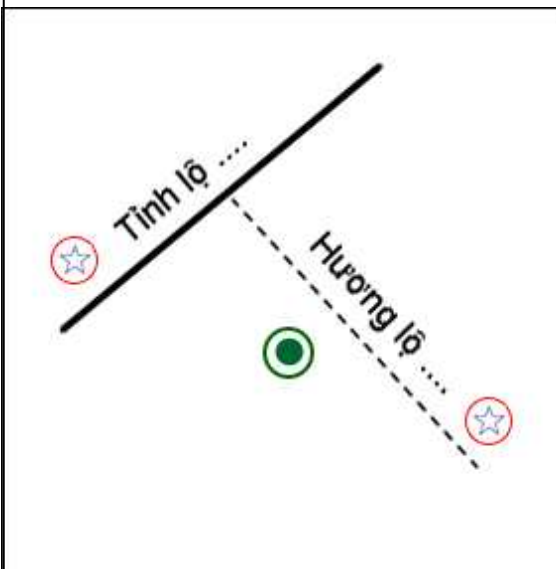
Mẫu sơ đồ vị trí vùng sản xuất rau

SƠ ĐỒ DIỆN TÍCH CANH TÁC RUỘNG RAU AN TOÀN



Vị trí diện tích canh tác rau
Số tờ bản đồ:
Số lô:
Số thửa:
Diện tích:

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ



- UBND Xã
(trường học, bệnh viện)
- : Tỉnh lộ
- : Hương lộ
- : Địa điểm khu ruộng sản xuất.

18. Thủ tục Cấp giấy chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật**- Trình tự thực hiện:**

* Bước 1: Chuẩn bị đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Chi cục Bảo vệ thực vật TP Hồ Chí Minh, số 10 Nguyễn Huy Tưởng, phường 6, quận Bình Thạnh.

Thời gian nhận hồ sơ: sáng từ 7g30 - 11g30, chiều từ 13g00 - 17g00, từ thứ hai đến thứ sáu.

Khi nhận hồ sơ đăng ký, Thanh tra chuyên ngành kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết biên nhận và hẹn ngày trả kết quả cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn để người nộp hoàn thiện hồ sơ.

* Bước 3: Chi cục Bảo vệ thực vật cấp giấy chứng chỉ hành nghề và trả kết quả theo ngày hẹn tại Chi cục Bảo vệ thực vật. Sáng từ 7g30 - 11g30, chiều từ 13g00 - 17g00, từ thứ hai đến thứ sáu.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Đơn xin cấp chứng chỉ hành nghề

+ Bản sao hợp pháp văn bằng chuyên môn về hóa học hoặc nông học (ngành trồng trọt, bảo vệ thực vật) từ đại học trở lên;

+ Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú hoặc doanh nghiệp quản lý người đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề;

+ Giấy khám sức khỏe do Trung tâm Y tế quận, huyện, thị xã thuộc tỉnh trở lên cấp và có giá trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày cấp;

+ 03 ảnh chân dung cỡ 4cm x 6cm.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- Thời hạn giải quyết:

Thời hạn xét cấp và gia hạn chứng chỉ hành nghề là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Nếu vì lý do nào đó mà không cấp chứng chỉ hành nghề, Chi cục Bảo vệ thực vật phải trả lời bằng văn bản cho người xin cấp.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Bảo vệ thực vật thành phố Hồ Chí Minh

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Chi cục Bảo vệ thực vật thành phố Hồ Chí Minh

d) Cơ quan phối hợp: Không có

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Chứng chỉ hành nghề

- **Lệ phí:** Cấp giấy chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật: 1.000.000đ (Một triệu đồng)

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

* Đơn đề nghị cấp và gia hạn chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật (Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 97/2008/QĐ-BNN ngày 06 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

- **Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** không có

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

* Pháp lệnh số 36/2001/PL-UBTVQH10 ngày 25 tháng 7 năm 2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Bảo vệ và kiểm dịch thực vật

* Nghị định 58/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ ban hành Điều lệ bảo vệ thực vật, Điều lệ kiểm dịch thực vật và Điều lệ quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

* Quyết định số 97/2008/QĐ-BNN ngày 06 tháng 10 năm 2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy định về việc cấp chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

* Thông tư số 110/2003/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2003 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí bảo vệ, kiểm dịch thực vật và quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

* Công văn số 1759/BVTV-TTr ngày 17 tháng 11 năm 2008 của Cục Bảo vệ thực vật về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định 97/2008/QĐ-BNN ngày 06 tháng 10 năm 2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

PHỤ LỤC 1

(Ban hành kèm theo Quyết định số 97/2008/QĐ-BNN ngày 06 tháng 10 năm 2008
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**CẤP VÀ GIA HẠN CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ SẢN XUẤT, GIA CÔNG,
SANG CHAI, ĐÓNG GÓI THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

Kính gửi : Chi cục Bảo vệ thực vật (tỉnh, thành phố)

Họ và tên (Viết chữ in):.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... Tại

Chức vụ:

Đơn vị công tác:

Số chứng minh nhân dân..... Ngày cấp Nơi cấp.....

Trình độ chuyên môn:

Đã tốt nghiệp đại học:

Số bằng:..... Ngày cấp

Địa chỉ cơ sở sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật:.....

.....

Tôi xin chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật, nếu vi phạm tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý chuyên ngành và pháp luật.

Xác nhận của chính quyền địa phương
nơi mở cơ sở hoặc của lãnh đạo đơn vị (1)
(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày tháng năm
Người đề nghị
(Ký và ghi rõ họ tên)

(1) Xác nhận của chính quyền địa phương đối với doanh nghiệp chuẩn bị thành lập

19. Thủ tục Gia hạn chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật**- Trình tự thực hiện:**

* Bước 1: Chuẩn bị đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Chi cục Bảo vệ thực vật TP Hồ Chí Minh, số 10 Nguyễn Huy Tưởng, phường 6, quận Bình Thạnh.

Thời gian nhận hồ sơ: sáng từ 7g30 - 11g30, chiều từ 13g00 - 17g00, từ thứ hai đến thứ sáu.

Khi nhận hồ sơ đăng ký, Thanh tra chuyên ngành kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết biên nhận và hẹn ngày trả kết quả cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn để người nộp hoàn thiện hồ sơ.

* Bước 3: Chi cục Bảo vệ thực vật gia hạn giấy chứng chỉ hành nghề và trả kết quả theo ngày hẹn tại Chi cục Bảo vệ thực vật. Sáng từ 7g30 - 11g30, chiều từ 13g00 - 17g00, từ thứ hai đến thứ sáu.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Đơn đề nghị gia hạn chứng chỉ hành nghề

+ Giấy khám sức khỏe do Trung tâm Y tế quận, huyện, thị xã thuộc tỉnh trở lên cấp và có giá trị trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày cấp;

+ Giấy chứng nhận đã tham dự các lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức chuyên môn và văn bản pháp luật mới do Chi cục Bảo vệ thực vật tổ chức.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

Ghi chú: Nếu người được cấp chứng chỉ hành nghề không tham dự các lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức chuyên môn và văn bản pháp luật mới do Chi cục Bảo vệ thực vật tổ chức thì khi chứng chỉ hành nghề hết hạn phải làm thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề. Thủ tục cấp lại được thực hiện như cấp mới chứng chỉ hành nghề.

- Thời hạn giải quyết:

Thời hạn xét cấp và gia hạn chứng chỉ hành nghề là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Nếu vì lý do nào đó mà không cấp chứng chỉ hành nghề, Chi cục Bảo vệ thực vật phải trả lời bằng văn bản cho người xin cấp.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Bảo vệ thực vật thành phố Hồ Chí Minh

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Chi cục Bảo vệ thực vật thành phố Hồ Chí Minh

d) Cơ quan phối hợp: Không có

- Kết quả thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề

- Lệ phí: Gia hạn Chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật: 1.000.000đ (Một triệu đồng)

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

* Đơn đề nghị cấp và gia hạn chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật (Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 97/2008/QĐ-BNN ngày 06 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

- Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

* Pháp lệnh số 36/2001/PL-UBTVQH10 ngày 25 tháng 7 năm 2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Bảo vệ và kiểm dịch thực vật

* Nghị định 58/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ ban hành Điều lệ bảo vệ thực vật, Điều lệ kiểm dịch thực vật và Điều lệ quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

* Quyết định số 97/2008/QĐ-BNN ngày 06 tháng 10 năm 2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy định về việc cấp chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

* Thông tư số 110/2003/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2003 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí bảo vệ, kiểm dịch thực vật và quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

* Công văn số 1759/BVTV-TTr ngày 17 tháng 11 năm 2008 của Cục Bảo vệ thực vật về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định 97/2008/QĐ-BNN ngày 06 tháng 10 năm 2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

PHỤ LỤC 1

(Ban hành kèm theo Quyết định số 97/2008/QĐ-BNN ngày 06 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**CẤP VÀ GIA HẠN CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ SẢN XUẤT, GIA CÔNG,
SANG CHAI, ĐÓNG GÓI THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

Kính gửi : Chi cục Bảo vệ thực vật (tỉnh, thành phố)

Họ và tên (Viết chữ in):.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... Tại

Chức vụ:

Đơn vị công tác:

Số chứng minh nhân dân..... Ngày cấp Nơi cấp.....

Trình độ chuyên môn:

Đã tốt nghiệp đại học:

Số bằng:..... Ngày cấp

Địa chỉ cơ sở sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật:.....

.....

Tôi xin chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật, nếu vi phạm tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý chuyên ngành và pháp luật.

Xác nhận của chính quyền địa phương
nơi mở cơ sở hoặc của lãnh đạo đơn vị (1)
(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày tháng năm

Người đề nghị
(Ký và ghi rõ họ tên)

(1) Xác nhận của chính quyền địa phương đối với doanh nghiệp chuẩn bị thành lập

20. Thủ tục Cấp giấy chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc BVTV**- Trình tự thực hiện:**

* Bước 1: Chuẩn bị đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Chi cục Bảo vệ thực vật TP Hồ Chí Minh, số 10 Nguyễn Huy Tưởng, phường 6, quận Bình Thạnh.

Thời gian nhận hồ sơ: sáng từ 7g30 - 11g30, chiều từ 13g00 - 17g00, từ thứ hai đến thứ sáu.

Khi nhận hồ sơ đăng ký, Thanh tra chuyên ngành kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết biên nhận và hẹn ngày trả kết quả cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn để người nộp hoàn thiện hồ sơ.

* Bước 3: Chi cục Bảo vệ thực vật cấp giấy chứng chỉ hành nghề và trả kết quả theo ngày hẹn tại Chi cục Bảo vệ thực vật. Sáng từ 7g30 - 11g30, chiều từ 13g00 - 17g00, từ thứ hai đến thứ sáu.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Đơn xin cấp chứng chỉ hành nghề

+ Bản sao hợp pháp bằng tốt nghiệp trung cấp nông, lâm nghiệp trở lên (chuyên ngành trồng trọt, bảo vệ thực vật, sinh học) hoặc giấy chứng nhận đã tham dự lớp học chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật do Chi cục Bảo vệ thực vật cấp;

+ Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú hoặc doanh nghiệp quản lý người đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề;

+ Giấy khám sức khỏe do Trung tâm Y tế quận, huyện, thị xã thuộc tỉnh trở lên cấp và có giá trị trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày cấp;

+ 03 ảnh chân dung cỡ 4cm x 6cm.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- Thời hạn giải quyết:

Thời hạn xét cấp và gia hạn chứng chỉ hành nghề là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Nếu vì lý do nào đó mà không cấp chứng chỉ hành nghề, Chi cục Bảo vệ thực vật phải trả lời bằng văn bản cho người xin cấp.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Bảo vệ thực vật thành phố Hồ Chí Minh

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Chi cục Bảo vệ thực vật thành phố Hồ Chí Minh

d) Cơ quan phối hợp: Không có

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Chứng chỉ hành nghề

- **Lệ phí:** Cấp Chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc bảo vệ thực vật: 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

* Đơn đề nghị cấp và gia hạn chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (dùng cho cửa hàng buôn bán thuốc bảo vệ thực vật) (Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quyết định số 97/2008/QĐ-BNN ngày 06 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

* Đơn đề nghị cấp và gia hạn chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (dùng cho công ty, chi nhánh kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật) (Phụ lục 3 ban hành kèm theo Quyết định số 97/2008/QĐ-BNN ngày 06 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

- **Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

* Pháp lệnh số 36/2001/PL-UBTVQH10 ngày 25 tháng 7 năm 2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Bảo vệ và kiểm dịch thực vật

* Nghị định 58/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ ban hành Điều lệ bảo vệ thực vật, Điều lệ kiểm dịch thực vật và Điều lệ quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

* Quyết định số 97/2008/QĐ-BNN ngày 06 tháng 10 năm 2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy định về việc cấp chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

* Thông tư số 110/2003/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2003 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí bảo vệ, kiểm dịch thực vật và quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

* Công văn số 1759/BVTV-TTr ngày 17 tháng 11 năm 2008 của Cục Bảo vệ thực vật về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định 97/2008/QĐ-BNN ngày 06 tháng 10 năm 2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

PHỤ LỤC 2

(Ban hành kèm theo Quyết định số 97/2008/QĐ-BNN ngày 06 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP VÀ GIA HẠN CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ
BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT
(dùng cho cửa hàng buôn bán thuốc BVTV)

Kính gửi : Chi cục Bảo vệ thực vật (tỉnh, thành phố)

Họ và tên (Viết chữ in):

Ngày, tháng, năm sinh: Tại

Hộ khẩu thường trú:

Số chứng minh nhân dân Ngày cấp Nơi cấp

Đã tốt nghiệp (đại học, trung cấp nông lâm nghiệp, lớp học chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật)

Nơi cấp Ngày cấp

Địa chỉ cửa hàng:

Tôi xin chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về buôn bán thuốc bảo vệ thực vật, nếu vi phạm tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý chuyên ngành và pháp luật.

Xác nhận của chính quyền địa phương
nơi đăng ký địa điểm bán thuốc
(ghi rõ đồng ý hay không đồng ý về địa điểm)
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm
Người đề nghị
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC 3

(Ban hành kèm theo Quyết định số 97/2008/QĐ-BNN ngày 06 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP VÀ GIA HẠN CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ
BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT
(dùng cho công ty, chi nhánh kinh doanh thuốc BVTV)

Kính gửi: Chi cục Bảo vệ thực vật (tỉnh, thành phố)

Họ và tên (Viết chữ in):

Ngày, tháng, năm sinh: Tại

Chức vụ:

Đơn vị công tác:

Số chứng minh nhân dân Ngày cấp Nơi cấp

Đã tốt nghiệp (đại học, trung cấp nông lâm nghiệp, lớp học chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật)

Nơi cấp Ngày cấp

Địa chỉ trụ sở:

Tôi xin chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về buôn bán thuốc bảo vệ thực vật, nếu vi phạm tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý chuyên ngành và pháp luật.

Xác nhận của chính quyền địa phương
về địa điểm trụ sở
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm
Người đề nghị
(Ký và ghi rõ họ tên)

21. Thủ tục Gia hạn chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc BVTV

- Trình tự thực hiện:

* Bước 1: Chuẩn bị đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Chi cục Bảo vệ thực vật TP Hồ Chí Minh, số 10 Nguyễn Huy Tưởng, phường 6, quận Bình Thạnh.

Thời gian nhận hồ sơ: sáng từ 7g30 - 11g30, chiều từ 13g00 - 17g00, từ thứ hai đến thứ sáu.

Khi nhận hồ sơ đăng ký, Thanh tra chuyên ngành kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết biên nhận và hẹn ngày trả kết quả cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn để người nộp hoàn thiện hồ sơ.

* Bước 3: Chi cục Bảo vệ thực vật gia hạn giấy chứng chỉ hành nghề và trả kết quả theo ngày hẹn tại Chi cục Bảo vệ thực vật. Sáng từ 7g30 - 11g30, chiều từ 13g00 - 17g00, từ thứ hai đến thứ sáu.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Đơn đề nghị gia hạn chứng chỉ hành nghề

+ Giấy khám sức khỏe do Trung tâm Y tế quận, huyện, thị xã thuộc tỉnh trở lên cấp và có giá trị trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày cấp;

+ Giấy chứng nhận đã tham dự các lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức chuyên môn và văn bản pháp luật mới do Chi cục Bảo vệ thực vật tổ chức.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

Ghi chú: Nếu người được cấp chứng chỉ hành nghề không tham dự các lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức chuyên môn và văn bản pháp luật mới do Chi cục Bảo vệ thực vật tổ chức thì khi chứng chỉ hành nghề hết hạn phải làm thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề. Thủ tục cấp lại được thực hiện như cấp mới chứng chỉ hành nghề.

- Thời hạn giải quyết:

Thời hạn xét cấp và gia hạn chứng chỉ hành nghề là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Nếu vì lý do nào đó mà không cấp chứng chỉ hành nghề, Chi cục Bảo vệ thực vật phải trả lời bằng văn bản cho người xin cấp.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Bảo vệ thực vật thành phố Hồ Chí Minh

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Chi cục Bảo vệ thực vật thành phố Hồ Chí Minh

d) Cơ quan phối hợp: không

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Chứng chỉ hành nghề

- **Lệ phí:** Gia hạn Chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc BVTV: 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng)

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

* Đơn đề nghị cấp và gia hạn chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (dùng cho cửa hàng buôn bán thuốc bảo vệ thực vật) (Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quyết định số 97/2008/QĐ-BNN ngày 06 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

* Đơn đề nghị cấp và gia hạn chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (dùng cho công ty, chi nhánh kinh doanh thuốc BVTV) (Phụ lục 3 ban hành kèm theo Quyết định số 97/2008/QĐ-BNN ngày 06 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

- **Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** không có

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

* Pháp lệnh số 36/2001/PL-UBTVQH10 ngày 25 tháng 7 năm 2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về bảo vệ và kiểm dịch thực vật

* Nghị định 58/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ ban hành Điều lệ bảo vệ thực vật, Điều lệ kiểm dịch thực vật và Điều lệ quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

* Quyết định số 97/2008/QĐ-BNN ngày 06 tháng 10 năm 2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy định về việc cấp chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

* Thông tư số 110/2003/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2003 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí bảo vệ, kiểm dịch thực vật và quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

* Công văn số 1759/BVTV-TTr ngày 17 tháng 11 năm 2008 của Cục Bảo vệ thực vật về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định 97/2008/QĐ-BNN ngày 06 tháng 10 năm 2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

PHỤ LỤC 2

(Ban hành kèm theo Quyết định số 97/2008/QĐ-BNN ngày 06 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP VÀ GIA HẠN CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ
BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT
(dùng cho cửa hàng buôn bán thuốc BVTV)

Kính gửi : Chi cục Bảo vệ thực vật (tỉnh, thành phố)

Họ và tên (Viết chữ in):

Ngày, tháng, năm sinh: Tại

Hộ khẩu thường trú:

Số chứng minh nhân dân Ngày cấp Nơi cấp

Đã tốt nghiệp (đại học, trung cấp nông lâm nghiệp, lớp học chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật)

Nơi cấp Ngày cấp

Địa chỉ cửa hàng:

Tôi xin chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về buôn bán thuốc bảo vệ thực vật, nếu vi phạm tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý chuyên ngành và pháp luật.

Xác nhận của chính quyền địa phương
nơi đăng ký địa điểm bán thuốc
(ghi rõ đồng ý hay không đồng ý về địa điểm)
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm
Người đề nghị
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC 3

(Ban hành kèm theo Quyết định số 97/2008/QĐ-BNN ngày 06 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP VÀ GIA HẠN CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ
BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT
(dùng cho công ty, chi nhánh kinh doanh thuốc BVTV)

Kính gửi: Chi cục Bảo vệ thực vật (tỉnh, thành phố)

Họ và tên (Viết chữ in):

Ngày, tháng, năm sinh: Tại

Chức vụ:

Đơn vị công tác:

Số chứng minh nhân dân Ngày cấp Nơi cấp

Đã tốt nghiệp (đại học, trung cấp nông lâm nghiệp, lớp học chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật)

Nơi cấp Ngày cấp

Địa chỉ trụ sở:

Tôi xin chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về buôn bán thuốc bảo vệ thực vật, nếu vi phạm tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý chuyên ngành và pháp luật.

Xác nhận của chính quyền địa phương
về địa điểm trụ sở
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm
Người đề nghị
(Ký và ghi rõ họ tên)

22. Thủ tục Thông qua nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật tại địa phương

- Trình tự thực hiện:

* Bước 1: Chi cục Bảo vệ thực vật thành phố Hồ Chí Minh nhận hồ sơ hợp lệ từ Sở Văn hóa - Thông tin thành phố Hồ Chí Minh

* Bước 2: Chi cục Bảo vệ thực vật thẩm định nội dung quảng cáo về thuốc bảo vệ thực vật.

* Bước 3: Chi cục Bảo vệ thực vật gửi giấy tiếp nhận hồ sơ cho Sở Văn hóa - Thông tin thành phố Hồ Chí Minh.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Đơn xin cấp giấy phép thực hiện quảng cáo

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức hoặc cá nhân xin cấp giấy phép thực hiện quảng cáo;

+ Mẫu (ma-két) sản phẩm quảng cáo in màu có chữ ký của cá nhân xin phép thực hiện quảng cáo hoặc có đóng dấu nếu người xin phép là tổ chức (02 bản);

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật, hướng dẫn sử dụng và những khuyến cáo đặc biệt.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- Thời hạn giải quyết:

Sau khi nhận được hồ sơ hợp lệ từ Sở Văn hóa - Thông tin, Chi cục Bảo vệ thực vật sẽ cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ đăng ký quảng cáo. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ghi trên giấy tiếp nhận, nếu Chi cục Bảo vệ thực vật không có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung, Sở Văn hóa - Thông tin sẽ cấp phép thực hiện quảng cáo theo hồ sơ đã đăng ký. Trường hợp có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung thì quy trình tiếp nhận hồ sơ cấp phép thực hiện quảng cáo sẽ thực hiện lại từ đầu theo quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân và tổ chức

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Bảo vệ thực vật thành phố Hồ Chí Minh

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện:
Không có

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Chi cục Bảo vệ thực vật thành phố Hồ Chí Minh

d) Cơ quan phối hợp: Không có

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy tiếp nhận hồ sơ đăng ký quảng cáo

- **Lệ phí:** Không có

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không có

- **Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

* Pháp lệnh Quảng cáo số 39/2001/PL-UBTVQH10 ngày 16 tháng 11 năm 2001

* Nghị định số 24/2003/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Quảng cáo

* Thông tư số 43/2003/TT-BVHTT ngày 16 tháng 7 năm 2003 của Bộ Văn hóa - Thông tin hướng dẫn thực hiện Nghị định số 24/2003/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Quảng cáo.

* Thông tư số 79/2005/TT-BVHTT ngày 08 tháng 12 năm 2005 của Bộ Văn hóa - Thông tin sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 43/2003/TT-BVHTT ngày 16 tháng 7 năm 2003 của Bộ VHTT.

* Thông tư liên tịch số 96/2004/TTLT/BVHTT-BNN&PTNT ngày 03 tháng 11 năm 2004 của Bộ Văn hóa - Thông tin và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về quảng cáo một số hàng hóa trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

* Thông tư liên tịch số 06/2007/TTLT/BVHTT-BYT-BNN-BXD ngày 28 tháng 02 năm 2007 Bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép thực hiện quảng cáo một cửa liên thông.

* Công văn số 842/BNN-BVTV ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thực hiện Thông tư liên tịch số 96/2004/TTLT/BVHTT-BNN&PTNT.

23. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề xông hơi khử trùng vật thể bảo quản nội địa

- Trình tự thực hiện:

* Bước 1: Người có nhu cầu chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định.

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Chi cục Bảo vệ thực vật, số 10 Nguyễn Huy Tưởng, phường 6, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian nhận hồ sơ: sáng từ 7g30 - 11g30 và chiều từ 13g00 - 17g00, từ thứ hai đến thứ sáu.

Kiểm tra nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả.

* Bước 3: Thông báo với doanh nghiệp để kiểm tra điều kiện hành nghề xông hơi khử trùng.

* Bước 4: Trả kết quả tại Chi cục Bảo vệ thực vật, số 10 Nguyễn Huy Tưởng phường 6, quận Bình Thạnh. Sáng từ 7g30 - 11g30 và chiều từ 13g00 - 17g00, từ thứ hai đến thứ sáu.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận (theo mẫu Phụ lục 4);

+ Quy trình kỹ thuật, phương tiện, danh mục trang thiết bị xông hơi khử trùng theo quy định.

+ Bản sao Chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng;

+ Danh sách người trực tiếp xông hơi khử trùng đã được cấp Thẻ xông hơi khử trùng theo quy định.

b) Số lượng hồ sơ: 01(bộ)

- Thời hạn giải quyết:

Kể từ khi Chi cục Bảo vệ thực vật thành phố Hồ Chí Minh nhận được hồ sơ hợp lệ, Chi cục Bảo vệ thực vật tiến hành xem xét và cấp loại giấy tờ trên trong thời hạn 15 ngày. Trường hợp không thể cấp được trong thời hạn trên thì Chi cục Bảo vệ thực vật sẽ thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Bảo vệ thực vật thành phố Hồ Chí Minh

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: không có

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Chi cục Bảo vệ thực vật thành phố Hồ Chí Minh

d) Cơ quan phối hợp: không có

- Kết quả thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận

- Lệ phí: Không có

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

* Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề xông hơi khử trùng (Phụ lục 4 ban hành kèm theo Quyết định số 89/2007/QĐ-BNN ngày 01 tháng 11 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

- Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

* Quyết định số 89/2007/QĐ-BNN ngày 01 tháng 11 năm 2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy định quản lý nhà nước về hoạt động xông hơi khử trùng vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.

Phụ lục 4

(Ban hành kèm theo Quyết định số 89/2007/QĐ-BNN ngày 01 tháng 11 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI)
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HÀNH NGHỀ
XÔNG HƠI KHỬ TRÙNG**

Kính gửi:.....

Tên tổ chức hoạt động xông hơi khử trùng:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Đề nghị quý cơ quan cấp (cấp lại) Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề xông hơi khử trùng cho cơ quan chúng tôi:

Phạm vi hành nghề: thực hiện xông hơi khử trùng đối với :

- Vật thể xuất nhập khẩu và quá cảnh;
- Vật thể nhiễm dịch hại thuộc diện điều chỉnh;
- Vật thể bảo quản nội địa;
- Vật liệu, bao bì đóng gói bằng gỗ trong thương mại quốc tế;
- Các trường hợp khác.....

Quy mô (m³/năm):

Hồ sơ kèm theo:

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề số(đối với trường hợp xin cấp lại)
- Chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng:chứng chỉ (bản sao)
- Danh sách người trực tiếp khử trùng được cấp thẻ
- Danh mục phương tiện, trang thiết bị hành nghề
- Quy trình kỹ thuật xông hơi khử trùng
- Các giấy tờ khác do cơ quan chức năng có thẩm quyền cấp: Chứng nhận tuân thủ yêu cầu vệ sinh môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ,
- Các giấy tờ liên quan khác (nếu có) :

Vào sổ số :ngày ____/____/____

Cán bộ nhận đơn

(Ký tên)

....., ngày..... tháng.....năm.....

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)

24. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề xông hơi khử trùng vật thể bảo quản nội địa

- Trình tự thực hiện:

* Bước 1: Người có nhu cầu chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định.

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Chi cục Bảo vệ thực vật, số 10 Nguyễn Huy Tường, phường 6, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian nhận hồ sơ: sáng từ 7g30 - 11g30, chiều từ 13g00 - 17g00, từ thứ hai đến thứ sáu.

Kiểm tra nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả.

* Bước 3: Thông báo với doanh nghiệp để kiểm tra điều kiện hành nghề xông hơi khử trùng.

* Bước 4: Trả kết quả tại Chi cục Bảo vệ thực vật, số 10 Nguyễn Huy Tường, phường 6, quận Bình Thạnh. Sáng từ 7g30 - 11g30, chiều từ 13g00 - 17g00, từ thứ hai đến thứ sáu.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận (mẫu Phụ lục 4);

+ Danh mục phương tiện, trang thiết bị xông hơi khử trùng theo quy định;

+ Bản sao Chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng;

+ Danh sách người trực tiếp xông hơi khử trùng đã được cấp Thẻ xông hơi khử trùng theo quy định.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

- Thời hạn giải quyết:

Kể từ khi Chi cục Bảo vệ thực vật TP. HCM nhận được hồ sơ hợp lệ, Chi cục bảo vệ thực vật tiến hành xem xét và cấp lại loại giấy tờ trên trong thời hạn 15 ngày. Trường hợp không thể cấp lại được trong thời hạn trên thì Chi cục Bảo vệ thực vật sẽ thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Bảo vệ thực vật thành phố Hồ Chí Minh

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Bảo vệ thực vật thành phố Hồ Chí Minh

d) Cơ quan phối hợp: Không có

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận

- **Lệ phí:** Không có

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

* Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề xông hơi khử trùng (Phụ lục 4 ban hành kèm theo Quyết định số 89/2007/QĐ-BNN ngày 01 tháng 11 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

- **Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

* Quyết định số 89/2007/QĐ-BNN ngày 01 tháng 11 năm 2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy định quản lý nhà nước về hoạt động xông hơi khử trùng vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.

Phụ lục 4

(Ban hành kèm theo Quyết định số 89/2007/QĐ-BNN ngày 01 tháng 11 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI)
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HÀNH NGHỀ
XÔNG HƠI KHỬ TRÙNG**

Kính gửi:.....

Tên tổ chức hoạt động xông hơi khử trùng:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Đề nghị quý cơ quan cấp (cấp lại) Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề xông hơi khử trùng cho cơ quan chúng tôi:

Phạm vi hành nghề: thực hiện xông hơi khử trùng đối với :

- Vật thể xuất nhập khẩu và quá cảnh;
- Vật thể nhiễm dịch hại thuộc diện điều chỉnh;
- Vật thể bảo quản nội địa;
- Vật liệu, bao bì đóng gói bằng gỗ trong thương mại quốc tế;
- Các trường hợp khác.....

Quy mô (m³/năm):

Hồ sơ kèm theo:

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề số(đối với trường hợp xin cấp lại)
- Chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng:chứng chỉ (bản sao)
- Danh sách người trực tiếp khử trùng được cấp thẻ
- Danh mục phương tiện, trang thiết bị hành nghề
- Quy trình kỹ thuật xông hơi khử trùng
- Các giấy tờ khác do cơ quan chức năng có thẩm quyền cấp: Chứng nhận tuân thủ yêu cầu vệ sinh môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy, nổ,
- Các giấy tờ liên quan khác (nếu có) :

Vào sổ số :ngày ____/____/____

Cán bộ nhận đơn

(Ký tên)

....., ngày..... tháng.....năm.....

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)

25. Thủ tục Cấp chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng vật thể bảo quản nội địa**- Trình tự thực hiện:**

* Bước 1: Người có nhu cầu chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định.

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Chi cục Bảo vệ thực vật, số 10 Nguyễn Huy Tưởng, phường 6, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian nhận hồ sơ: sáng từ 7g30 - 11g30 và chiều từ 13g00 - 17g00, từ thứ hai đến thứ sáu.

Kiểm tra nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả.

* Bước 3: Trả kết quả tại Chi cục Bảo vệ thực vật, số 10 Nguyễn Huy Tưởng, phường 6, quận Bình Thạnh. Sáng từ 7g30 - 11g30 và chiều từ 13g00 - 17g00, từ thứ hai đến thứ sáu.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề (mẫu Phụ lục 5);

+ Bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp đại học về hóa chất hoặc bảo vệ thực vật;

+ Giấy xác nhận thời gian hoạt động trong lĩnh vực xông hơi khử trùng đối với người đề nghị cấp chứng chỉ;

+ Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện hoặc tương đương trở lên cấp theo quy định của pháp luật;

+ Sơ yếu lý lịch của người đề nghị cấp chứng chỉ (có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc cơ quan chủ quản);

+ Hai ảnh chân dung (4cm x 6cm)

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

- Thời hạn giải quyết:

Kể từ khi Chi cục Bảo vệ thực vật thành phố Hồ Chí Minh nhận được hồ sơ hợp lệ, Chi cục Bảo vệ thực vật tiến hành xem xét và cấp loại giấy tờ trên trong thời hạn 05 ngày. Trường hợp không thể cấp được trong thời hạn trên thì Chi cục Bảo vệ thực vật sẽ thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Bảo vệ thực vật thành phố Hồ Chí Minh

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: không có

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Chi cục Bảo vệ thực vật thành phố Hồ Chí Minh

d) Cơ quan phối hợp: không có

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Chứng chỉ hành nghề

- **Lệ phí:** Cấp chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng: 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng)

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

* Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng (phụ lục 5 ban hành kèm theo Quyết định số 89/2007/QĐ-BNN ngày 01 tháng 11 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

- **Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** không có

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

* Quyết định số 89/2007/QĐ-BNN ngày 01 tháng 11 năm 2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy định quản lý nhà nước về hoạt động xông hơi khử trùng vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.

* Thông tư số 110/2003/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2003 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí bảo vệ, kiểm dịch thực vật và quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

Phụ lục 5

(Ban hành kèm theo Quyết định số 89/2007/QĐ-BNN ngày 01 tháng 11 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP (GIA HẠN)
CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ XÔNG HOI KHỬ TRÙNG**

Kính gửi:.....

Họ tên: Ngày sinh:..... Nam/Nữ

Đơn vị công tác:.....

Địa chỉ:

Chức danh:

Trình độ chuyên môn:

Phạm vi hành nghề: thực hiện xông hơi khử trùng đối với :

- Vật thể xuất nhập khẩu và quá cảnh;
- Vật thể nhiễm dịch hại thuộc diện điều chỉnh;
- Vật thể bảo quản nội địa;
- Vật liệu, bao bì đóng gói bằng gỗ trong thương mại quốc tế;
- Các trường hợp khác.....

Hồ sơ kèm theo:

- Bằng đại học về chuyên môn hóa chất hoặc bảo vệ thực vật (*bản sao có công chứng*)
- Giấy xác nhận thời gian hoạt động trong lĩnh vực xông hơi khử trùng (*đối với trường hợp cấp lần đầu*)
- Giấy chứng nhận sức khoẻ
- Sơ yếu lý lịch
- Ảnh chân dung 4cm x 6cm: 2 ảnh (*đối với trường hợp cấp lần đầu*)
- Chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng (*đối với trường hợp gia hạn*)

Tôi xin cam đoan sẽ chấp hành đúng các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động xông hơi khử trùng trong suốt quá trình hành nghề, nếu vi phạm tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày..... tháng.....năm.....

Xác nhận của cơ quan chủ quản
(Ký tên, đóng dấu)

Người xin cấp (gia hạn) chứng chỉ
(Ký tên)

26. Thủ tục Gia hạn chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng vật thể bảo quản nội địa

- Trình tự thực hiện:

* Bước 1: Người có nhu cầu chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định.

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Chi cục Bảo vệ thực vật, số 10 Nguyễn Huy Tưởng, phường 6, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian nhận hồ sơ: sáng từ 7g30 - 11g30 và chiều từ 13g00 - 17g00, từ thứ hai đến thứ sáu.

Kiểm tra nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả.

* Bước 3: Trả kết quả tại Chi cục Bảo vệ thực vật, số 10 Nguyễn Huy Tưởng, phường 6, quận Bình Thạnh. Sáng từ 7g30 - 11g30 và chiều từ 13g00 - 17g00, từ thứ hai đến thứ sáu.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Đơn đề nghị gia hạn chứng chỉ hành nghề (mẫu Phụ lục 5);

+ Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện hoặc tương đương trở lên cấp theo quy định của pháp luật;

+ Hai ảnh chân dung (4cm x 6cm.)

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- Thời hạn giải quyết:

Kể từ khi Chi cục Bảo vệ thực vật thành phố Hồ Chí Minh nhận được hồ sơ hợp lệ, Chi cục Bảo vệ thực vật tiến hành xem xét và cấp loại giấy tờ trên trong thời hạn 05 ngày. Trường hợp không thể cấp được trong thời hạn trên thì Chi cục Bảo vệ thực vật sẽ thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Bảo vệ thực vật thành phố Hồ Chí Minh

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Chi cục Bảo vệ thực vật thành phố Hồ Chí Minh

d) Cơ quan phối hợp: Không có

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Chứng chỉ hành nghề

- **Lệ phí:** Cấp chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng: 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng)

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

* Đơn đề nghị gia hạn chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng (Phụ lục 5 ban hành kèm theo Quyết định số 89/2007/QĐ-BNN ngày 01 tháng 11 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

- **Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

* Quyết định số 89/2007/QĐ-BNN ngày 01 tháng 11 năm 2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy định quản lý nhà nước về hoạt động xông hơi khử trùng vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.

* Thông tư số 110/2003/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2003 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí bảo vệ, kiểm dịch thực vật và quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

Phụ lục 5

(Ban hành kèm theo Quyết định số 89/2007/QĐ-BNN ngày 01 tháng 11 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP (GIA HẠN)
CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ XÔNG HOI KHỬ TRÙNG**

Kính gửi:.....

Họ tên: Ngày sinh:..... Nam/Nữ

Đơn vị công tác:.....

Địa chỉ:

Chức danh:

Trình độ chuyên môn:

Phạm vi hành nghề: thực hiện xông hơi khử trùng đối với :

- Vật thể xuất nhập khẩu và quá cảnh;
- Vật thể nhiễm dịch hại thuộc diện điều chỉnh;
- Vật thể bảo quản nội địa;
- Vật liệu, bao bì đóng gói bằng gỗ trong thương mại quốc tế;
- Các trường hợp khác.....

Hồ sơ kèm theo:.....

- Bằng đại học về chuyên môn hóa chất hoặc bảo vệ thực vật (*bản sao có công chứng*)
- Giấy xác nhận thời gian hoạt động trong lĩnh vực xông hơi khử trùng (*đối với trường hợp cấp lần đầu*)
- Giấy chứng nhận sức khỏe
- Sơ yếu lý lịch
- Ảnh chân dung 4cm x 6cm: 2 ảnh (*đối với trường hợp cấp lần đầu*)
- Chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng (*đối với trường hợp gia hạn*)

Tôi xin cam đoan sẽ chấp hành đúng các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động xông hơi khử trùng trong suốt quá trình hành nghề, nếu vi phạm tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày..... tháng.....năm.....

Xác nhận của cơ quan chủ quản

(Ký tên, đóng dấu)

Người xin cấp (gia hạn) chứng chỉ

(Ký tên)

27. Thủ tục Cấp Thẻ xông hơi khử trùng vật thể bảo quản nội địa**- Trình tự thực hiện:**

* Bước 1: Người có nhu cầu chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định.

* Bước 2: Nộp hồ sơ tại Chi cục Bảo vệ thực vật, số 10 Nguyễn Huy Tưởng, phường 6, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian nhận hồ sơ: sáng từ 7g30 - 11g30, chiều từ 13g00 - 17g00, từ thứ hai đến thứ sáu.

Kiểm tra nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả.

* Bước 3: Trả kết quả tại Chi cục Bảo vệ thực vật, số 10 Nguyễn Huy Tưởng, phường 6, quận Bình Thạnh. Sáng từ 7g30 - 11g30, chiều từ 13g00 - 17g00, từ thứ hai đến thứ sáu.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Đơn đề nghị cấp thẻ (mẫu Phụ lục 6);

+ Bản sao kết quả học tập về xông hơi khử trùng do cơ quan có thẩm quyền xác nhận;

+ Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện hoặc tương đương trở lên cấp theo quy định của pháp luật;

+ Sơ yếu lý lịch của người đề nghị cấp thẻ (có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc cơ quan chủ quản);

+ Hai ảnh chân dung (2cm x 3cm).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- Thời hạn giải quyết:

Kể từ khi Chi cục Bảo vệ thực vật thành phố Hồ Chí Minh nhận được hồ sơ hợp lệ, Chi cục Bảo vệ thực vật thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xem xét và cấp loại giấy tờ trên trong thời hạn 05 ngày. Trường hợp không thể cấp được trong thời hạn trên thì Chi cục Bảo vệ thực vật sẽ thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Bảo vệ thực vật thành phố Hồ Chí Minh

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện: Chi cục Bảo vệ thực vật thành phố Hồ Chí Minh

d) Cơ quan phối hợp: Không có

- **Kết quả thủ tục hành chính:** Thẻ xông hơi khử trùng

- **Lệ phí:** Không có

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

* Đơn đề nghị cấp thẻ xông hơi khử trùng (Phụ lục 6 ban hành kèm theo Quyết định số 89/2007/QĐ-BNN ngày 01 tháng 11 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

- **Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

* Quyết định số 89/2007/QĐ-BNN ngày 01 tháng 11 năm 2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy định quản lý nhà nước về hoạt động xông hơi khử trùng vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.

Phụ lục 6

(Ban hành kèm theo Quyết định số 89/2007/QĐ-BNN ngày 01 tháng 11 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP (ĐỔI) THẺ XÔNG HƠI KHỬ TRÙNG

Kính gửi:.....

Họ tên: Ngày sinh:..... Nam/Nữ

Đơn vị công tác:.....

Địa chỉ:

Chức danh:

Trình độ chuyên môn:

Trình độ văn hoá:

Phạm vi hành nghề: thực hiện xông hơi khử trùng đối với:

- Vật thể xuất nhập khẩu và quá cảnh;
- Vật thể nhiễm dịch hại thuộc diện điều chỉnh;
- Vật thể bảo quản trong nước;
- Vật liệu, bao bì đóng gói bằng gỗ trong thương mại quốc tế;
- Các trường hợp khác.....

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao kết quả học tập về xông hơi khử trùng (*bản sao có xác nhận*)
- Giấy chứng nhận sức khoẻ
- Sơ yếu lý lịch
- Ảnh chân dung 2cm x 3cm: 2 ảnh
- Thẻ xông hơi khử trùng (*đối với trường hợp đổi thẻ*)

Tôi xin cam đoan sẽ chấp hành đúng các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động xông hơi khử trùng trong suốt quá trình hành nghề, nếu vi phạm tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Xác nhận của cơ quan chủ quản

(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày..... tháng.....năm.....

Người xin cấp (đổi) thẻ

(Ký tên)

(Xem tiếp Công báo số 247 + 248)

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng